

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	9
1 MAGANDIYA - 75 Trung II, 353	14
2 MAHA SAKULUDAYI - 77 Trung II, 399...	37
3 MAHACUNDA - Tăng IV, 294	79
4 MAHALI - 6 Trường I, 265	85
5 MAHALI - Tăng IV, 355	99
6 MAHÀCUNDA - Tăng III, 124	102
7 MAHÀNÀMA - Tăng III, 15	105
8 MAHÀNÀMA 1 - Tăng IV, 665	111
9 MAHÀNÀMA 2 - Tăng IV, 670	117
10 MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ - Tăng III, 649	119
11 MAKHADEVA - 83 Trung II, 531	129
12 MALLIKÀ - Tăng II, 209	147
13 MALUNKYAPUTTA - 64 Trung II, 205....	153

14	MALUNKYAPUTTA - 63 Trung II, 193....	164
15	MIGASALA - Tăng III, 110	177
16	MIGASÀLÀ - Tăng IV, 421	184
17	MINH PHẦN - Tăng III, 88	195
18	MOGGALLÀNA VÀ SÀRIPUTTA - Tăng II, 110.....	196
19	MONG CẦU - Tăng II, 128	197
20	MORANIVÀPA - Tăng I, 535	199
21	MUDHURA - 84 Trung II, 549.....	201
22	Mahaka - Tương IV, 452	217
23	Mahà Sakyamuni Gotama Đại Thíchca mậuni Cùđàm - Tương II, 23	221
24	Mahàli - Tương III, 129.....	224
25	Mahànàma - Tương V, 539	228
26	Mahànàma - Tương V, 542	238
27	Mahànàma - Tương V, 574	241
28	Mahàsàla - Tương I, 386	243

29	Malikà - Tương V, 355	247
30	Mallikà Mạt ly - Tương I, 173	249
31	Mang Đi - Tương III, 399	252
32	Manibhadda - Tương I, 458	254
33	Manicùlam - Tương IV, 510	256
34	Migajàla - Tương IV, 68	259
35	Minh - Tương V, 623	262
36	Minh 1 - Tương V, 625	264
37	Minh 2 - Tương V, 627	268
38	Minh Hay Vị Tỷ kheo - Tương III, 290	271
39	Miếng Đá Vụn - Tương I, 64	273
40	Moggallàna Mục kiên liên - Tương I, 427 ...	278
41	Moggalàna - Tương IV, 605	280
42	Moggalàna - Tương V, 413	287
43	Moggalàna - Tương V, 436	291
44	Moliya Phagguna - Tương II, 30	294
45	Mong Muốn Kiêu Mạn - Tương I, 16	298

46	MÁT LẠNH - Tăng III, 249.....	300
47	MÂY MƯA 1 - Tăng II, 9	302
48	MÂY MƯA 2 - Tăng II, 11	305
49	MÃN NGUYỆT ĐẠI KINH - 109 Trung III, 135.....	308
50	MÃN NGUYỆT TIỂU KINH - 110 Trung III, 145.....	318
51	MÙ LÒA - Tăng I, 229.....	327
52	Màgadha - Tương I, 108	331
53	Màgha - Tương I, 107.....	332
54	Mànadinna - Tương V, 277	333
55	Mànattthada - Tương I, 390.....	334
56	Màra - Tương III, 329.....	338
57	Màra - Tương III, 339.....	341
58	Màra - Tương V, 158.....	343
59	Màra Ma Lưới Bẫy - Tương IV, 161.....	344
60	Màra Ma Lưới Bẫy - Tương IV, 162.....	348

61	Màtaposaka - Tương I, 398	350
62	Mây Mưa 1 - Tương V, 78	352
63	Mây Mưa 2 - Tương V, 79	354
64	Mê Loạn - Tương I, 15	356
65	Món Ăn Cho Các Giác Chi - Tương V, 166	357
66	Món Ăn Của Các Triền Cái - Tương V, 164	361
67	Mù Lòa - Tương IV, 40	364
68	Múa - Tương V, 680	366
69	Múa hát - Kinh KHÓC THAN - Tăng I, 472	368
70	MƯA - Tăng II, 699.....	369
71	MƯỜI PHÁP - Tăng IV, 634	371
72	Mưa - Tương I, 97	384
73	Mưa - Tương V, 576.....	386
74	Mười Chi - Tương II, 293.....	387
75	Mười Lực - Tương II, 55	388
76	Mười Lực - Tương II, 56	390

77	Mười Nghiệp Đạo - Tương II, 292	393
78	Mạng - Tương V, 319	395
79	MẮT GỐC 1 - Tầng I, 538	396
80	MẮT GỐC 1 - Tầng I, 552	398
81	MẮT GỐC 2 - Tầng I, 555	401
82	MẬT HOÀN - 18 Trung I, 247	404
83	MĂNG NHIỄC - Tầng II, 715	417
84	Mắt - Tương II, 427	418
85	Mắt - Tương II, 437	421
86	Mắt - Tương III, 373	426
87	MẮT TRỜI - Tầng III, 418	429
88	Mặt Trăng - Tương V, 68	438
89	Mặt Trời - Tương V, 161	440
90	Mặt Trời - Tương V, 68	442
91	MỆ - Tầng III, 256	444
92	MỆ CỦA NANDA - Tầng III, 361	445
93	MỆ VÀ CON - Tầng II, 414	452

94	Mẹ - Tương II, 327	456
95	Mẹ - Tương II, 423	457
96	MÈN BẰNG TÓC - Tăng I, 524	460
97	MỘNG - Tăng II, 695	462
98	MỘT PHÁP - Tăng I, 71	467
99	MỘT PHÁP - Tăng I, 75	471
100	MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH - Tăng III, 209.....	477
101	MỘT SỐ NỮ CƯ SĨ - Tăng IV, 59	490
102	MỘT UNG NHỌT - Tăng IV, 116.....	491
103	Một - Tương IV, 394	492
104	Một Căn Rễ - Tương I, 74	493
105	Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim - Tương II, 448	494
106	Một Ngàn - Tương V, 454	495
107	Một Ngàn - Tương V, 529	500
108	Một Ngàn và Nhiều Hơn - Tương I, 422.....	502

109 Một Nửa - Tương V, 10.....	506
110 Một Pháp - Tương V, 140.....	508
111 Một Pháp - Tương V, 463.....	510
112 Một Phần - Tương V, 273.....	513
113 Một Phần - Tương V, 394.....	515
114 Một Trăm Cây Thương - Tương V, 640.....	517
115 Một Trăm Lẻ Tám - Tương IV, 372.....	519
116 Một Tỷ Kheo Khác 1 - Tương V, 18.....	522
117 Một Tỷ Kheo Khác 2 - Tương V, 18.....	524
118 Một Vị - Tương II, 138.....	526
119 Một Đồng Thiện - Tương V, 226	528
120 MỤC ĐÍCH 1 - Tăng II, 557	530
121 MỤC ĐÍCH 2 - Tăng II, 560	534
122 Mỹ Nhân - Tương II, 408	538

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 MAGANDIYA - 75 Trung II, 353

KINH MAGANDIYA

(Magandiya sutta)

– Bài kinh số 75 – Trung II, 353

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khát thực. Đi khát thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khát thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja:

– Tấm thảm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thừa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).

– Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều Cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo Thánh đạo, theo Pháp và theo (chí) Thiện.

– Này Tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi thấy mặt Tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự

sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng, và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

– Nay Bharadvaja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với Ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thừa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja nói chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"*

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này Magandiya, mũi ưa thích hương... Này Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Này Magandiya, thân ưa thích xúc... Này Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp,

hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt nã đối với sắc pháp, người này trừ với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào? Này Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết

được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Nay Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Nay Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Magandiya, Ta có ba tòa lầu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Nay Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lầu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lầu đài ấy. **Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả

ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai
nghiến, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy
theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở
đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này
Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp,
sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ
trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém, ở
đây, Ta không ham thích.

*Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con
một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu
nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách
sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do
mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ
đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các
hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức...
các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc,
khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm
thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau
khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung,
được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cộng trú
với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy ở đây,
trong rừng Nandana, được chứng Thiên nữ vây
quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một
cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người
gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm
dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung*

mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vì ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia. Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục

niệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hố than hồng, hay sự thọ dụng được liệu không?

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc đo thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chon biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chúng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình

trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Nay Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc phạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nồng cháy, rất là nhiệt nã.

– *Nay Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc phạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt nã, hay là trước đây, sự xúc phạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt nã?*

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc phạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt nã, và xưa kia, sự xúc phạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nồng cháy và rất là nhiệt nã. Tuy vậy, thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết

thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, **lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

– Cũng vậy, này Magandiya, **sự xúc chạm với các dục** trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, **những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đầy) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đầy) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hồng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu,

thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương.

Cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Magandiya, **các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên nắm dục trưởng dưỡng.**

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn nắm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Magandiya! Này Magandiya, Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn nắm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ

diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

☞ Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ **sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh**, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

Không bệnh, lợi tôi thắng,
Niết-bàn, lạc tôi thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Magandiya, điều mà Ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama? Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù,

không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thăng bằng, không thăng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh".

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, *do biết, do thấy, lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?"*

– Thừa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói

tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu ứ, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

– Cũng vậy, này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.*

☞ **Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên:**

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.*

Và câu kệ ấy này được dần dần lan tràn đến dân chúng phàm phu.

Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khổ, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này,

Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Magandiya, Ông không có Thánh nhân ấy, với Thánh nhân ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và Ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thì **như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não**.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– *Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại*

sinh mạng (của người kia): "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tám y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. **Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ**; và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa".

– Vậy này Magandiya, **hãy thân cận các vị chân nhân**. Này Magandiya, do Ông thân cận các vị chân

nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Nay Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Nay Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại

giới.

– Nay Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. **Và không bao lâu, vì này chúng được mục đích tối cao** mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm

hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

2 MAHA SAKULUDAYI - 77 Trung II, 399

KINH MAHA SAKULUDAYI

– Bài kinh số 77 – Trung II, 399

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, có rất nhiều vị du sĩ, có thời danh, có danh tiếng trú ở Moranivapa (Không Tước Lâm), tu viện các du sĩ, như Anugara, Varadhara, và du sĩ Sakuludayi cùng với các vị du sĩ thời danh, danh tiếng khác. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rajagaha để khát thực. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khát thực ở Rajagaha. Ta hãy đến Moranivapa, tu viện các du sĩ, đi đến gặp du sĩ Sakuludayi". Rồi Thế Tôn đi đến Moranivapa, tu viện các du sĩ.

Lúc bấy giờ du sĩ Sakuludayi đang ngồi cùng với đại chúng du sĩ, đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng, bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như vương luận, tặc luận, đại thần luận, binh luận, bố úy luận,

chiến đấu luận, thực luận, ẩm luận, y luận, sàng luận, hoa man luận, hương liệu luận, thân tộc luận, xa thừa luận, thôn luận, trần luận, thị luận, quốc độ luận, phụ nữ luận, anh hùng luận, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, tạp thoại luận, thế giới luận, hải dương luận, hiện hữu, vô hiện hữu luận. Du sĩ Sakuludayi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay Sa-môn Gotama đang đến, vị Tôn giả ấy ưa mến an tịnh, tán thán an tịnh, nếu biết chúng này an tịnh, có thể ghé tại đây.

Các du sĩ ấy đều im lặng. Rồi Thế Tôn đến chỗ du sĩ Sakuludayi. Du sĩ Sakuludayi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đến! Bạch Thế Tôn, thiện lai Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Thế Tôn hãy ngồi! Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sakuludayi lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Sakuludayi đang ngồi một bên:

– Nay Udayi, nay các vị họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Về sau Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì!

Bạch Thế Tôn, trong những ngày trước, nhiều ngày trước nữa, khi các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuộc nhiều ngoại đạo sai khác, ngồi lại và tập họp tại luận nghị đường, đối thoại này được khởi lên:

"Thật lợi ích thay cho dân chúng Anga và Magadha thật tốt đẹp thay cho dân chúng Anga và Magadha khi được những vị Sa-môn, Bà-la-môn nay là những vị lãnh đạo hội chúng, lãnh đạo đồ chúng, những vị sư trưởng đồ chúng, những vị thời danh, những Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, đã đến Rajagaha để an cư trong mùa mưa!

– Ngài Purana Kassapa (Bất-lan Ca-diếp) này là bậc lãnh đạo hội chúng, lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, đã đến Rajagaha để an cư trong mùa mưa.

– Ngài Makkhali Gosala này... (như trên)...

- Ngài Ajita Kesakambali...
- Ngài Pakudha Kaccayana...
- Ngài Saniaya Belatthiputta...
- Ngài Nigantha Nataputta này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị này đã đến Rajagaha để an cư trong mùa mưa.
- Sa-môn Gotama này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị này đã đến Rajagaha để an cư trong mùa mưa.

Trong những bậc Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này, những bậc lãnh đạo hội chúng, những bậc lãnh đạo đồ chúng, những bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, những bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị nào được các đệ tử cung kính tôn trọng, kính lễ, cúng dường? Và các đệ tử sau khi cung kính tôn trọng đã sống nương tựa như thế nào?"

Ở đây, có một số người đã nói như sau:

- "Vị Purana Kassapa này là bậc lãnh đạo hội

chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng, vị ấy không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ cúng dường. Và các đệ tử, sau khi không cung kính tôn trọng đã không sống nương tựa Purana Kassapa.

- Thuở xưa, Purana Kassapa thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người; ở đây, một đệ tử của Purana Kassapa nói lớn tiếng như sau: "Chư Tôn giả, chớ có hỏi Purana Kassapa về ý nghĩa này. Vị ấy không biết ý nghĩa này, chúng tôi biết ý nghĩa này. Hãy hỏi chúng tôi về ý nghĩa này. Chúng tôi sẽ trả lời về ý nghĩa này cho chư Tôn giả".
- Thuở xưa, Purana Kassapa dang tay, khóc lóc nhưng không được nghe theo: "Chư tôn giả, hãy nhỏ tiếng! Chư Tôn giả hãy lặng tiếng! Những vị ấy không hỏi Chư Tôn giả. Những vị ấy hỏi chúng tôi. Chúng tôi sẽ trả lời cho những vị ấy".
- Nhiều đệ tử của Purana Kassapa, sau khi kích bác Purana Kassapa, bỏ đi và nói: "Ông không biết pháp và luật này. Ta biết pháp và luật này. Làm sao Ông có thể biết pháp và luật này? Ông theo tà hạnh. Ta theo chánh hạnh. Điều ta nói

có tương ưng. Điều Ông nói không tương ưng. Điều đáng nói trước, Ông lại nói như sau. Điều đáng nói sau người lại nói trước. Chủ trương của Ông đã bị lật ngược, câu hỏi của Ông đã bị bài bác. Ông đã bị thuyết bại. Hãy đến giải vây lời nói (ấy) nếu có thể được, gắng thoát khỏi lối bí".

- Như vậy, Purana Kassapa không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và sau khi không cung kính tôn trọng, các đệ tử đã không sống nương tựa Purana Kassapa. Trái lại, Purana Kassapa đã bị mạ ly với những lời mắng nhiếc vì hành động của mình.

Có một số người đã nói như sau: "Vị Makkhali Gosala này... (như trên)... Ajita Kesakambali... Pukudha Kaccayana... Sanjaya Belatthiputta... Vị Nigantha Nataputta này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng. Vị ấy không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi không cung kính, tôn trọng đã không sống nương tựa Nigantha Nataputta. Thuở xưa, Nigantha Nataputta thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người. Ở đây, một đệ tử của Nigantha Nataputta lớn tiếng nói như sau: "Chư Tôn giả, chớ có hỏi Nigantha Nataputta về

ý nghĩa này. Vị ấy không biết ý nghĩa này. Chúng tôi biết ý nghĩa này. Hãy hỏi chúng tôi về ý nghĩa này. Chúng tôi trả lời về ý nghĩa này cho chư Tôn giả". Thuở xưa Nigantha Nataputta dang tay, khóc lóc nhưng không được nghe theo: "Chư Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Chư Tôn giả hãy lặng tiếng! Những vị ấy không hỏi chư Tôn giả. Những vị ấy hỏi chúng tôi. Chúng tôi sẽ trả lời cho những vị ấy". Nhiều đệ tử của Nigantha Nataputta, sau khi kích bác Nigantha Nataputta, bỏ đi và nói: "Ông không biết pháp và luật này. Ta biết pháp và luật này. Làm sao Ông có thể biết pháp và luật này? Ông theo tà hạnh. Ta theo chánh hạnh. Điều ta nói có tương ưng. Điều Ông nói không tương ưng. Điều đáng nói trước Ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Chủ trương của Ông đã bị lật ngược. Câu nói của Ông đã bị bài bác. Ông đã bị thất bại. Hãy đến giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát khỏi lối bí". Như vậy, Nigantha Nataputta không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử không có sau khi cung kính, tôn trọng sống nương tựa Nigantha Nataputta. Trái lại Nigantha Nataputta đã bị mạt ly với những lời mắng nhiếc vì hành động của mình.

Có một số người nói như sau:

- "Sa-môn Gotama này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng. Và vị này được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi cung kính tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama.
- Thuở xưa, Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người. Ở đây, một đệ tử của Sa-môn Gotama ho (thành tiếng). Một vị đồng Phạm hạnh dùng đầu gối đập (nhẹ) vào người ấy và nói: "Tôn giả hãy lặng tiếng! Tôn giả chớ có làm ồn! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đang thuyết pháp".
- Trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng đặng hắng, không có một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama. Từng nhóm đại thánh chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng; nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta được nghe". *Ví như có người tại ngã tư đường, đang bóp vắt một bánh mật ong nhỏ trong sạch, và đại chúng đang sống nhiệt tình kỳ vọng.* Cũng vậy, trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có

một tiếng đảnh hắng, không một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama. Từng nhóm đại thánh chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta sẽ được nghe".

- ➔ Các đệ tử của Sa-môn Gotama sau khi cãi lộn với các vị đồng Phạm hạnh từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, các vị ấy vẫn tán thán bậc Đạo sư, tán thán Pháp, tán thán Tăng, tự quở trách mình, không quở trách người khác: "Chính chúng ta thật bất hạnh, chính chúng ta thật thiếu phước, dầu chúng ta xuất gia trong pháp luật được khéo giảng như vậy mà không thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh cho đến trọn đời". Họ trở thành những người giữ vườn, hay những người cư sĩ và sống thọ trì năm giới".
- ➔ Như vậy Sa-môn Gotama được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và các đệ tử sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama.

❖ *Này Udayi, Ông thấy nơi ta có bao nhiêu pháp mà do các pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính tôn trọng, sống nương tựa vào Ta?*

– Bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn có năm pháp mà do năm pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn. Thế nào là năm?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ăn ít và tán thán hạnh ăn ít. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ăn ít và tán thán hạnh ăn ít. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ nhất, con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn là pháp thứ hai con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng sống nương tựa vào Thế Tôn.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ món ăn khát

thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ ba con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào. Chính pháp này, bạch Thế Tôn, là pháp thứ tư con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống viễn ly và tán thán hạnh sống viễn ly. Chính pháp này bạch Thế Tôn, là pháp thứ năm con thấy nơi Thế Tôn. Do pháp này các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Chính năm pháp này, bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn. Do năm pháp này, các đệ tử cung kính,

tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

- ➔ "Sa-môn Gotama ăn ít và tán thán hạnh ăn ít"; này Udayi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn với một bát (kosa), chỉ ăn với nửa bát, chỉ ăn với trái cây veluva, chỉ ăn với nửa trái cây veluva, và này Udayi. Còn Ta, có khi Ta ăn hơn một bình bát này, có khi Ta ăn nhiều hơn như vậy nữa. "Sa-môn Gotama ăn ít và tán thán hạnh ăn ít"; này Udayi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi tôn trọng, cung kính sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, những đệ tử ấy của Ta, sống nương tựa vào Ta chỉ ăn với một bát, chỉ ăn với nửa bát, chỉ ăn với trái cây veluva, chỉ ăn với nửa trái cây veluva; những vị ấy vì pháp hạnh này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và đáng lẽ không tôn trọng cung kính không sống nương tựa vào Ta.
- ➔ "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào"; này Udayi, nếu vì vậy các đệ tử cung

kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sống mặc phấn tảo y, mặc thô y. Những vị ấy lượm từng mảnh vải từ bãi tha ma, hay từng đồng rác, hay từ tiệm phố, và sau khi làm thành áo sanghati (tăng-già-lê), họ mang loại áo ấy. Còn Ta, này Udayi, có khi Ta mặc vải y của cư sĩ cúng dường, các chỗ sờn mỏng được bện chắc lại với dây tơ cây bí trắng. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào"; này Udayi, nếu vì vậy các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi tôn trọng cung kính, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, những vị đệ tử ấy của Ta, sống mặc phấn tảo y, mặc thô y. Những vị ấy lượm từng mảnh vải từ bãi tha ma, hay từ đồng rác, hay từ tiệm phố, và sau khi làm thành áo sanghati, họ mang loại áo ấy; những vị ấy vì pháp (hạnh) này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

- ➔ "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào", nếu vì vậy, này

Udayi, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn những món ăn nhận trong bình bát khát thực, chỉ đi khát thực từng nhà một (không bỏ sót nhà nào); tự thỏa mãn với những món ăn mảy mún, khi đi vào trong nhà, dầu được mời ngồi, cũng không chấp nhận. Còn Ta, này Udayi, đôi khi Ta nhận ăn những chỗ được mời, nhận ăn các thứ gạo, cháo trong ấy các hạt đen được vớt bỏ, các loại canh, các loại trợ vị. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào"; này Udayi nếu vì vậy, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, những vị đệ tử ấy của Ta, chỉ ăn những món ăn nhận trong bình bát khát thực, chỉ đi khát thực từng nhà một, tự thỏa mãn với những món ăn mảy mún, khi đi vào trong nhà, dầu được mời ngồi cũng không chấp nhận; những vị ấy vì pháp (hạnh) này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

- ➔ "Sa-môn Gotama sống biết đủ và bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào"; nếu vì vậy, này Udayi, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sống dưới gốc cây, sống ở ngoài trời. Những vị ấy trong tám tháng không sống dưới mái che nào. Còn ta, này Udayi, có đôi khi Ta sống dưới những ngôi lâu có gác nhón, có tô vôi trong và ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. "Sa-môn Gotama sống biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào" và nếu vì vậy, này Udayi, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, các vị đệ tử ấy của Ta, sống dưới gốc cây, sống ở ngoài trời, trong tám tháng không sống dưới mái che nào; những vị ấy vì pháp (hạnh) này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và đáng lẽ không cung kính tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.
- ➔ "Sa-môn Gotama là vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly"; này Udayi, nếu vì vậy các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng

đường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng. Sau khi đi sâu vào trong rừng núi, trong các trú xứ xa vắng, sống tại các chỗ ấy, và nửa tháng một lần mới trở về giữa Tăng chúng để tụng đọc Giới bốn. Còn Ta, này Udayi, đôi khi ta sống đoanh vây xung quanh bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, Quốc vương, Đại thần, Ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo. "Sa-môn Gotama là vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly"; và nếu vì vậy, này Udayi, các đệ tử cung kính, tôn trọng kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta, thời này Udayi, các vị đệ tử ấy của Ta, sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng. Sau khi đi sâu vào trong núi, trong các trú xứ xa vắng, sống tại các chỗ ấy và nửa tháng một lần, mới trở về giữa Tăng chúng để tụng đọc Giới bốn; những vị đệ tử ấy vì pháp (hạnh) này đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và đáng lẽ không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

Như vậy, này Udayi, các đệ tử của Ta do năm pháp này không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường

Ta và không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

➔ *Này Udayi, lại có năm pháp khác, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa (vào Ta). Thế nào là năm?*

➔ Ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta **thán phục Tăng thượng giới**: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu giới uẩn tối thượng". Này Udayi, chính đệ tử của Ta thán phục Tăng thượng giới, nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu giới uẩn tối thượng". Đây là pháp thứ nhất, này Udayi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

➔ Lại nữa, này Udayi, các đệ tử của Ta **thán phục tri kiến vi diệu**. Khi nói: "Ta biết", nghĩa là Sa-môn Gotama có biết. Khi nói: "Ta thấy", nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí. Sa-môn Gotama thuyết pháp có như duyên, không phải không có như duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có

thần thông lực (Sappatihariyam), không phải không có thần thông lực. Nay Udayi, chính đệ tử của Ta thán phục trí kiến vi diệu và nghĩ rằng: "Khi nói: "Ta biết", nghĩa là Sa-môn Gotama có biết: Khi nói: "Ta thấy", nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thẳng trí, không phải không với thẳng trí. Sa-môn thuyết pháp với nhơn duyên, không phải không có nhơn duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực, không phải không có thần thông lực". Đây là pháp thứ hai này Udayi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

- ➔ Lại nữa, này Udayi, đệ tử của Ta **thán phục Tăng thượng trí tuệ** và sự kiện này không thể xảy ra khi họ nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có trí tuệ và thành tựu tuệ uẩn tối thượng. Ngài không thấy trước một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên (trong hiện tại) mà Ngài không luận phá sau khi khéo léo nạn phá với Chánh pháp". Nay Udayi, Ông nghĩ thế nào? Các đệ tử của Ta, sau khi biết như vậy, thấy như vậy, có thể làm gián đoạn một cuộc đàm thoại đang diễn tiến nửa chừng không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay Udayi, Ta không chờ đợi sự giáo giới từ nơi những đệ tử của Ta. Trái lại, chính những đệ tử của Ta chờ đợi sự giáo giới từ nơi Ta. Do vậy, nay Udayi, sự kiện này không thể xảy ra khi các đệ tử của Ta thán phục Tăng thượng trí tuệ và suy nghĩ: "Sa-môn Gotama là bậc có trí tuệ và thành tựu tuệ uẩn tối thắng. Ngài không thấy một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên (trong hiện tại) mà Ngài không luận phá, sau khi khéo léo nạn phá với chánh pháp". Đây là pháp thứ ba, nay Udayi, mà các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

- ➔ Lại nữa, nay Udayi, **những đệ tử của Ta bị đắm chìm trong đau khổ, bị đau khổ chi phối, đến Ta và hỏi về khổ Thánh đế**. Được hỏi về Khổ Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Họ hỏi Ta về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Đây là pháp thứ tư, nay Udayi, mà các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa

vào Ta.

- ❖ Lại nữa, này Udayi, **Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Bốn Niệm Xứ.**

Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời. Và ở đây các đệ tử của Ta, phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

- ❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. **Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Bốn Chánh cần.** Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể

duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm... Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này **tu tập Bốn Thần túc**. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo **tu tập thần túc, câu hữu với dục Thiền định tinh cần hành**... tinh tấn Thiền định... tâm Thiền định, tu tập thần túc, câu hữu với tư duy Thiền định tinh cần hành. Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này **tu tập Năm Căn**. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo **tu tập tín căn hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ**, tu tập tinh tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, **tu tập Năm Lực**. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo **tu tập tín lực, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ**, tu tập tinh tấn lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực...tu tập tuệ lực, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, **tu tập Bảy Giác chi**. Ở đây, này các Udayi, vị Tỷ-kheo **tu tập niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ diệt, hướng đến xả**, tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ diệt, hướng đến xả. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, **tu tập Thánh đạo Tám**

ngành. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, tu tập chánh tư duy, tu tập chánh ngữ, tu tập chánh nghiệp, tu tập chánh mạng, tu tập chánh tinh tấn, tu tập chánh niệm, tu tập chánh định. Và ở đây, này Udayi, các vị đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này **tu tập Tám Giải thoát.**

- "Tự mình có sắc, thấy các sắc", đó là giải thoát thứ nhất.
- "Quán tưởng nội sắc, thấy các ngoại sắc", đó là giải thoát thứ hai.
- "Quán tưởng tịnh,, chú tâm trên suy tưởng ấy", đó là giải thoát thứ ba.
- Vượt hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng đối ngại, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú "Không vô biên xứ", đó là giải thoát thứ tư.
- Vượt hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú "Thức vô biên xứ", đó là giải thoát thứ năm.

- Vượt hoàn toàn "Thức vô biên xứ", với suy tư "không có vật gì", chứng và trú "Vô sở hữu xứ", đó là giải thoát thứ sáu.
 - Vượt hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.
 - Vượt hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng, đó là giải thoát thứ tám.
 - Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.
- ❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này **tu tập Tám Thắng xứ**.
- Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng. "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.
 - Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.
 - Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy

nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

- Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.
- Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta thấy, ta biết", đó là thắng xứ thứ năm.
- Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như bông Kanikara màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận

thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

- Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc màu đỏ, ánh sáng đỏ... như bông Bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ... như lụa sa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.
- Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như sao mai Osadhi màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như lụa sa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần

đông an trú, sau khi chúng ngộ nhờ thắng trí, và chúng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tu tập **Mười Biến xứ**.

- Một vị biết được đất biến xứ: trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.
- Một vị biết được nước biến xứ...
- Một vị biết được lửa biến...
- Một vị biết được gió biến...
- Một vị biết được xanh biến...
- Một vị biết được vàng biến...
- Một vị biết được đỏ biến...
- Một vị biết được trắng biến...
- Một vị biết được hư không biến...
- Một vị biết được thức biến xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chúng ngộ nhờ thắng trí, và chúng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu

hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này **tu tập Bốn Thiền**.

- Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần tầm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. *Này Udayi, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt.* Cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướt, làm sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.
- Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với

hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. *Này Udayi, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần.* Cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần; tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

- Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ và các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chúng và an trú vào Thiền thứ ba. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. *Này Udayi, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng,*

có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tấm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tấm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

- Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị Tỷ-kheo ấy ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. *Này Udayi, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu.* Cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần

tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chúng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi. Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này **tuệ tri như sau: "Thân này** của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

– *Ví như, này Udayi, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: "Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt".*

- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này biết được như sau: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.
- ❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này **chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra**. Vì ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.
 - *Ví như, này Udayi, một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau, vỏ khác, cây lau khác, và cây lau từ vỏ rút ra".*
 - *Ví như, này Udayi, một người rút thanh kiếm từ bao kiếm. Người ấy nghĩ: "Đây là thanh kiếm, đây là bao kiếm; thanh kiếm khác, bao*

kiếm khác; và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra.

- Ví như, này Udayi, một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn; con rắn khác, xác rắn khác; và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra".*
- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử . Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vì ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. **Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông.** Vì ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất

liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

- *Ví như, này Udayi, một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích.*
- *Ví như, này Udayi, một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo khéo đũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích.*
- *Ví như, này Udayi, người thợ vàng khéo tay, hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích.*
- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trong nước

không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết gia đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với **thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân**, có thể nghe được hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

- *Ví như, này Udayi, một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xỏ và tiếng kiếng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xỏ, tiếng kiếng.*
- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta, y cứ con đường tu hành này, với thiên nhĩ, thanh tịnh, siêu nhân, có thể nghe được hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an

trú, sau khi chúng ngộ nhờ thắng trí và chúng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi **đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình được biết như sau**: "Tâm tham biết là tâm tham; tâm không tham, biết là tâm không tham. Tâm sân, biết là tâm sân; tâm không sân, biết là tâm không sân. Tâm si, biết là tâm si; tâm không si, biết là tâm không si. Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú, biết là tâm không chuyên chú. Tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định, biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

– *Ví như, này Udayi, một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch sáng suốt, hay một chậu nước trong; nếu mặt có tỳ vết, liền biết*

mặt có tỳ vết nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết".

- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta, y cứ con đường tu hành này, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình được biết như sau:
 - "Tâm tham, biết là tâm tham; Tâm không tham biết là tâm không tham.
 - Tâm sân, biết là tâm sân; Tâm không sân, biết là tâm không sân.
 - Tâm si biết là tâm si; Tâm không si biết là tâm không si.
 - Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú; biết là tâm không chuyên chú.
 - Tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành.
 - Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng.
 - Tâm Thiền định, biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định, biết là tâm không

Thiền định.

- Tâm giải thoát; biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát".

Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. **Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ** như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với nét đại cương và các chi tiết.

- *Ví như, này Udayi, một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta".*
- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... Như vậy các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí chúng đắc cứu cánh viên mãn.
- ❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với **thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân**, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà

kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, các vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

- *Ví như, này Udayi, một tòa lầu có thượng đài giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư hay trên đài thượng".*
- Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết

của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... (như trên)... đều do hạnh nghiệp của họ. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí chứng đắc cứu cánh viên mãn.

❖ Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, **sau khi đoạn tận các lậu hoặc**, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

– *Ví như, này Udayi, tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt đứng trên bờ sông thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại, hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ".*

– Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn

tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

- ➔ Này Udayi, đây là pháp thứ năm, do pháp này các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Này Udayi, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Du sĩ Sakuludayi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy

3 MAHACUNDA - Tăng IV, 294

MAHA CUNDA – Tăng IV, 294

1. Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú giữa dân chúng Cetì tại Sahajàti. Tại đây, tôn giả Mahàcunda gọi các Tỷ-kheo.

- Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

- Thưa Hiền giả.

- Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàcunda. Tôn giả Mahàcunda nói như sau:

2. - Thưa các Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo **thuyết về trí** nói rằng: "*Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này*". Nếu **tham** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu **sân... nếu si...** nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đó... nếu ác dục chinh phục vị ấy và tồn tại, vì ấy cần phải được hiểu như sau: "Tôn giả này không rõ biết như thế nào để **tham** không có mặt. Như vậy tham chinh phục Tôn Giả ấy và tồn tại. Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phần nộ không có mặt... hiềm không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đó không có

mặt... ác dục không có mặt. Như vậy, các ác dục chinh phục Tôn giả này và tồn tại."

3. Thừa các Hiền giả, nếu Tỷ-kheo **thuyết về tu tập** nói rằng: *"Tôi được tu tập về thân, được tu tập về giới, được tu tập về tâm, được tu tập về tuệ"*. Thừa chư Hiền, nếu **tham** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục vị Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: **"Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để **tham** không có mặt, vì rằng tham chinh phục vị ấy và tồn tại. Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phần nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt. Như vậy, các ác dục chinh phục Tôn giả này và tồn tại."**

4. Và này chư hiền, Tỷ-kheo **thuyết về trí và thuyết về tu tập**, nói rằng: *"Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về giới, tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về tuệ"*. Này chư Hiền, nếu **tham** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phần nộ.... nếu hiềm hận... nếu gièm pha nếu não hại nếu xan tham ...nếu

ác tật đó ... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, Tỷ-kheo ấy cần phải được hiểu như sau: "**Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để **tham** không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt...** Như vậy, ác dục chinh phục Tỷ-kheo này và tồn tại".

5. *Ví như, này chư Hiền, có người nghèo khổ có thể nói về giàu sang; không có tài sản có thể nói về tài sản; không có sở hữu có thể nói về sở hữu, **nhưng khi có cơ hội tạo ra tài sản, vì ấy không có thể tạo thành tài sản**, lúa gạo, bạc hay vàng. Người ta có thể biết về người ấy như sau: "**Vị ấy, tuy nghèo khổ, lại nói về giàu sang; vị này, tuy không có tài sản, lại nói về tài sản; vị này tuy không có sở hữu, lại nói về sở hữu. Vì có sao? Vì rằng vị này, khi có cơ hội tạo ra tài sản, vị ấy không có thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng**".*

Cũng vậy, này chư hiền, vị Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi được tu tập về thân, tôi được tu tập về giới, tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về tuệ". Này chư hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại; nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu náo hại... nếu xan tham... nếu ác tật đó... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, Tỷ-kheo ấy cần phải được hiểu như sau: "Vị

này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... Như vậy, ác dục chinh phục Tỷ-kheo này và tồn tại".

6. Nay chư Hiền, **Tỷ-kheo thuyết về trí** nói rằng: *"Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này"*. Nay chư Hiền, nếu tham **không** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại, thời vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị này rõ biết như thế nào để tham không có mặt... Như vậy, tham không chinh phục vị ấy và tồn tại... sân không có mặt... si không có mặt... phần nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt. Như vậy, ác dục không chinh phục vị này và tồn tại".

7. Nay chư Hiền, **Tỷ-kheo thuyết về tu tập** nói rằng: *"Tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ"*. Nay chư Hiền, nếu tham **không** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị này rõ biết như thế nào

để tham không có mặt. Như vậy tham không chinh phục vị này và tồn tại... sân không có mặt... si không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đồ không có mặt... ác dục không có mặt... Như vậy, ác dục không chinh phục vị này và tồn tại".

8. Nay chư hiền, **Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập**, nói rằng: *"Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này. Tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ."* Nay chư Hiền, nếu tham **không** chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đồ... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, thời vì ấy cần phải được biết như sau: **"Tôn giả này biết rõ như thế nào để tham không có mặt. Như vậy tham không chinh phục vị ấy và tồn tại.** Sân không có mặt... si không có mặt... phần nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đồ không có mặt... ác dục không có mặt. Như vậy, ác dục không chinh phục vị Tôn giả này và không tồn tại."

9. *Này các Hiền, ví như một người giàu sang có thể nói về giàu sang; một người có tài sản có thể nói về tài sản; một người có sở hữu có thể nói về sở hữu. Khi có cơ hội tạo ra tài sản, vị ấy có thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng. Và người ta có thể biết về người ấy như sau: "Có giàu sang, vị này nói về giàu sang; có tài sản, vị này nói về tài sản; có của cải, vị này nói về của cải. Vì sao? Vì rằng vị này, khi có cơ hội tạo ra tài sản, vị ấy có thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng".*

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này. Tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ". Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục vị ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phần nộ... nếu tật đố... nếu ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt. Như vậy tham không chinh phục vị này và tồn tại. Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si... phần nộ... hiềm hận... gièm pha... náo hại... xan tham... ác tật đố... ác dục không có mặt. Như vậy ác dục không chinh phục vị Tôn giả này và tồn tại".

4 MAHALI - 6 Trường I, 265

KINH MAHALI

– Bài kinh số 6 – Trường I, 265

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly) ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, một số đông sứ giả Bà-la-môn nước Kosala (Câu-tát-la) và nước Magadha (Ma-kiệt-đà), đang ở tại Vesali vì một vài công việc. Những vị sứ giả ấy được nghe như sau: "Này các Tôn giả, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca hiện nay đang trú tại Vesali, ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh". Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

2. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến giảng đường tại rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, đại đức Nàgita là thị giả đức Thế Tôn. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến chỗ đại đức Nàgita ở và thưa:

- Tôn giả Nàgita, hiện nay Tôn giả Gotama ở tại đâu, chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

- Các Hiền giả, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh. Những sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha liền ngồi xuống tại một bên và nói: "Sau khi được yết kiến Tôn giả Gotama, chúng tôi mới đi".

3. Otthadda (môi thỏ) người Licchavi cùng với một số đông dân chúng Licchavi cũng đi đến Trùng Các giảng đường, rừng Đại Lâm gặp đại đức Nàgita, đánh lễ vị này rồi đứng một bên. Otthadda người Licchavi thưa với đại đức Nàgita:

- Hiện nay đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở tại đâu, chúng con muốn yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Mahàli, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh.

Otthadda người Licchavi liền ngồi xuống một bên tại chỗ ấy và nói:

- Sau khi được yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đăng Giác con mới đi.

4. Khi ấy Sa-di Siha đến đại đức Nàgita, đánh lễ đại đức và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Sa-di Siha nói với đại đức Nàgita:

- Bạch Đại đức Nàgita một số đông sứ giả Bà-La-môn ở Kosala và Magadha đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Otthadda người Licchavi cũng đến đây với số đông dân chúng Licchavi để yết kiến đức Thế Tôn. Đại đức Nàgita, lành thay, nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn.

- Vậy Siha hãy thưa với đức Thế Tôn.

- Thưa vâng, bạch Đại đức!

Sa-di Siha vâng theo lời dạy của đại đức Nàgita, đến tại chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Sa-di Siha sau khi đứng một bên liền bạch đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn, một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến đây để yết kiến đức Thế

Tôn. Otthadda, người Licchavi cùng một số đông dân chúng Licchavi đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn!

- Nay Sìha, hãy dọn chỗ ngồi trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Sa-di Sìha vâng theo lời dạy đức Thế Tôn, sắp đặt một chỗ ngồi trong bóng mát trước mặt ngôi tịnh xá, và đức Thế Tôn đi ra khỏi tịnh xá và ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

5. Rồi các sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến tại chỗ đức Phật, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Otthadda người Licchavi cùng với một số lớn dân Licchavi cũng đến tại chỗ đức Phật, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Otthadda người Licchavi thưa với Thế Tôn:

- Bạch Đại đức, hai ba ngày về trước, Sunakkhatta, dòng họ Licchavi đến chỗ con ở và nói với con: "Này Mahàli, từ khi tôi sống gần đức Phật, không lâu quá ba năm, tôi được thấy những thiên sắc mỹ diệu, thích

thú, phần khởi nhưng không được nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi". *Bạch Thế Tôn, những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi, không hiểu những thiên âm ấy có thật hay không có thật?*

- Nay Mahàli những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi, **những thiên âm ấy có thật**, không phải không có.

6. - Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

- Nay Mahàli, có Tỷ-kheo **tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu**, thích thú, phần khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi. Vì vị này tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nên vị này thấy được về phía Đông các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu,

thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

7. Lại nữa, này Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhứt hướng, hướng về phía Nam... về phía Tây... về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vị này tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này thấy được về phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

8. Này Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm

mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được về phía Đông các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Đây Mahàli, vì vị Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

9. Lại nữa, đây Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Nam... hướng về phía Tây... hướng về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được, phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Đây Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ

diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

10. Nay Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Đông thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe được các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Nay Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

11. Nay Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Nam... hướng Tây... hướng về phía Bắc... về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe

các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì có sao? Nay Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Nay Mahàli, do nhân này, do duyên này, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

12. - Bạch Thế Tôn, như vậy có phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Thế Tôn?

- Nay Mahàli, **không phải** muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta. Nay Mahàli, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì muốn chứng được những pháp ấy, các vị Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

13. Bạch Thế Tôn, những pháp ấy, cao thượng hơn, thù thắng hơn là gì mà các vị Tỷ-kheo vì muốn chứng được những pháp ấy sống đời phạm hạnh, dưới sự (chỉ dạy của) Thế Tôn?

- Nay Mahàli, ở đây Tỷ-kheo **đoan dứt ba kiết sử,**

thành bậc Dự lưu, không đọa ác thú, chắc chắn đạt quả Bồ-đề. Nay Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn, vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

Lại nữa, nay Mahàli, Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhứt lai, còn phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt hẳn khổ đau. Nay Mahàli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh, dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Lại nữa, nay Mahàli, vị Tỷ-kheo đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, thành vị hóa sanh, nhập Niết-bàn tại đây, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Nay Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Này Mahàli, những pháp cao thượng và thù thắng này, vì muốn chứng được pháp ấy, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

14. - Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy?

- Nay Mahàli, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

- Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy?

- Đó là con đường Thánh có tám ngành: Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay Mahàli, con đường này, đạo lộ này đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

15. Nay Mahàli, một thời Ta ở Kosambi vườn Ghositàrama. Lúc bấy giờ có hai người xuất gia, Mandissa một vị du sĩ và jaliya đệ tử của Dàrupattika, đến tại chỗ Ta ở, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ta như sau:

- Nay Hiền giả, mạng căn và thân thể là một hay là khác?

- Nay Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Vâng, Hiền giả!

Hai vị xuất gia trả lời Ta như thế và Ta nói như sau:

16. - Nay Hiền giả, ở đây Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ... (như kinh Sa-môn

Quả)... Này Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh... chứng và an trú Sơ thiền. *Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không?"*

– Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

17. Chứng và an trú đệ nhị thiền... đệ tam thiền... đệ tứ thiền. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không?"

– Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

18... . Vị ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này

Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác không?"

— Nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

— Nay Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

19. Vị ấy biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữa". Nay Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác không?"

— Nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

— Nay Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Đức Thế Tôn thuyết như vậy. Otthadda người Licchavi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7. KINH JALIYA

Kinh này giống kinh Mahàli số VI từ số 15 đến số 19
vừa nói đến trước.

5 MAHALI - Tăng IV, 355

MAHALI – Tăng IV, 355

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàli người Licchavi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli người Licchavi bạch Thế Tôn:

2.- *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm?*

- Nay Mahàli:

1. Do nhân **tham**, do duyên tham, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.
2. Do nhân **sân**, do duyên sân, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.
3. Do nhân **si**, do duyên si, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.
4. Do nhân **phi như lý tác ý**, do duyên phi như lý tác ý, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.
5. Do nhân **tâm tà hướng**, do duyên tâm tà hướng, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

3. - *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, **thiện nghiệp** được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm?*

- Này Mahàli:

1. Do nhân **vô tham**, do duyên vô tham, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm.
2. Do nhân **vô sân**, do duyên vô sân...
3. Do nhân **vô si**, do nhân vô si...
4. Do nhân **như lý tác ý**, do duyên như lý tác ý...
5. Do nhân **tâm chánh hướng**, do duyên tâm chánh hướng, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm.

- Và này Mahàli, nếu 10 pháp này không hiện hữu ở đời, thời đây không có lời tuyên bố về **phi pháp hành, bất bình đẳng hành, hay pháp hành, bình đẳng hành.**
- Vì rằng, này Mahàli, mười pháp này hiện hữu ở đời, thời ở đây có lời tuyên bố về phi pháp

hành, bất bình đẳng hành, hay pháp hành, bình
đẳng hành.

6 MAHÀCUNDA - Tăng III, 124

MAHÀCUNDA – Tăng III, 124

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú ở Cetì, tại Sahajàti. Tại đây, Tôn giả Mahàcunda gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

- Thừa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàcunda. Tôn giả Mahàcunda nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền, *một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu Thiền*, nói như sau: "*Các người này nói: "Chúng tôi tu Thiền, chúng tôi tu Thiền". Họ tu Thiền, họ hành thiền. Những người này Thiền cái gì? Những người này Thiền có lợi ích gì? Những người này Thiền như thế nào?*" Ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không hoan hỷ, và các Tỷ-kheo tu Thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Ở đây, này chư hiền, *một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp*, nói như sau: "Các người này nói: "Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi huyết tâm về pháp". Họ tháo động, kiêu căng, dao động, lăm mồm, lăm miệng, lăm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nào?". Ở đây, các Tỷ-kheo tu Thiền không có hoan hỷ, và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Nhưng ở đây, này chư Hiền, *có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền*. Và ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ. Sở hành như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người

5 Nhưng ở đây, này chư Hiền, *có những Tỷ-kheo tu Thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp*. Và ở đây, các

Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ. Sở hành như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

6. **"Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền".**

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, **các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú.**

Do vậy này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

7. **"Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp".**

Này các chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, **các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích.**

7 MAHÀNÀMA - Tăng III, 15

MAHÀNÀMA – Tăng III, 15

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa các vị Thích-ca, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Vị Thánh đệ tử này, bạch Thế Tôn, đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, đời sống gì vị ấy sống một cách sung mãn?

- Nay Mahànàma, Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, với nếp sống này, sống một cách sung mãn.

2. Ở đây, này Mahànàma, Thánh đệ tử *tùy niệm Như Lai*: "Đây là Thế Tôn... Phật, Thế Tôn".

- Khi nào, này Mahànàma, Thánh đệ tử niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Như Lai.
- Và này Mahànàma, một Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có

hân hoan, nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

- Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật".

3. Lại nữa, nay Mahànàma, Thánh đệ tử **tùy niệm Pháp**: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu!".

- Nay Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Pháp.
- Và nay Mahànàma, Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có hân hoan, nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

- Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Pháp".

4. Lại nữa, nay Mahànàma, Thánh đệ tử *tùy niệm Tăng*: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời".

- Nay Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.
- Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Tăng".

5. Lại nữa, nay Mahànàma, Thánh đệ tử *tùy niệm các Giới của mình*: "Giới không bị bể vụn, không bị sút mẻ, không bị vết chấm, không có uế tạp, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định".

- Nay Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.
- Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Giới".

6. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử tư mình *tùy niệm Thí của mình*: "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta, vì rằng với quần chúng bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình, với tâm không bị cấu uế của xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí".

- Nay Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm bố thí, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.
- Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm bố thí".

7. Lại nữa, nay Mahànàma, Thánh đệ tử tu tập *tùy niệm Thiên*: "Có chư Thiên bốn Thiên vương Thiên, có chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, có chư Thiên

Yàma, có chư Thiên Tusità (Đâu - suất), có chư Thiên Hóa lạc Thiên, có chư Thiên Tha hóa Tự tại, có chư Thiên Phạm chúng, có chư Thiên cao hơn nữa.

Đầy đủ với **lòng tin** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta.

Đầy đủ với **giới** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta.

Đầy đủ với **nghe pháp** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta.

Đầy đủ với **Thí** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta.

Đầy đủ với **Tuệ** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng đầy đủ ở nơi ta".

- *Khi vị ấy niệm Tín, Giới, nghe Pháp, Thí và Tuệ của tự mình và chư Thiên ấy; trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, không bị si chi phối; trong không ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào chư Thiên.*

- *Và này Mahànàma, Thánh đệ tử với tâm chánh trực được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có hân hoan, nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.*
- *Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Thiên".*

Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, vị ấy sống một cách sung mãn với nếp sống này.

8 MAHÀNÀMA 1 - Tăng IV, 665

MAHÀNÀMA 1 – Tăng IV, 665

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Họ Thích Mahànàma được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Con nghe như sau, bạch Thế Tôn: Có nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi". Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?

2. Lành thay, lành thay, này Mahànàma! Như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các người, sau khi đến Thế Tôn đã hỏi, đã thưa như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào? " Này Mahànàma:

- "Hãy nhập cuộc với lòng **tin**, không phải với không lòng tin.
- Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh **tần**, không với biếng nhác.
- Hãy nhập cuộc với trú **niệm**, không với thất niệm.
- Hãy nhập cuộc với **định**, không với không định.
- Hãy nhập cuộc với trí **tuệ**, không với liệt tuệ".

Sau khi an trú trong năm pháp này, này Mahànàma, hãy tu tập thêm **sáu** pháp nữa.

6. Ở đây, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Như Lai**: "*Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".

- Này Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Như Lai.
- Vì Thánh đệ tử, này Mahànàma với tâm chánh trực, có được **nghĩa tín thọ**, có được **pháp tín thọ**, có được hân hoan liên hệ đến pháp.

- Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

→ Đây Mahànàma, như vậy gọi là **bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Phật tùy niệm.**

4. Lại nữa, đây Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Pháp:** "*Khéo thuyết là pháp Thế Tôn thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu*". Đây Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực, nhờ duyên Pháp. Vị Thánh đệ tử, đây Mahànàma, với tâm chánh trực có được nghĩa tín thọ có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp; khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây Mahànàma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Pháp tùy niệm.

5. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Tăng:** *"Thiện hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tịnh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay là ruộng phước vô thượng ở đời".* Này Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Tăng. Vị Thánh đệ tử, này Mahànàma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahànàma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Tăng tùy niệm.

6. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Giới của mình:** *"Không có bề vụn, không có cắt xén, không có vết nhơ, không có chấm đen, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp trước, đi đến Thiên định".* Này Mahànàma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm Giới... trong khi ấy, tâm được

chánh trực nhờ duyên Giới... nhập được pháp lưu, tu tập Giới tùy niệm.

7. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Thí của mình**: *"Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! (Vì rằng) với quần chúng bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình, với tâm không bị cấu uế của xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng, để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí"*. Này Mahànàma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm Thí... Trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Thí... nhập được pháp lưu tu tập tùy niệm Thí.

8. Lại nữa, này Mahànàma, **Ông hãy tùy niệm Thiên**: *Có bốn Thiên vương thiên, có chư Thiên cõi Trời Ba-mươi-ba, có chư Thiên Yàma, có chư Thiên Tusita (Đâu-suất), có chư Thiên Hóa lạc, có chư Thiên Tha hóa Tự tại, có chư Thiên Phạm chúng, có chư Thiên cao hơn nữa.*

- *Đầy đủ với lòng **tin** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.*
- *Đầy đủ với **giới** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.*

- Đầy đủ với **nghe pháp** như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe Pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **thí** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta.
- Đầy đủ với **tuệ** như vậy, chư Thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi Ta".
- Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư Thiên... nhập được pháp lưu, tu tập chư Thiên tùy niệm.

9 MAHÀNÀMA 2 - Tăng IV, 670

MAHÀNÀMA 2 – Tăng IV, 670

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, họ Thích Mahànàma mới khỏi bệnh, khỏi bệnh không bao lâu. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, Thế Tôn sẽ ra đi, bộ hành..." (Tới đây, kinh này giống như kinh số 12 trước, từ số 1 đến số 2, số 3 cho đến câu...) "Khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Tùy niệm Phật này, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập khi đi, Ông cần phải tu tập khi đứng, Ông cần phải tu tập khi ngồi, Ông cần phải tu tập khi nằm, Ông cần phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, Ông cần phải tu tập, khi Ông sống tại trú xứ đầy những con nít".

4. Lại nữa, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập tùy niệm Pháp... tùy niệm Tăng... tùy niệm Giới của mình... tùy niệm Thí của mình... tùy niệm chư Thiên. Có bốn Thiên vương Thiên, có chư Thiên cõi trời Ba mươi ba; có chư Thiên Dạ ma, có chư Thiên Đâu suất đà, có chư thiên Hóa Lạc, có chư Thiên Tha hóa Tự tại, có chư Thiên Phạm chúng, có chư Thiên cao hơn

nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy chư Thiên ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy, cũng có đầy đủ nơi Ta. Đầy đủ với nghe Pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia, nghe Pháp như vậy cũng có đầy đủ ở nơi Ta. Đầy đủ với thí như vậy... đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh tại chỗ kia. Trí tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi Ta. Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp thí, tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị sân ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư Thiên. Nay Mahànàma, vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tùy niệm chư Thiên này, này Mahànàma, Ông cần phải tu tập khi đi, Ông cần phải tu tập khi đứng, Ông cần phải tu tập khi ngồi, Ông cần phải tu tập khi nằm, Ông cần phải tu tập khi người chú tâm vào các công việc, Ông cần phải tu tập, khi Ông sống tại trú xứ đầy những con nít.

10 MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ - Tăng III, 649

MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ – *Tăng III*, 649

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Lần thứ hai, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

3. Lần thứ ba, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Mahàpajàpatì Gotamì biết được: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng", liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

4. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, rồi ra đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesàli.

Ở đây, Thế Tôn ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì, với tóc cao sạch, đắp áo cà-sa, cùng với nhiều nữ nhân Sàkya ra đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành và đến Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Mahàpajàpatì Gotamì, với chân bị sưng, tay chân
lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mắt, khóc
than, đứng ngoài cửa chính. Tôn giả Ànanda thấy
Mahàpajàpatì Gotamì với chân bị sưng, tay chân lấm
bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mắt, khóc than,
đứng ngoài cửa chính, thấy vậy liền nói với
Mahàpajàpatì Gotamì:

- Thưa Gotamì, vì sao lại đứng ở cửa với chân bị
sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt
đầy mắt, khóc than như vậy?

- Thưa Tôn giả Ànanda, vì rằng Thế Tôn không chấp
nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống
không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên
thuyết.

- Vậy thưa Gotamì, hãy đứng chờ ở đây, chờ cho đến
khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia,
từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và
Luật do Như Lai thuyết giảng.

5. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến,
đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống
một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có Mahàpajàpatì Gotamì với chân
bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước

mắt đầy mắt, khóc than đứng ở ngoài cửa nói rằng: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng". Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ànanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ànanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

6. Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Vậy ta hay dùng phương pháp khác để

xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình ".

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả không?

- Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả.

- Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahàpajàpatì đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai người dì, người vú, người kẻ mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

7. - Nay Ànanda, nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận **tám kính pháp**, thời Gotamì có thể được thọ cụ túc giới:

1. Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chắp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
2. Tỷ-kheo ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
3. Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
4. Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tư tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
5. Tỷ-kheo-ni phạm trong tội phải hành pháp pakkhamànattam (man-na-đọa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng,

đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

6. Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
7. Không vì duyên có gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
8. Này Ànanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ànanda, nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận tám kính pháp này, thời cho phép Mahàpajàpatì Gotamì được thọ cụ túc giới.

8. Rồi Tôn giả Ànanda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahàpajàpatì Gotamì, sau khi đến, nói với Mahàpajàpatì Gotamì:

- Nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận tám kính pháp này, thời Gotamì sẽ được thọ cụ túc giới: "Dầu

cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni ... không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua". Nếu Gotamì chấp nhận tám trọng pháp này, thời Gotamì sẽ được thọ cụ túc giới.

- Thừa Tôn giả Ananda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa (hay cự thắng hoa) dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy, thừa Tôn giả, tôi xin chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

9. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Mahàpajàpatì Gotamì đã chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

- Nay Ananda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ananda, Phạm

hạnh được an trú lâu dài, và điều pháp được tồn tại đến một ngàn năm.

Vì rằng, này Ànanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ànanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ànanda, điều pháp được tồn tại năm trăm năm.

Ví như, này Ànanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nhiễu hại. Cũng vậy, này Ànanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.

Ví như, này Ànanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ànanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.

Ví như, này Ànanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ànanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.

Ví như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai, xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua. Cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành tám kính pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua.

11 MAKHADEVA - 83 Trung II, 531

KINH MAKHADEVA (Makhadeva sutam)

– Bài kinh số 83 – Trung II, 53

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Mithila (Di-tát-la), tại rừng Makhadevamba. Rồi Thế Tôn mỉm cười khi đến tại một địa điểm. Tôn giả Ananda liền suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười? Không phải không có lý do khiến Thế Tôn mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda, đắp y phía một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do khiến Thế Tôn mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ananda, vị vua chính nước Mithila này tên là Makhadeva, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp, giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào

các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8. Rồi này Ananda, vua Makhadeva sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, bảo người thợ cạo tóc:

"– Này Thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta, có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu vua Makhadeva:

"– Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của vua Makhadeva. Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau

khi cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi hoàng tử con đầu và nói:

"— Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta.

Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào, (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu. Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau khi cho

người thợ cạo tóc một lương ấp (như là một ân tứ) sau khi khéo giao quốc gia cho hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, vua Makhadeva đã xuất gia. **Vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng từ**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thâm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. **Với tâm thâm nhuần lòng bi... với tâm thâm nhuần lòng hỷ,... an trú biến mãn một phương với tâm thâm nhuần lòng xả**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thâm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Nhưng này Ananda, vua Makhadeva, **tám vạn bốn ngàn năm**, đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi **tu tập bốn**

Phạm trú, khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người thợ cạo tóc:

"– Đây thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu Ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp con vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm người thợ cạo tóc thấy trên đầu con vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu với con vua Makhadeva:

"– Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp con

vua Makhadeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của con vua Makhadeva. Rồi này Ananda, con vua Makhadeva sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi vị hoàng tử con đầu và nói:

"– Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã thấy sanh ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và nay, này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia này cho vị hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập. Con phải tiếp tục duy trì, chớ thành người tối hậu sau ta. Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu. Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như một ân tứ), sau khi khéo giao quốc gia cho vị hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài này, con vua Makhadeva sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy, phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm thấm nhuần lòng bi... với tâm thấm nhuần lòng hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Nhưng này Ananda, con vua Makhadeva tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài này, con vua Makhadeva sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không

gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vị này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi này Ananda, **các tử tôn của vua Makhadeva** truyền nối tiếp tục vua ấy, sau tám vạn bốn ngàn năm làm vương tộc (Khattiya), chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các vị ấy biến mãn một phương với tâm thẩm nhuần lòng từ và an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thẩm nhuần lòng từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân, với tâm thẩm nhuần lòng bi... .. với tâm thẩm nhuần lòng hỷ... .. an trú, biến mãn một phương với tâm thẩm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, những vị ấy an trú biến mãn với tâm thẩm nhuần lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy tám vạn bốn ngàn năm đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm,

chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Các vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nemi là vị cuối cùng của các vị vua ấy, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mồng 8.

Thuở xưa, này Ananda, khi chư Thiên ở Tavatimsa (Tam thập tam thiên) ngồi hội họp với nhau tại giảng đường Thiện Pháp (Sudhamma), cuộc đối thoại sau đây được khởi lên: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha, thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được vua Nemi là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mồng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba:

"— Chư Khanh, chư Khanh có muốn yết kiến vua

Nemi không?".

"– Thừa Thiên chủ, chúng tôi muốn yết kiến vua Nemi".

Lúc bấy giờ, vua Nemi trong ngày rằm lễ Bô-Tát (Uposatha), đã gọi đầu, giữ trai giới đang ngồi trên lầu cung điện. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thiên chủ biến mất giữa chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, và hiện ra trước mặt vua Nemi. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với vua Nemi:

"– Tâu Đại vương, thật hạnh phúc thay cho Đại vương, thật tốt lành thay cho Đại vương! Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba đang ngồi tại giảng đường Thiện Pháp tán thán Đại vương và nói: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha... (như trên)... và ngày mồng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, tôi sẽ gởi cho Đại vương một cỗ xe có ngàn ngựa kéo, Đại vương hãy cưỡi thiên xa ấy, chớ có sợ hãi! "

Này Ananda, vua Nemi im lặng nhận lời. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, sau khi biết được vua Nemi đã nhận lời, như nhà lực sĩ... (như trên)... liền

biến mất và hiện ra giữa chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka gọi người đánh xe Matali và nói:

"– Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo hãy đi đến vua Nemi và nói: "Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi! ".

"– Thừa vâng, Tôn giả".

Người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, cho thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, đi đến vua Nemi và thưa:

"– Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi! Và tâu Đại vương, con sẽ dẫn Đại vương đi đường nào? Con đường do đó các nghiệp ác đưa đến sự cảm thọ quả báo các nghiệp ác hay con đường do đó các thiện nghiệp đưa đến sự cảm thọ quả báo các thiện nghiệp".

"– Hãy đưa Ta đi, cả hai con đường".

Và này Ananda, người đánh xe Matali đưa vua Nemi đến giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp). Này Ananda, Thiên chủ Sakka thấy vua Nemi đường xa đi đến, sau khi thấy vậy, liền nói với vua Nemi:

"– Hãy đến, tâu Đại vương; thiện lai, tâu Đại vương. Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ngôi ở giảng đường Sudhamma, tán thán Đại vương như sau: "Thật là hạnh phúc... (như trên)... và ngày mùng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, hãy hoan lạc với thiên uy lực giữa chư Thiên".

"– Thôi vừa rồi, Tôn giả. Hãy đưa tôi về Mithila, tại đây tôi sẽ sống theo Chánh pháp giữa các vị Bà-la-môn, gia chủ, và giữa các thị dân và thôn dân và thợ trị trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe Matali:

"– Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, hãy đưa vua Nemi về tại Mithila".

"– Thừa vâng, Tôn giả".

Này Ananda, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, và đưa vua Nemi về Mithila.

Ở đây, này Ananda, vua Nemi sống như pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ và giữa thị dân và thôn dân, thọ trì trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8.

Và này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm; vua Nemi gọi người thợ cạo tóc:

"– Này Thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"– Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Nemi. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu vua Nemi có mọc tóc bạc, thấy vậy liền tâu với vua Nemi:

"– Các Thiên sứ đã hiện cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"– Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay

của ta".

"— Thừa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Nemi, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay vua Nemi. Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như một ân tứ), liền cho gọi vị hoàng tử con đầu và nói:

"— Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho vị hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta. Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn)

người ấy là người tối hậu. Nay Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương ấp (như là một ân tứ), sau khi khéo giao quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, vị này an trú, biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm thấm nhuần lòng bi... .. Với tâm thấm nhuần lòng hỷ... .. an trú biến mãn một phương với tâm thấm nhuần lòng xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm thấm nhuần lòng xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Nhưng này Ananda, vua Nemi, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử; tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như phò vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như

một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh. Vì này, sau khi tu tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Nhưng này Ananda, người con của vua Nemi tên là Kalarajanaka. Vì này không xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vì này đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy. Vì này là người tối hậu của các vị ấy.

Này Ananda, rất có thể Ông nghĩ như sau: "Trong thời ấy, vua Makhadeva, vị đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy là một vị khác". Nhưng này Ananda, chớ có hiểu như vậy. **Trong thời ấy, ta là Makhadeva. Ta đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy.** Dân chúng đến sau cho rằng truyền thống tốt đẹp ấy được Ta thiết lập.

Nhưng này Ananda, truyền thống tốt đẹp ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

→ **Và này Ananda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí,**

giác ngộ, Niết-bàn?

- Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. **Này Ananda, đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.**

Này Ananda, về vấn đề này, Ta nói như sau:
"Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Này Ananda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Ananda, Ta nói với Ông: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

12 MALLIKÀ - Tăng II, 209

MALLIKÀ – Tăng II, 209

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anàthapinkida. Rồi hoàng hậu Mallikà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, hoàng hậu Mallikà bạch Thế Tôn:

- *Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít?*
- *Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn?*
- *Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tinh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít?*
- *Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tinh tín, thành tựu với dung sắc*

*thù thắng, giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn,
uy tín ảnh hưởng lớn?*

2.- Ở đây, này Mallikà, có hạng nữ nhân phần nô, nào hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phần nô, sân hận, bất mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiệt; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì ganh ty, tức tối, trối buộc bởi ganh ty. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tại đây, tái sanh hạ liệt, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít.

3. Ở đây, này Mallikà, có nữ nhân phần nô, nào hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phần nô, sân hận, bất mãn. Người này bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiệt; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì không ganh ty, tức tối, trối buộc bởi ganh ty. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tại

đầy, tái sanh hạ liệt, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, **nhưng giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**.

4. Ở đây, này Mallikà, có nữ nhân không phần nộ, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sùng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phần nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiệt; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì ganh ty, tức tối, trối buộc bởi ganh ty. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tái sanh **dung sắc đẹp**, sắc đẹp tốt, tinh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, **nhưng nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**.

5. Ở đây, này Mallikà, có nữ nhân không phần nộ, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sùng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phần nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiệt; thấy người khác được lợi

duỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng
dường, không ganh tỵ, tức tối, trói buộc bởi ganh tỵ.
Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái
này, tại đây, tái sanh dung sắc đẹp, sắc đẹp tốt, tinh
tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, giàu sang, tài
sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn.

6. Nay Mallikà, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có
hạng nữ nhân dung sắc xấu ... ảnh hưởng uy tín ít.

Này Mallikà, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có
hạng nữ nhân dung sắc xấu ... ảnh hưởng uy tín lớn.

Này Mallikà, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có
hạng nữ nhân dung sắc đẹp ... ảnh hưởng uy tín ít.

Ở đây, này Mallikà, đây là nhân, đây là duyên, ở đây
có hạng nữ nhân dung sắc đẹp ... ảnh hưởng uy tín
lớn.

7. Khi được nói như vậy, hoàng hậu Mallikà bạch
Thế Tôn:

- Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống
khác, con phần nộ, nãi hại nhiều, tuy bị nói ít,
nhưng nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây
hấn, biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Và bạch

Thế Tôn, nay con dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt.

- Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, con có bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Và bạch Thế Tôn, nay con được giàu sang, có tài sản lớn, có sở hữu lớn.
- Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, tánh tình không keo kiệt; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, con không ganh tỵ, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ. Và bạch Thế Tôn, nay con được có ảnh hưởng uy tín lớn. Bạch Thế Tôn, trong nội cung này, có những thiếu nữ hoàng tộc, có những thiếu nữ Bà-la-môn, có những thiếu nữ gia chủ, con có chủ quyền thủ lãnh.

Và bạch Thế Tôn, **bắt đầu từ nay, con sẽ không** phần nộ, nãi hại không nhiều, dầu cho bị nói nhiều, con sẽ không nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn. Con sẽ không biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Con sẽ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; con sẽ không keo kiệt. Thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn

trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, con sẽ không
ganh tỵ, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ... mong Thế Tôn
nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung,
con trọn đời quy ngưỡng!

13 MALUNKYAPUTTA - 64 Trung II, 205

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA (Maha Malunkyaputta sutta)

– Bài kinh số 64 – Trung II, 205

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Này Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo
câu vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít? Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngủ không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngây thơ đang

nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó.

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

☞ Ở đây, này Ananda, **có kẻ vô văn phạm phu,**

không đến yết kiến các bậc Thánh, không tuân thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không tuân thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

- **Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến**, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. **Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.**
- Vị ấy sống với **tâm bị nghi hoặc triền phược**, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.
- Vị ấy sống với **tâm bị giới cấm thủ triền phược**, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.
- Vị ấy sống với **tâm bị dục tham triền phược**, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

- Vị ấy sống với **tâm bị sân triền phược**, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

☞ Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

- **Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược**, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

- Vị này sống với **tâm không bị nghi hoặc triền phược**, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

- Vị ấy sống với **tâm không bị giới cấm thủ triền phược**, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

- Vị này sống với **tâm không bị dục tham triền phược**, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.
- Vị này sống với **tâm không bị sân triền phược**, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

❖ **Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

❖ Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, **nếu thực hành** con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, **sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu**

kia.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia**

☞ **Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

- Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.
- Vị này **chánh quán** mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khô, như bệnh, như cục bướu, như mũi

tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**

- Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy **tập trung tâm vào bất tử giới (Amatadhatu) và nghĩ rằng:** "Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn".
- ⇒ Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.
- ⇒ Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

...Thiền thứ ba...

...chứng và trú Thiền thứ tư. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức

pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ. **Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường**... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chương, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào bất tử giới và nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh,

đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

➡ *Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng tâm giải thoát, một số chứng tuệ giải thoát?*

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

14 MALUNKYAPUTTA - 63 Trung II, 193

TIÊU KINH MALUNKYA

(**Malunkya sutam**)

– Bài kinh số 63 – Trung II, 193

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Rồi Tôn giả Malunkyaputta, trong khi độc trú tịnh cư, khởi lên sự suy tư như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra:

- "Thế giới là thường còn,
- Thế giới là vô thường,
- Thế giới là hữu biên,
- Thế giới là vô biên;
- Sinh mạng này và thân này là một,
- Sinh mạng này và thân này là khác;
- Như Lai có tồn tại sau khi chết,
- Như Lai không có tồn tại sau khi chết,

- Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết.
- Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, và sẽ hỏi ý nghĩa này.

- Nếu Thế Tôn trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường, thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một, sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không có tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời ta sẽ sống Phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Thế Tôn.
- Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời ta sẽ bỏ học pháp và hoàn tục".

Rồi Tôn giả Malunkyaputta vào buổi chiều, từ

Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi độc trú tịnh cư, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên loại bỏ ra: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và sẽ hỏi ý nghĩa này. Nếu Thế Tôn trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời ta sẽ sống Phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Thế Tôn. Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời ta sẽ bỏ học pháp và hoàn tục".

Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là thường còn", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là thường còn". Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô thường". Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô thường".

Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là hữu biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là hữu biên". Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô biên". Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là hữu biên" hay "Thế giới là vô biên," thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là một", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là một". Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là khác," Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là khác". Nếu Thế Tôn không biết: "Sinh mạng này và thân này là một" hay "Sinh mạng này và thân này là khác," thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn biết: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con:

"Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn không biết: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết," hay "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Nhu Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn không biết: "Nhu Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết," hay "Nhu Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

– **Này Malunkya-putta, Ta nào có nói với Ông:** "Này Malunkya-putta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta, Ta sẽ trả lời cho Ông: "Thế giới là thường còn," hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không tồn tại sau khi chết"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– **Hay Ông có nói với Ta như sau:** "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn, nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con: "Thế giới là thường còn" hay

"Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Malunkyaputta, **Ta không nói với Ông**: "Này Malunkyaputta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta và Ta sẽ trả lời cho Ông: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", **và Ông cũng không nói với Ta**: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Sự tình là như vậy, thời này kẻ ngu kia, Ông là ai, và Ông phủ nhận cái gì?

Này Malunkyaputta, nếu có ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn sẽ trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời này Malunkyaputta, **người ấy sẽ chết (và) vẫn không được Như Lai trả lời.**

Này Malunkyaputta, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè

và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến săn sóc. Nhưng người ấy lại nói:

- "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc giòng hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi tên là gì, tộc tánh là gì?"
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là da đen, da sẫm hay da vàng".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông thường hay loại cung nỏ".

- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng cây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này hay cây lau khác".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lông gì, hoặc lông con kên, hoặc lông con cò, hoặc lông con ó, hoặc lông con công, hoặc lông một loại kết".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (parikkhittam) bởi loại gân nào, hoặc là gân bò cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn, hay thuộc loại tên móc, hay thuộc loại tên như đầu sào, hay thuộc loại tên như răng bò, hay thuộc loại tên như kềm gai".

– Này Malunkyauputta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì.

⇒ Cũng vậy, này Malunkyauputta, ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời này Malunkyauputta, **người ấy sẽ chết (và) vẫn không được Như Lai trả lời.**

Này Malunkyauputta, **đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm** "Thế giới là thường còn". Này Malunkyauputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô thường". Này Malunkyauputta, dầu cho có quan điểm "Thế giới là thường còn", hay **dầu cho có quan điểm "Thế giới là vô thường", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.**

Này Malunkyauputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là hữu biên". Này Malunkyauputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô biên". Này Malunkyauputta, dầu cho có quan điểm "Thế giới là hữu biên", hay dầu cho có quan

điểm "Thế giới là vô biên" thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một", hay dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" hay dầu cho có quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết," thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không

thể nói là tùy thuộc vào quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", hay dầu cho có quan điểm: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại".

❖ Do vậy, này Malunkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những gì Ta không trả lời. Hãy thọ trì là có trả lời những gì Ta có trả lời.

 *Và này Malunkyaputta, điều gì Ta không trả lời?*

- "Thế giới là thường còn", này Malunkyaputta là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là vô thường" là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là hữu biên" là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là vô biên" là điều Ta không trả lời.
- "Sinh mạng này và thân này là một" là điều Ta không trả lời.

- "Sinh mạng này và thân này khác" là điều Ta không trả lời.
- "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.

☞ *Và này Malunkya-putta, vì sao điều ấy Ta không trả lời?*

- Này Malunkya-putta, **vì điều ấy không liên hệ đến mục đích**, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, cho nên điều ấy Ta không trả lời.

☞ *Và này Malunkya-putta, điều gì Ta trả lời?*

- "Đây là khổ", này Malunkya-putta là điều Ta trả lời".
- "Đây là khổ tập" là điều Ta trả lời.

- "Đây là khổ diệt" là điều Ta trả lời.
- "Đây là con đường đưa đến khổ diệt" là điều Ta trả lời.

☞ *Và này Malunkya-putta, vì sao điều ấy Ta trả lời?*

- Này Malunkya-putta, **vì điều ấy có liên hệ đến mục đích**, điều ấy là căn bản Phạm hạnh, điều ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, vì vậy điều ấy Ta trả lời.

⇒ **Do vậy, này Malunkya-putta, hãy thọ trì là không trả lời những điều Ta không trả lời. Hãy thọ trì là trả lời những điều Ta có trả lời.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Malunkya-putta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

15 MIGASALA - Tăng III, 110

MIGASALA – Tăng III, 110

1. Rồi Tôn giả Ànanada vào buổi sáng đắp y, cầm y vát, đi đến trú xứ của nữ tu sĩ Migasàlà; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn, ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với Tôn giả Ànanda:

2.- Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai?" Puràna, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu sanh với thân ở Tusitā (Đâu-suất)". Còn Isidatta, câu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusitā". Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"?

- *Này Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.*

3. Tôn giả Ànanda sau khi nhận đồ ăn khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasàlà, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ànanda, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà, sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasàlà đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với con: "Nhu thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai". Puràna thân phụ con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusità". Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusità". Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? "Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói

với nữ cư sĩ Migasàlà: "Này Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn".

- Nhưng này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, **để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người?**

❖ Này Ànanda, có sáu hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu?

4.- Ở đây, này Ànanda, có người khéo tư chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung, nhưng nghe pháp không có tác động gì, học nhiều không có tác động gì, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

5. Ở đây, này Ànanda, có người khéo tư chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vì ấy nghe Pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập vào tri kiến, có chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy; làm sao trong

những hạng người này, có người hạ liệt, có người là thắng diệu? Và do sự đo lường ấy, này Ànanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài.

Ở đây, này Ànanda, hạng người này, khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này so với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. **Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước.** Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ànanda, chớ có là người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ànanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta.

6. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

7. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, có chứng được thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa...

8. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

9. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên. Với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, Này Ànanda, những kẻ đo lường đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy;

những pháp ấy của vị kia là như vậy. Làm sao trong những hạng người là hạ liệt, có người là thắng diệu? "Và sự đo lường ấy, này Ànanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài.

Ở đây, này Ànanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ànanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn.

Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ànanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ànanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người này hay là người như Ta.

- Và này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ànanda, có sáu hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

- Giới như thế nào, này Ànanda, Puràna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Puràna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta.
- Tuệ như thế nào, này Ànanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Puràna chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Puràna.
- ➔ Như vậy, này Ànanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

16 MIGASÀLÀ - Tăng IV, 421

MIGASÀLÀ – Tăng IV, 421

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Ànathapindika. Rồi Tôn giả Ànanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasàlà đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nữ cư sĩ Migasàlà bạch Tôn giả Ànanda:

2. - Thưa Tôn giả Ànanda, như thế nào cần phải hiểu pháp được Thế Tôn thuyết giảng, rằng người sống phạm hạnh và người sống không phạm hạnh cả hai sẽ đồng một chỗ thọ sanh trong đời sau?

- Thưa Tôn giả, phụ thân con Puràna sống phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vì vậy, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "**Là bậc Nhất lai** sanh với thân ở Tusita".
- Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "**Là bậc Nhất lai**, sanh với thân ở Tusita".

- Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai, sống phạm hạnh và sống không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"?

- Nay Chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

3. Rồi Tôn giả Ànanda, sau khi nhận đồ khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasàlà, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. rồi Tôn giả Ànanda sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà, sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasàlà đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Magasàlà thưa với con:

- "Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn thuyết (nói rằng): "Cả hai sống phạm hạnh và sống không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai. "Puràna thân phụ con, thưa Tôn giả, sống phạm hạnh, sống viễn

ly, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita". Còn Isdatta, cậu của con, thừa Tôn giả, không sống trong phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống phạm hạnh và không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai? " Được hỏi vậy, bậc Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasàlà:

- "Này Chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn".

- Nhưng này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người. Này Ànanda, có **mười** hạng người, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là mười?

4. Ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Ác giới**, và **Không như thật rõ biết** tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, ác giới ấy của người ấy được diệt trừ, không có dư tàn.

- Người ấy **không** có nghe pháp, không có học nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát.
- Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

5. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Ác giới, và **Như thật rõ biết** tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, ác giới ấy của người được trừ diệt, không có dư tàn.
- Người ấy **có** nghe pháp, có học nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, ai là người đo lường, đo như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao, giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù thắng? ". Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây này Ànanda, người này là ác giới và như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy, chính ở nơi đây, ác

giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Với vị ấy, có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Nay Ānanda, hạng người này, so sánh với hạng người trước là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? **Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt.** Do vậy, nay Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người đi làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, nay Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

6. Ở đây, nay Ānanda, có hạng người:

- Có giới nhưng **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, giới ấy của người ấy được đoạn diệt, không có dư tàn.
- Người ấy **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, nên không chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đoạ, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đoạ, không đi đến thù thắng.

7. Nhưng ở đây này Ànanda, có hạng người:

- Có giới và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn.
- Vị ấy **có** nghe pháp, có học hỏi nhiều, và khéo thể nhập với chánh kiến, vị ấy chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đoạ, **chỉ đi đến thù thắng**, không đi đến thối đoạ.

Ở đây, này Ànanda... chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

8. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Có tham rất sắc sảo**, người ấy **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, tham ấy của người ấy được trừ diệt, không có tàn dư.
- Người này **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không có chứng được nhất thời giải thoát.

- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

9. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Có tham rất sắc sảo, người ấy **nưh thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy,
- Ở đây, lòng tham ấy của người ấy được trừ diệt, không còn dư tàn.
- Người ấy **có** nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

10. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Phẫn nộ**, **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diệt không còn dư tàn.
- Vị ấy **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được thời giải thoát.

- Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

11. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Phần nộ và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, lòng phần nộ ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn.
- Vị ấy lại **nghe pháp**, học hỏi nhiều, và khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda... chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

12. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Trao cử**, nhưng **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, trao cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn.

- Vị ấy **không** có nghe nhiều, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

13. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Trạo cử, và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn.
- Và vị này **có** nghe pháp, có học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù diệu? " Nhận xét như vậy, đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây, này Ananda, người này là trạo cử, và như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy, chính ở đây,

trạo cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn. Và vị ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Nay Ànanda, hạng người này so sánh với hạng người trước, là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? **Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt.** Do vậy, nay Ànanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, nay Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng nay Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người?

Nay Ànanda, có mười hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

- Giới như thế nào, nay Ànanda, Puràna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu. Do vậy, ở đây, Puràna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta.
- Tuệ như thế nào, nay Ànanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Puràna chưa thành tựu. Do

vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Puràna.

- Như vậy, này Ànanda, cả hai người này đều có thể thiếu sót một chi phần.

17 MINH PHẦN - Tăng III, 88

MINH PHẦN – *Tăng* III, 88

1. - Có sáu pháp này thuộc về minh phần.

2. Thế nào là sáu?

- Tưởng vô thường,
- Tưởng khô trong vô thường,
- Tưởng vô ngã trong khô,
- Tưởng đoạn tận,
- Tưởng ly tham,
- Tưởng đoạn diệt.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, là thuộc về minh phần.

18 MOGGALLÀNA VÀ SÀRIPUTTA - Tăng II, 110

MOGGALLÀNA VÀ SÀRIPUTTA – *Tăng II, 110*

1. Tôn giả Moggallàna đi đến Tôn giả Sàriputta ...
Ngồi xuống một bên, Tôn giả Moggallàna nói với
Tôn giả Sàriputta:

- Nay Hiền giả **Sàriputta**, có bốn đạo hành này. Thế
nào là bốn? ... Nay Hiền giả, có bốn đạo hành này.

2. *Trong bốn đạo hành này, nay Hiền giả, đạo hành
nào do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được
giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?*

- Nay Hiền giả Moggallàna, có bốn đạo hành này.
Thế nào là bốn? Đạo hành khổ, thắng trí chậm; Đạo
hành khổ, thắng trí nhanh; Đạo hành lạc, thắng trí
chậm; Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Nay Hiền giả, trong bốn đạo hành này, **đạo hành lạc,
thắng trí nhanh**. Do đi đến đạo hành này, tâm của tôi
được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

19 MONG CẦU - Tăng II, 128

MONG CẦU – Tăng II, 128

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Sàriputta, Moggallàna***". Nay các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo của ta, tức là Sàriputta, Moggallàna.

2. Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo-ni** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Khema và Tỷ-kheo-ni Uppalavannà***". Nay các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo-ni của ta, tức là Khema và Uppalavannà.

3. Nay các Tỷ-kheo, **nam cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như gia chủ **Citta, và Hatthaka** người **Alavì***". Nay các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nam cư sĩ của ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người Alavì.

4. Nay các Tỷ-kheo, **nữ cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như nữ cư sĩ **Khujjuttarà và Velukantaki***,

mẹ của Nandà". Đây các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantaki, mẹ của Nandà.

20 MORANIVÀPA - Tăng I, 535

MORANIVÀPA – Tăng I, 535

1. Một thời, Thế Tôn ở Ràjagaha tại Moranivàpa. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

- Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đạt đến tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

- Với vô học **giới uẩn**,
- Với vô học **định uẩn**,
- Với vô học **tuệ uẩn**,

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

2. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ

ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

- Với **thần biến** thần thông,
- Với **ký thuyết** thần thông,
- Với **giáo giới** thần thông;

Đây đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tốt cùng tối hảo, tốt cùng an ổn khỏi các khổ ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người

3. Đây đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tốt cùng tối hảo, tốt cùng an ổn khỏi các khổ ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

- Với **chánh tri kiến**,
- Với **chánh trí**,
- Với **chánh giải thoát**,

Đây đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tốt cùng tối hảo, tốt cùng an ổn khỏi các khổ ách, tốt cùng Phạm hạnh, tốt cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

21 MUDHURA - 84 Trung II, 549

KINH MUDHURA

– Bài kinh số 84 – Trung II, 549

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Vua Madhura Avantiputta được nghe như sau: "Sa-môn Mahakaccana trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về Tôn giả Kaccana: *"Tôn giả là bậc Hiền giả, bậc Trí giả, thông minh, đa văn, nói năng lưu loát, nhà biện tài lão luyện, bậc trưởng thượng, bậc A-la-hán. Thật tốt lành thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy"*.

Rồi vua Madhura Avantiputta cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng và đi ra khỏi Madhura với uy vệ của bậc đại vương để yết kiến Tôn giả Mahakaccana. Vua đi xe cho đến chỗ còn có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Mahakaccana, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi

ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thưa Tôn giả Kaccana, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: *"Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy; các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên. Ở đây, Tôn giả Kaccana đã nói gì?*

– Thưa Đại vương, **đây chỉ là một âm thanh ở đời** (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên". Đây chỉ là một pháp môn, với pháp môn này cần được hiểu như là một âm thanh ở đời. (Câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ

liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên".

➔ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có người Khattiya (Sát-đế-ly) sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một vị Vessa (Tỳ-xá) hay người ấy có thể có một Sudda (Thủ-đà) là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?*

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Khattiya sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; người ấy cũng có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào?*

Nếu có **một Bà-la-môn** sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một vị Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có **một Vessa** sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức

khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc; người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một người Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có **người Sudda** sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác, là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa

là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

➡ Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng? Và ở đây Đại vương có ý nghĩ như thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thưa tự

Phạm thiên.

➔ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Khattiya sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh? Hay ở đây Đại vương nghĩ thế nào?*

– Người Khattiya, thưa Tôn giả Kaccana, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay! lành thay, thưa Đại vương! Lành thay Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Bà-la-môn; ở đây, có người Vessa; ở đây, có người Sudda sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc

ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến sau khi thân hoại mạng chung, có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Sudda, thưa Tôn giả Kaccana, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

➡ **Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ như thế nào?**

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này

cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... thừa tự Phạm thiên.

➔ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, có người Khattiya từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này không, hay không thể thác sanh?* Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Khattiya, thưa Tôn giả Kaccana, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương. Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe

từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, ở đây nếu có vị Vessa, ở đây nếu có vị Sudda từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này hay không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào?

– Người Sudda, thưa Tôn giả Kaccana, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy; và như vậy là điều tôi đã nghe các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương! Lành thay, Đại vương! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

➡ **Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự**

tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... là thừa tự Phạm thiên.

➔ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, **vị Khattiya đột nhập nhà cửa, cướp giết đồ đạc, hành động như kẻ cướp, phục kích các đường lớn hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy và dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn, hãy hình phạt nó". Hay Đại vương đối xử người ấy như thế nào?***

– Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy, hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, chúng tôi sẽ tàn sát người ấy hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy? Thưa Tôn

giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn; ở đây, người Vessa; ở đây, người Sudda đột nhập nhà cửa, hay cướp giết đồ đạc, hay hành động kẻ cướp, hay phục kích các đường lớn, hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy, dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn hãy hình phạt nó". Hay Đại vương đối xử với nó như thế nào?*

– *Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, hay chúng tôi sẽ tàn xuất người ấy, hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Sudda mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.*

☞ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ gì?*

– *Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình*

là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải được hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt... (như trên)... là thừa tự Phạm thiên".

➔ *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, vì Khattiya, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, chỉ ăn một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?*

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– *Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, người Bà-la-môn, ở đây người Vessa, ở đây*

người Sudda sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào?

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng, như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ, hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Sudda, mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

➡ Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng? Và Đại vương, ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch

chúng, các chủng tánh khác là hắc chủng, chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không phải như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên".

Khi được nói vậy, vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccana dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Kaccana, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Thưa Đại vương, Đại vương chớ có quy y tôi, Đại vương hãy quy y Thế Tôn, chính tôi đã quy y Thế Tôn.

– Thưa Tôn giả Kaccana, nay bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu?

– Bạc Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nay đã nhập Niết-bàn rồi, thừa Đại vương.

– Thừa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa mười yojana (do tuần), chúng tôi sẽ đi mười yojana để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thừa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa hai mươi yojana, ba mươi yojana, bốn mươi yojana, năm mươi yojana, chúng tôi sẽ đi năm mươi yojana, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thừa Tôn giả Kaccana, vì rằng Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi, chúng tôi xin quy y Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ấy, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm Cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

22 Mahaka - Tương IV, 452

Mahaka – *Tương IV*, 452

1) Một thời, một số đông các Tỷ-kheo trưởng lão trú tại Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, đánh lễ các Tỷ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, mong rằng chư vị trưởng lão ngày mai nhận lời mời dùng bữa ăn của con.

Các Tỷ-kheo trưởng lão im lặng nhận lời.

4-5) (Như đoạn 4,5 của kinh trước).

6) Rồi gia chủ Citta tự tay làm cho thỏa mãn, tự tay cúng dường các Tỷ-kheo trưởng lão với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

7) Các Tỷ-kheo trưởng lão sau khi ăn xong, rời tay khỏi bát, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ

Citta, sau khi nói: "Hãy thu lượm lại các đồ ăn dư thừa", liền đi theo sau lưng các Tỷ-kheo trưởng lão.

8) Lúc bấy giờ, trời nóng rất là gay gắt (kutthitam). Và các Tỷ-kheo trưởng lão ấy đi với thân như bị chảy thành nước, vì các vị ấy đã ăn bữa ăn đầy đủ.

9) Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahaka là vị mới tu nhất giữa chúng Tỷ-kheo ấy. Rồi Tôn giả Mahaka thưa với Tôn giả Thera:

-- Lành thay, bạch Thượng tọa Thera, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

-- Lành thay, này Hiền giả Mahaka, nếu có luồng gió mát thổi, có cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

10) Rồi Tôn giả Mahaka thực hành thần thông khiến cho gió mát thổi, cơn giông nổi lên, có mưa từng hột xuống.

11) Rồi cư sĩ Citta suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo mới tu nhất trong chúng Tỷ-kheo này lại có được thần thông lực như vậy".

12) Rồi Tôn giả Mahaka sau khi đến ngôi vườn (tịnh xá) liền nói với Tôn giả Thera:

-- Bạch Thượng tọa Thera, như vậy là vừa rồi.

-- Như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, này Hiền giả Mahaka.

13) Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão đi đến ngôi tịnh xá, còn Tôn giả Mahaka đi đến tịnh xá của mình.

14) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Mahaka; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahaka rồi ngồi xuống một bên.

15) Ngồi một bên, gia chủ Citta nói Tôn giả Mahaka:

*-- Lành thay, bạch Thượng tọa, **nếu** Tôn đức Mahaka thị hiện cho con thấy thượng nhân pháp thân thông.*

-- Vậy này Gia chủ, **hãy trải thượng y trong hành lang và rải một bó cỏ.**

-- Thừa vâng, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta vâng đáp Tôn giả Mahaka, cho trải thượng y trong hành lang, và rải một bó cỏ.

16) Rồi Tôn giả Mahaka vào trong tịnh xá, gài then cửa lại, thực hành thần thông lực khiến cho **ngọn lửa**

phun ra từ lỗ ống khóa và giữa các khe cửa, đốt cháy cỏ nhưng không đốt cháy thượng y.

17) Gia chủ Citta đập thượng y, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, đứng một bên.

18) Rồi Tôn giả Mahaka, từ tịnh xá đi ra và nói với gia chủ Citta:

-- Thôi, như vậy là vừa rồi, này Gia chủ.

-- Thôi, như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Làm như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Cúng dường như vậy là vừa rồi, thưa Thượng tọa Mahaka. Bạch Thượng tọa, mong Tôn đức Mahaka hãy sống thoải mái ở tại Macchikàsanda. Khả ái là rừng Ambàtaka! Con sẽ cố gắng cúng dường cho Tôn giả Mahaka các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

-- Thật là lời nói chí thiện, này Gia chủ!

19) Rồi Tôn giả Mahaka dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, đi ra khỏi Macchikàasanda, và như vậy từ biệt Macchikàsanda không còn trở lui lại nữa.

23 Mahà Sakyamuni Gotama Đại Thíchca mâuni Cùđam - Tương II, 23

Mahà Sakyamuni Gotama Đại
ThíchcaMâuniCùđam – Tương II, 23

1) Tại Sàvatthi.

2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi **Ta** giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, tư tưởng sau đây được khởi lên: *"Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết"*.

3) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì có mặt, già, chết có mặt? Do duyên gì, **già chết** sanh khởi?"* Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sinh minh kiến như sau: *"Do **sanh** có mặt nên già chết có mặt. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi"*.

4 - 13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: *"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt... **hữu... thủ... ái...**"*

thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... do duyên gì hành sanh khởi?"

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "*Do **vô minh** có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi*".

14) **Như vậy vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** được khởi lên. **Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.**

15) "**Tập khởi, tập khởi**", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

16) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "*Cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt, nên **già chết** diệt?*" Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "*Do **sanh** không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt*".

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Cái gì không có mặt, sanh không có mặt. ..hữu. ..thủ. ..ái. ..thọ. ..xúc. ..sáu xứ...danh sắc. ..thức. ..hành... Do cái gì diệt, hành diệt? "

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: "*Do **vô minh** không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt*"

27) **Như vậy, do vô minh diệt nên hành diệt.** Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não**, diệt. **Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.**

28) "**Đoạn diệt, đoạn diệt**", này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

24 Mahàli - Tương III, 129

Mahàli – Tương III, 129

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, trong rừng Đại Lâm, tại Trùng Các đại giảng đường.

2) Rồi Mahàli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahàli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

3) -*Puràna Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp), bạch Thế Tôn, thuyết như sau: "Không nhân, không duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Không nhân, không duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Không nhân, không duyên, chúng sanh được thanh tịnh". Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết như thế nào?*

4) -*Này Mahàli, có nhân, có duyên là sự nhiễm ô của chúng sanh. Này Mahàli, có nhân, có duyên, chúng sanh bị nhiễm ô. Này Mahàli, có nhân có duyên là sự thanh tịnh của chúng sanh. Có nhân, có duyên, chúng sanh được thanh tịnh.*

5) -*Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì là sự nhiễm ô của chúng sanh? Do có nhân gì, do có duyên gì chúng sanh bị nhiễm ô?*

6) Nay Mahàli, nếu **sắc** nhứt hướng khổ, rơi trên đau khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với sắc. Và vì rằng, nay Mahàli, **sắc là lạc**, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh **tham đắm** đối với sắc. Do tham đắm nên **bị triền phược**, do bị triền phược nên **bị nhiễm ô**. Nay Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

7) Và nay Mahàli, nếu **thọ** nhứt hướng khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, thời các chúng sanh không tham đắm đối với thọ. Và vì rằng, nay Mahàli, thọ là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, cho nên chúng sanh tham đắm đối với thọ. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Nay Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

8-9) Và nay Mahàli, nếu **tưởng** nhứt hướng khổ... nếu các **hành** nhứt hướng khổ...

10) Và này Mahàli, nếu **thức** nhứt hướng khô, rơi trên khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, thời chúng sanh không tham đắm đối với thức. Vì rằng, này Mahàli, thức là lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, do vậy chúng sanh tham đắm đối với thức. Do tham đắm nên bị triền phược, do bị triền phược nên bị nhiễm ô. Này Mahali, đây là nhân, đây là duyên cho sự nhiễm ô của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh sẽ bị nhiễm ô.

11) -*Bạch Thế Tôn, thế nào là nhân, thế nào là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh? Do có nhân như thế nào, có duyên như thế nào, chúng sanh được thanh tịnh?*

12) Này Mahàli, nếu **sắc** là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khô, thời chúng sanh không nhàm chán đối với sắc. Và vì rằng, này Mahàli, **sắc là khô**, rơi trên khô, nhập cuộc với khô, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới **yếm ly** đối với sắc. Do yếm ly nên **ly tham**; do ly tham nên **giải thoát**. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

13) Này Mahàli, nếu **thọ** là nhứt hướng lạc...

14) Này Mahàli, nếu **tướng** là nhứt hướng lạc...

15) Này Mahàli, nếu các **hành** là nhứt hướng lạc...

16) Này Mahàli, nếu **thức** là nhứt hướng lạc, rơi trên lạc, nhập cuộc với lạc, không nhập cuộc với khổ, thời chúng sanh không nhàm chán đối với thức. Và vì rằng, này Mahàli, thức là khổ, rơi trên khổ, nhập cuộc với khổ, không nhập cuộc với lạc, do vậy chúng sanh mới yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên giải thoát. Này Mahàli, đây là nhân, đây là duyên cho sự thanh tịnh của chúng sanh. Do có nhân như vậy, do có duyên như vậy, chúng sanh được thanh tịnh.

25 Mahànàma - Tương V, 539

Mahànàma – Tương V, 539

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

3) -- *Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quân chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phât bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"*

4) -- **Chớ có sợ**, này Mahànàma! Chớ có sợ, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của ông!

Này Mahànàma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở vẩn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay giả-can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở vẩn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thương thẳng, đi đến thù thắng.

5) Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trôi lên trên.

Cũng vậy, này Mahànàma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở vẩn, tâm được

tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phân toái, đoạn tuyệt, đoạn diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, giả-can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thắng, đi đến thù thắng.

6) Này Mahànàma, đã lâu ngày tâm ông được tu tập trọn vẹn về tín, được tu tập trọn vẹn về giới, được tu tập trọn vẹn về sở văn, được tu tập trọn vẹn về thí xả, được tu tập trọn vẹn về trí tuệ. Chớ có sợ, này Mahànàma, chớ có sợ, này Mahànàma, không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông!

Mahànàma – 542tu5

1) Như vậy tôi nghe.

2) Rồi Mahànàma...

3) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, Kapilavatthu...

4)-- *Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông! Do thành tựu **bốn pháp**, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn?*

5) Ở đây, này Mahànàma,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức **Phật**: "*Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "*Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "*Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời*".

- Vị ấy thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.

6) *Ví như, này Mahànàma, một cây thiên về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngã về phía nào?*

-- Bạch Thế Tôn, về phía nào nó thiên, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, do thành tựu **bốn pháp** này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Godhà hay Mahànàma – 543tu5

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:

3) -- *Này **Godhà**, theo như Hiền giả biết một người là bậc Dự lưu, thành tựu bao nhiêu pháp thời không bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?*

-- Này Mahànàma, theo như tôi biết một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với chúng **Tăng**... là vô thượng phước điền ở đời. Này Mahànàma, do thành tựu ba pháp này, tôi được biết một người là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5) *Nhưng này Mahànàma, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp thời không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?*

-- Này Gohdà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với **Tăng**... thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định. Này Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp này thời không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

6) -- Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahànàma. Thế Tôn biết rõ việc này, thành tựu hay không thành tựu những pháp này. Này Godhà, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn và sau khi đến, hãy hỏi về ý nghĩa này.

7) Rồi họ Thích Mahànàma và họ Thích Godhà đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

8) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi đến họ Thích Godhà; sau khi đến, nói với họ Thích Godhà:

"-- Này Godhà, theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

Được nói vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godhà nói với con:

"--Này Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp... giác ngộ. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn'... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Này Mahànàma, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu ba pháp này thời không còn bị thoái hạ, quyết chắc chứng quả giác

ngộ. Còn này Mahànàma theo như Hiền giả biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bao nhiêu pháp... giác ngộ?"

9) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với họ Thích Godhà

"-- Này Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ. Thế nào là bốn? Ở đây, này Godhà, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: 'Đây là là bậc Ứng Cúng,... Phật, Thế Tôn"... đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định. Này Godhà, theo như tôi biết, một người là bậc Dự lưu thành tựu bốn pháp... giác ngộ".

Được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, họ Thích Godhà, nói với con:

"-- Hãy chờ một lát, này Mahànàma, hãy chờ một lát, này Mahanàma. Thế Tôn sẽ biết rõ việc này, là thành tựu hay không thành tựu những pháp này".

10) Ở đây, bạch Thế Tôn, ***nếu nói vấn đề pháp sự khởi lên (dhamma samuppàda), và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo. Bên nào là Thế Tôn,***

bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

11) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo và chúng Tỷ-kheo-ni. Bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo. Vì bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

12) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni và nam cư sĩ. Bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

13) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, và nữ cư sĩ. Bên nào là Thế Tôn... Mong Thế Tôn chấp nhận.

14) Ở đây, bạch Thế Tôn, nếu có vấn đề pháp sự khởi lên, và một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, chúng Thiên giới, chúng Ma giới, chúng Phạm thiên giới, quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. *Bên nào là Thế Tôn, bên ấy con theo.* Vì bạch Thế Tôn, đó là tịnh tín của con. Mong Thế Tôn chấp nhận.

15) -- *Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, này Godhà, Ông có nói gì không?*

-- Họ Thích Mahànàma đã nói như vậy, con không có nói gì trừ lời nói "**Thiện**", trừ lời nói "**Tốt**".

26 Mahànàma - Tương V, 542

Mahànàma – Tương V, 542

1) Như vậy tôi nghe.

2) Rồi Mahànàma...

3) -- *Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ-kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phât bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"*

4)-- *Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của Ông! Do thành tựu **bốn pháp**, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-*

bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Mahànàma,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức **Phật**: "*Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với **Pháp**: "*Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng **Tăng**: "*Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời*".
- Vị ấy thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, *đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.*

6) Ví như, này Mahànàma, một cây thiên về phía Đông, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nếu bị chặt đứt từ gốc rễ, nó sẽ ngã về phía nào?

-- Bạch Thế Tôn, về phía nào nó thiên, về phía nào nó hướng, về phía nào nó xuôi.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, do thành tựu **bốn** pháp này, vị Thánh đệ tử thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

27 Mahànàma - Tương V, 574

Mahànàma – Tương V, 574

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây bàng.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

3) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?*

-- Ai **quy y** Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

4) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?*

-- Này Mahànàma, người cư sĩ **từ bỏ sát sanh**, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

5) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ **tín**?*

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn". Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

6) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?*

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích chú chia xẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

7) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?*

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

28 Mahàsàla - Tương I, 386

Mahàsàla – *Tương I, 386* (Đại phú giả hay y choàng thô)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Bà-la-môn đại phú, đáng bộ tiểu tụy, đắp y thô xấu, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với vị Bà-la-môn đại phú đang ngồi xuống một bên:

- Nay Bà-la-môn, sao đáng bộ ông tiểu tụy? Sao ông đắp y thô xấu?

4) - *Thưa Tôn giả Gotama, ở đây bốn đứa con trai của con, chúng âm mưu với vợ của chúng, trục xuất con ra khỏi nhà.*

5) - *Vậy này Bà-la-môn, hãy đọc thuộc bài kệ này, và khi nào quần chúng hội họp trong thánh đường và cả các người con cùng ngồi họp, hãy đọc lên bài kệ:*

Khi chúng sanh, tôi mừng

*Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
(Chống tôi và đuổi tôi),
Chẳng khác gì con chó,
Xua đuổi bầy heo lợn,
Ác độc và lỗ mãng,
Chúng gọi tôi: "Cha thân".*

*Chúng thật quý Dạ-xoa,
Đội lột là con tôi,
Và chúng trục xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
N như ngựa già suy nhược,
Bị tẩn xuất chuồng ăn.
Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người,*

*Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Vớ gậy, chận bò dữ,
Chận được loại chó dữ,
Chỗ tôi dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm chân đứng,
Vớ sức mạnh chiếc gậy,
Vấp ngã đứng dậy được.*

6) Bà-la-môn đại phú ấy học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn. Khi quần chúng tụ hội tại thánh đường

và giữa các người con đang ngồi họp, vị ấy đọc lên bài kệ:

*Khi chúng sanh, tôi mừng,
Tôi muốn chúng sinh thành.
Cùng vợ, chúng âm mưu,
(Chống tôi và đuổi tôi),
Chẳng khác gì con chó,
Xua đuổi bầy heo lợn.*

*Ác độc và lỗ mãng,
Chúng gọi tôi: "Cha thân".
Chúng thật quý Dạ-xoa,
Đội lột là con tôi,
Và chúng trục xuất tôi,
Khi tôi đến tuổi già,
Như ngựa già, suy nhược,
Bị tẩn xuất chuồng ăn.*

*Nay cha già bọn trẻ,
Phải ăn xin nhà người.
Thà cho tôi cái gậy,
Hơn lũ con bất hiếu.
Vớ gậy, chặn bò dữ,
Chặn được loài chó dữ.
Chỗ tối, dò an toàn,
Chỗ sâu, tìm chân đứng,
Vớ sức mạnh chiếc gậy,
Vấp ngã, đứng dậy được.*

8) Rồi những người con Bà-la-môn đại phú ấy, dắt người cha về nhà, tắm rửa và mỗi người đắp cho cha một bộ áo.

9) Rồi Bà-la-môn đại phú ấy cầm một bộ áo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, chúng con Bà-la-môn, có dâng cúng sở phí cho bậc Đạo Sư. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận sở phí cho bậc Đạo Sư của con.

11) Và Thế Tôn vì lòng từ chấp nhận.

12) Rồi Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

29 Malika - Tương V, 355

Malika – Tương V, 355

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallikà, tại một thị trấn của dân chúng Mallikà tên là Uruvelakappa.

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

3) -- Cho đến khi nào **Thánh trí** chưa khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú (santhiti), cho đến khi ấy, bốn căn chưa được an trú (avatthiti).

Và cho đến khi nào **Thánh trí** khởi lên nơi Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú, cho đến khi ấy, bốn căn được an trú.

4) *Ví như, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nhà có mái nhọn chưa được gác qua, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được đăng trú, cho đến khi ấy, các kèo nhà chưa được an trú. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào xà ngang của một nóc nhà có mái nhọn được gác qua, cho đến khi ấy, các*

kèo nhà được đăng trú, cho đến khi ấy, các kèo nhà được an trú.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **Thánh trí chưa** khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, cho đến khi ấy, bốn căn chưa được đăng trú, cho đến khi ấy, **bốn căn chưa** được an trú.

Và cho đến khi nào Thánh trí khởi lên nơi vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, bốn căn được đăng trú, cho đến khi ấy, bốn căn được an trú. Thế nào là bốn? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn.

5) Với vị Thánh đệ tử có trí **tuệ**, này các Tỷ-kheo, tất nhiên lòng **tin** được đăng trú, tất nhiên tinh **tấn** được đăng trú, tất nhiên **niệm** được đăng trú, tất nhiên **định** được đăng trú.

30 Mallikà Mạt ly - Tương I, 173

Mallikà Mạt ly – Tương I, 173

1) Tại Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà, trên lầu thượng (hoàng cung).

3) Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Nay Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu?

4) - Thưa Đại vương, **không** có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp.

Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

5) Nay Mallikà, **không** có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

6) Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

7) Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng (của hoàng cung) với hoàng hậu Mallikà và con nói với hoàng hậu Mallikà:

" Này Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu?".

Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, hoàng hậu Mallikà trả lời với con:

" Thừa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thừa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?". Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho hoàng hậu Mallikà:

" Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

8) Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này, trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

*Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy.*

*Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

31 Mang Đi - Tương III, 399

Mang Đi – Tương III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?

- Loại Kim xí điều từ **trú^hng** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **ẩ^hm** ướt sanh,
- Loại Kim xí điều **hó^ha** sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

4) Tại đây, này các Tỷ-kheo, *các loại Kim xí điều từ **trú^hng** sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trú^hng sanh, không mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ẩ^hm ướt sanh và hó^ha sanh.*

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, *các loại Kim xí điều từ **thai** sanh, mang đi các loại Nàga từ trú^hng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, không mang đi các loại Nàga từ ẩ^hm ướt sanh và các loại hó^ha sanh.*

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, *các loại Kim xí điều từ **ẩ^hm** ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trú^hng sanh,*

*các loại từ thai sanh và các loại từ âm ướt sanh, **không** mang đi các loại Nàga hóa sanh.*

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, *các loại Kim xí điều **hóa** sanh, mang đi các loại Nàga từ trưng sanh, từ thai sanh, từ âm ướt sanh và các loại hóa sanh.*

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều về sanh chủng.

32 Manibhadda - Tương I, 458

Manibhadda – Tương I, 458

- 1) Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ Manimàlaka, tại một trú xứ của Dạ-xoa Manibhadda.
- 2) Rồi **Dạ-xoa Manibhadda** đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng.
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù được giải thoát.*

(Thế Tôn):

*3) Lành thay, thường chánh niệm,
Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
Có niệm, mai đẹp hơn,
Hận thù chưa giải thoát.
Vội ai trọn ngày đêm,
Tâm ý lạc, bất hại,
Từ tâm mọi hữu tình,
Vị ấy không thù hận.*

33 Manicùlam - Tương IV, 510

Manicùlam – *Tương IV, 510* (Châu báu trên đỉnh đầu)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ trong cung vua, quần thần nhà vua đang ngồi tụ họp, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn thuộc dòng Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc".

3) Lúc bấy giờ, thôn trưởng Manicùlaka đang ngồi trong hội chúng ấy.

4) Rồi thôn trưởng Manicùlaka thưa với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử không được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc". Nhưng thôn trưởng Manicùlaka không có thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

5) Rồi thôn trưởng Manicùlaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

6) Ngồi một bên, thôn trưởng Manicùlaka bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong cung vua, một số quần thần nhà vua đang ngồi tụ họp, và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Các Sa-môn Thích tử được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với hội chúng ấy: "Các Tôn giả chớ có nói như vậy. Các Sa-môn Thích tử **không** được phép dùng vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc". Nhưng bạch Thế Tôn, con không có thể làm cho hội chúng ấy chấp nhận.

7) Trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, không biết con có nói đúng lời Thế Tôn? Con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật? Con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích?

-- Trả lời như vậy, này Thôn trưởng, Ông nói đúng lời của Ta. Ông không xuyên tạc Ta với điều không

thật. Ông đã trả lời thuận pháp, đúng pháp và không một ai nói lời tương ứng đúng pháp có lý do để chỉ trích.

8) Nay Thôn trưởng, các Sa-môn Thích tử **không được phép dùng vàng bạc**. Các Sa-môn Thích tử không được giữ vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc. Các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ châu báu và vàng bạc. Họ đã ly khai vàng và bạc.

Đối với ai được dùng vàng bạc, người ấy cũng được phép dùng năm dục trưởng dưỡng. Đối với ai được phép dùng năm dục trưởng dưỡng, người ấy hoàn toàn thọ trì phi Sa-môn pháp, phi Thích tử pháp.

Nay Thôn trưởng, Ta nói như sau: Cỏ được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỏ. Củi được đi tìm cầu bởi ai cần đến củi. Cỗ xe được đi tìm cầu bởi ai cần đến cỗ xe. Người được đi tìm cầu bởi ai cần đến người. **Nhưng nay Thôn trưởng, không bất cứ một lý do gì Ta nói rằng vàng, bạc được chấp nhận, được tìm cầu.**

34 Migajàla - Tương IV, 68

Migajàla – Tương IV, 68

1) ...

2) Rồi Tôn giả Migajàla đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajàla bạch Thế Tôn:

*-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn **thuyết pháp vẫn tắt** cho con. Sau khi nghe pháp ấy con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

4-6) -- **Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy nên hỷ sanh. Này Migajàla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khô tập khởi.**

... Các tiếng... Các hương...

7-8)... Các vị... Các xúc...

9) Nay Migajàla, có những *pháp* do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyện pháp ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương sống với tâm tham luyện pháp ấy nên hỷ sanh. Nay Migajàla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

10-12) Nay Migajàla, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyện sắc ấy; do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyện, không an trú tham luyện sắc ấy nên hỷ diệt. Nay Migajàla, **Ta nói rằng do hoan hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt**.

... Các tiếng... Các hương...

13-14)... Các vị... Các xúc...

15) Nay Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyện pháp ấy; do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyện pháp ấy nên hỷ diệt. Nay Migajàla, Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt.

16) Rồi Tôn giả Migajàla, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

17) Rồi Tôn giả Migajàla sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là mục đích cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

18) Và Tôn giả Migajàla trở thành một vị A-la-hán nữa.

35 Minh - Tương V, 623

Minh – Tương V, 623

1) ...

2) ... (như kinh trên) ...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Minh, minh*", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

4) -- *Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt*. Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

5) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Vô Minh – 622tu5

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vô minh, vô minh*", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (avijjagato)?

4) -- *Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.*

5) Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

36 Minh 1 - Tương V, 625

Minh 1 – Tương V, 625

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa các dân chúng Vajji, tại Kotigàma.

2) Tại đây, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- *Này các Tỷ-kheo, **do không giác ngộ, do không thông đạt bốn Thánh đế mà Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.***

3) Thế nào là bốn?

- Do không giác ngộ, do không thông đạt **Thánh đế về Khổ**, này các Tỷ-kheo, **nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.**
- ... Thánh đế về Khổ tập...
- ... Thánh đế về Khổ diệt...
- Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, nên Ta và các Ông lâu ngày phải dong ruổi, lưu chuyển như thế này.

4) Nay các Tỷ-kheo, Nhưng nay, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. **Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sinh (bhavanetti). Nay không còn tái sinh nữa.**

5) Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,
Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.
Khi chúng được thấy rõ,
Mầm tái sinh nhỏ sạch,
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Minh 2 – 627tu5

1) ...

2)-- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là Khổ", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, Bà-la-môn hạnh.

3) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là Khổ", như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

4) Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Những ai không rõ biết,
Khổ và Khổ tập khởi,*

Không rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Không biết Con Đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh Khổ.
Những vị ấy không có
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào rõ biết,
Khổ và Khổ tập khởi,
Và rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Rõ biết Con Đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,
Và các **tuệ giải thoát,**
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

37 Minh 2 - Tương V, 627

Minh 2 – Tương V, 627

1) ...

2)-- Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là Khổ", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, Bà-la-môn hạnh.

3) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: "Đây là Khổ", như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự

mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

4) Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Những ai không rõ biết,
Khổ và *Khổ tập khởi*,
Không rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Không biết *Con Đường* ấy
Đưa đến chỉ tịnh Khổ.
Những vị ấy không có
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào rõ biết,
Khổ và *Khổ tập khởi*,
Và rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Rõ biết *Con Đường* ấy
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,
Và các *tuệ giải thoát,*
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

38 Minh Hay Vị Tỷ kheo - Tương III, 290

Minh – Hay Vị Tỷ kheo – *Tương III, 290*

1-4) Nhân duyên ở Sàvatthi... Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Minh, minh", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, như thế nào là minh? Cho đến như thế nào, một người là minh?*

5) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt.

6-8)... biết rõ **thọ**... biết rõ **tưởng**... biết rõ các **hành**... biết rõ **thức**, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là minh**. Và cho đến như vậy, một người là minh.

Vô Minh – Hay Vị Tỷ kheo – 289tu3

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Vô minh, vô minh*", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

4-8) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ **thọ**... không biết rõ **tưởng**... không biết rõ các **hành**... không biết rõ **thức**, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.

9) Này Tỷ-kheo, **đây gọi là vô minh**. Và cho đến như vậy, một người là vô minh.

39 Miếng Đá Vụn - Tương I, 64

Miếng Đá Vụn – *Tương I, 64*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), tại vườn Nai (Maddakucchi)

2) Lúc bấy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bẻ đâm phải. **Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não.**

3) **Rồi Thế Tôn cho trải áo Sanghàti (Tăng-già-lê) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chánh niệm tỉnh giác.**

4) Rồi *bảy trăm ngàn tiên Satullapakàyikà*, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

5) Đứng một bên, một vị Thiên đọc lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Long tượng. Và với tư cách Long tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, đau khổ, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú, Ngài chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

6) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Sư tử. Và với tư cách Sư tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

7) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là Lương tuấn mã. Và với tư cách Lương tuấn mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu vương. Và với tư cách Ngưu vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

9) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là **bậc Nhẫn nại Kiên cường**.
Và với tư cách bậc Nhẫn nại Kiên cường, Ngài nhẫn
chịu thân thọ khổ lên, khổ đau... không có phiền
não.

10) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này
trước mặt Thế Tôn:

-- Sa-môn Gotama thật là một **bậc Khéo điều phục**.
Và với tư cách là một bậc Khéo điều phục, Ngài nhẫn
chịu thân thọ khổ lên, khổ đau... không có phiền
não.

11) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này
trước mặt Thế Tôn:

***-- Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập Thiền
định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm
xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai
kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một
Long tượng như vậy, một bậc Sư tử như vậy, một bậc
Lương tướng mã như vậy, một bậc Ngưu vương như
vậy, một bậc Nhẫn nại Kiên cường như vậy, một bậc
Nhiếp phục như vậy, trừ phi là một người mù.***

Các vị Bà-la-môn,
Tinh thông năm Vệ-đà,
Dầu tu tập khổ hạnh,

*Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chơn chánh được giải thoát.*

*Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia,
Bị khát ái chi phối,
Bị giới cấm trói buộc,
Dầu tu tập khổ hạnh,
Cho đến hàng trăm năm,
Tâm họ không có thể,
Chơn chánh được giải thoát.*

*Tự tánh quá hạ liệt,
Không đến bờ bên kia.
Ở đời không nhiếp phục,
Kiêu mạn cùng các dục,
Tâm không được an tịnh,
Không tu tập Thiền định.*

*Ở trong rừng cô độc,
Nhưng tâm tư phóng dật,
Vị ấy khó vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thần.*

*Nhiếp phục được kiêu mạn,
Khéo tu tập Thiền định,*

*Tâm tư khéo an tịnh,
Giải thoát được viên mãn,
Ở trong rừng cô độc,
Tâm tư không phóng dật,
Vị ấy khéo vượt khỏi,
Sự chinh phục tử thân.*

40 Moggallàna Mục kiên liên - Tương I, 427

Moggallàna Mục kiên liên – *Tương I*, 427

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, trên sườn núi Isigili, tại núi Hắc Sơn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo Tăng khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình biết được tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y.

2) Rồi **Tôn giả Vangisa suy nghĩ**: "Thế Tôn nay trú ở Ràjagaha, trên sườn núi Isigili, tại Hắc Sơn cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả là bậc A-la-hán. Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình được biết tâm các vị ấy đã được giải thoát, không có sanh y. Vậy ta hãy trước mặt Thế Tôn nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahà Moggallàna".

3) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

4) Thế Tôn đáp:

- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề ấy!

5) Rồi Tôn giả Vangisa trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Mahà Moggallàana:

*Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả, Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.
Như vậy họ hầu hạ,
Mâu-ni Gotama,
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

41 Moggalàna - Tương IV, 605

Moggalàna – Tương IV, 605 (hay Xứ)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Tôn giả Mahà Moggalàna; sau khi đến, nói với Tôn giả Mahà Moggalàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- *Thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là **thường còn**?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là thường còn".

4) -- *Vậy thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là **vô thường**?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô thường".

5) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải thế giới là **hữu biên**?*

-- Nay Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Thế giới là hữu biên".

6) -- *Vậy thưa Tôn giả Moggalàna, thế giới là vô biên?*

-- Nay Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Thế giới là vô biên".

7) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải sinh mạng và thân thể là một?*

-- Nay Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là một".

8) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy sinh mạng và thân thể là khác?*

-- Nay Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Sinh mạng và thân thể là khác".

9) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết?*

-- Nay Vaccha, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

10) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Như Lai không có tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết".

11) -- *Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

12)-- *Thưa Tôn giả Moggalàna, vậy Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?*

-- Này Vaccha, Thế Tôn cũng không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

13)-- *Thưa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì các vị du sĩ ngoại đạo, khi được hỏi như thế này, thời trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên. Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Nhu Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?"*

14) *Thưa Tôn giả Moggalàna, do nhân gì, do duyên gì, Sa-môn Gotama, khi được hỏi như thế này, thời không trả lời như thế này: "Thế giới là thường còn. Hay thế giới là vô thường. Hay thế giới là hữu biên. Hay thế giới là vô biên. Hay sinh mạng và thân thể là một. Hay sinh mạng và thân thể là khác. Hay Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?*

15) -- Này Vaccha, vì rằng các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"; ... quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, các du sĩ ngoại đạo, nên khi được hỏi như vậy, trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

16) Và Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, này Vaccha, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi"... quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi". Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy,

không có trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

17) Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

18) Ngồi một bên, Vacchagotta bạch Thế Tôn:

-- Thừa Tôn giả Gotama, thế giới thường còn?

-- Này Vaccha, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn".

19-26)... (như trên)...

27) -- Thừa Tôn giả Gotama, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

-- Này Vaccha, Ta không có trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

28) -- Thừa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì các du sĩ ngoại đạo, khi được hỏi như vậy, thời trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, khi Tôn giả Gotama được hỏi như vậy, lại không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

29)-- Này Vaccha, các du sĩ ngoại đạo quán con mắt là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi", quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi". Do vậy, các du sĩ ngoại đạo khi được hỏi như vậy, nên trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

30) Còn Như Lai, này Vaccha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quán con mắt là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi", quán tai... quán mũi... quán lưỡi... quán thân... quán ý là: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải là tự ngã của tôi". Do vậy, Như Lai khi được hỏi như vậy, không trả lời như vậy: "Thế giới là thường còn... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

31) -- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với

văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

32) Thừa Tôn giả Gotama, nay con đi đến Sa-môn Mahà Moggalàna và nói về ý nghĩa này. Sa-môn Moggalàna, với những câu như thế này, với những lời như thế này đã trả lời về ý nghĩa này giống như Tôn giả Gotama. Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

42 Moggalàna - Tương V, 413

Moggalàna – Tương V, 413

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migàra.

2) Lúc bảy giờ, một số Tỷ-kheo trú ở dưới lầu của mẹ Migàra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lảo miêng, tạp thoại, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm mê loạn, các căn không chế ngự (pàkatindriyà).

3) Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Mahà Moggalàna:

-- Này Moggalàna, những đồng Phạm hạnh ấy trú dưới lầu của mẹ Migàra, trạo cử, kiêu mạn, dao động, lảo miêng, tạp thoại, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm mê loạn, các căn không chế ngự. **Hãy đi, này Moggalàna, và làm cho họ hoảng hốt (samvejeti).**

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahà Moggalàna vâng đáp Thế Tôn, **thực hiện thần thông, với ngón chân lớn, làm cho rung**

động, rung chuyển, làm cho chấn động lâu dài của mẹ Migàra.

4) Rồi các Tỷ-kheo ấy hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, họ đứng về một bên và (la lớn): *"Thật là vi diệu, chư Tôn giả! Thật là hy hữu, chư Tôn giả! Lâu đài của mẹ Migàra này được che chở khỏi gió, được khéo đào những nền móng thâm sâu, không có dao động, không có chuyển động. Tuy vậy, nó rung động, rung chuyển, chấn động!"*

5) Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến nói với họ:

-- Nay các Tỷ-kheo, tại sao các Ông lại hốt hoảng, lông tóc dựng ngược, và đứng về một bên như vậy?

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Lâu đài của mẹ Migàra được che chở khỏi gió, được khéo đào thành những nền móng thâm sâu, không có dao động, không có chuyển động. Tuy vậy nó rung động, rung chuyển, chấn động.

6) -- **Này các Tỷ-kheo, chính do Tỷ-kheo Moggalàna** muốn làm cho các Ông hoảng hốt, với ngón chân lớn, đã làm cho lâu đài này của mẹ Migàra bị rung chuyển, rung động, bị chấn động. *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung*

mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy?

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo... sau khi nghe pháp, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

7) -- Vậy hãy nghe, này các Tỷ-kheo. **Chính do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggalàna đã có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.** Thế nào là bốn?

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggalàna **tu tập như ý túc câu hữu** với **đục** định tinh cần hành... **tinh tấn** định... **tâm** định... **Tu tập như ý túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành** (với ý nghĩ): "*Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động, cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy*". **Như vậy, với tâm rộng mở, không với tâm gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.**

9) Nay các Tỷ-kheo, chính do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn như ý túc** này, Tỷ-kheo Moggalàna **được đại thần lực như vậy**, đại uy lực như vậy.

10) Và nay các Tỷ-kheo, cũng chính do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn như ý túc** này, Tỷ-kheo Moggalàna **thực hiện nhiều loại thần thông**... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

11) Và chính nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn **bốn như ý túc** này, Tỷ-kheo Moggalàna do **đoạn tận các lậu hoặc** ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

12) (Sáu thần thông được thuyết rộng ra như vậy).

43 Moggalàna - Tương V, 436

Moggalàna – Tương V, 436

1) ...

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

3) -- *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

4) -- *Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc, Tỷ-kheo Moggalàna có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy. Thế nào là bốn?*

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Moggalàna tu tập như ý túc *câu hữu với dục định tinh cần hành* (nghĩ rằng): *"Như vậy, ý muốn của ta sẽ không quá thụ động, và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới*

nếu vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.

6-7) ... **tinh tấn** định... **tâm** định...

8) ... tu tập như ý tức **câu hữu** với **tư duy** định tinh cần hành (nghĩ rằng): "*Như vậy, tư duy của ta sẽ không quá thụ động và cũng không quá hăng say, sẽ không co rút phía trong, sẽ không phân tán phía ngoài, an trú với tướng trước sau đồng đẳng. Trước thế nào, thời sau như vậy; sau thế nào, thời trước như vậy. Dưới thế nào, thời trên như vậy; trên thế nào, thời dưới như vậy. Ban ngày thế nào, thời ban đêm như vậy; ban đêm thế nào, thời ban ngày như vậy". Như vậy, với tâm rộng mở, với tâm không gò bó, với tâm chói sáng, vị ấy tu tập tâm.*

9) Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý tức này, Tỷ-kheo Moggallāna có đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy.

10) Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn như ý tức này, Tỷ-kheo Moggallāna thực hiện nhiều loại thần thông: Như một thân hiện thành nhiều thân, nhiều thân hiện thành một thân... tự thân có thể bay đến Phạm thiên giới.

11) Do tu tập, làm cho sung mãn bốn như ý túc này, Tỷ-kheo Moggalàna đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

44 Moliya Phagguna - Tương II, 30

Moliya Phagguna – *Tương II, 30*

1)...Trú Tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

Thế nào là bốn?

- Một là **đoàn thực** hoặc thô hoặc tế,
- Hai là **xúc** thực,
- Ba là **tư niệm** thực,
- Bốn là **thức** thực.

Nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay khiến cho các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

3) Khi được nói vậy, **Tôn giả Moliya-Phagguna bạch Thế Tôn:**

- *Bạch Thế Tôn, ai ăn thức thực?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có ai ăn". Nếu Ta nói: "Có kẻ ăn", thời câu hỏi: "Có ai ăn" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, thức thực là cho ai?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "**Thức thực là duyên cho sự sanh thành, cho sự tái sanh trong tương lai. Khi cái ấy hiện hữu, có mặt thời sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt**".

4) *Bạch Thế Tôn, ai cảm xúc?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ cảm xúc". Nếu Ta nói: "Có kẻ cảm xúc", thời câu hỏi: "Ai cảm xúc" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, xúc sanh khởi?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi**".

5) *Bạch Thế Tôn, ai cảm thọ?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có người cảm thọ". Nếu ta có nói: "Có người cảm thọ", thời câu hỏi: "Ai cảm thọ?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thọ sanh khởi?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi**".

6) *Bạch Thế Tôn, ai khát ái?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ khát ái". Nếu Ta nói: "Có kẻ khát ái", thời câu hỏi: "Ai khát ái" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, ái sanh khởi**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên ái, thủ sanh khởi**".

7) *Bạch Thế Tôn, ai chấp thủ?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ chấp thủ". Nếu Ta nói: "Có kẻ chấp thủ", thời câu

hỏi: "Ai chấp thủ" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thủ sanh khởi**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do duyên thủ, hữu sanh khởi**". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

8) Nhưng này Phagguna, do ly tham, đoạn diệt một cách hoàn toàn **sáu xúc xú nên xúc diệt**. Do xúc diệt, nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

45 Mong Muốn Kiêu Mạn - Tương I, 16

Mong Muốn Kiêu Mạn – *Tương I, 16*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Đối vị ưa kiêu mạn,
Ở đây không điều phục,
Không trí tuệ sáng suốt,
Không định tĩnh nhiếp tâm,
Độc thân trú rừng núi,
Sống với tâm phóng dật,
Vị ấy không vượt khỏi,
Sự chi phối ma lực.*

(Thế Tôn):

*Từ bỏ mọi kiêu mạn,
Tâm tư khéo nhiếp định,
Với tâm khéo tư sát,
Giải thoát mọi phiền trước,
Độc thân trú rừng núi (giới),
Với tâm không phóng dật,
Vị ấy vượt thoát khỏi,
Sự chi phối ma lực.*

46 MÁT LẠNH - Tăng III, 249

MÁT LẠNH – Tăng III, 249

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.**

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào cần phải hạn chế **tâm**, khi ấy không hạn chế tâm;
- Khi nào tâm cần phải phần chấn, khi ấy, lại không phần chấn tâm;
- Khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy lại không làm tâm hoan hỷ;
- Khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy lại không làm cho tâm trú xả quán sát;
- Xu hướng về hạ liệt;
- Hoan hỷ thân kiến.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.** Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy hạn chế tâm;
- Khi nào tâm cần phải phân chân, khi ấy phân chân tâm;
- Khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy làm cho tâm hoan hỷ.
- Khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy làm tâm trú xả, quán sát;
- Xu hướng về thù thắng;
- Hoan hỷ Niết-bàn.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

47 MÂY MƯA 1 - Tăng II, 9

MÂY MƯA 1 – Tăng II, 9

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.- Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại mây mưa** này. Thế nào là bốn?

- Có sấm, không có mưa;
- Có mưa, không có sấm;
- Không có sấm, cũng không có mưa;
- Có sấm và có mưa.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ với các loại mây mưa** này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người có sấm, không có mưa
- Hạng người có mưa, không có sấm
- Hạng người không có sấm, không có mưa
- Hạng người có sấm và có mưa.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có nói, không có làm**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng người này giống như ví dụ ấy.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có làm, không có nói**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sams, cũng không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có nói, không có làm**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sams, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sams, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

7. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sams và có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **có nói và có làm**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sams và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sams và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

48 MÂY MƯA 2 - Tăng II, 11

MÂY MƯA 2 – Tăng II, 11

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại mây mưa** này. Thế nào là bốn?

- Có sấm, không có mưa;
- Có mưa, không có sấm;
- Không có sấm không có mưa;
- Có sấm và có mưa.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ như các loại mây mưa này, có mặt, hiện hữu ở đời**. Thế nào là bốn?

- Hạng người có sấm, không có mưa;
- Hạng người có mưa, không có sấm;
- Hạng người không có sấm, không có mưa;
- Hạng người có sấm và có mưa.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm không có mưa?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người **thuộc lòng Pháp**, Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng,

Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Quảng thuyết.

- Vị ấy **không như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... , không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không có học thuộc lòng Pháp**, như Khế kinh, Ứng tụng, ... Quảng thuyết.
- Vị ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khổ"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sấm và không có mưa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không học thuộc lòng Pháp như Khế kinh... Quảng thuyết.

- Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là Khô"... không như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khô diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, không có mưa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

6. *Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **học thuộc lòng Pháp** như Khế kinh... Quảng thuyết.
- Người ấy **như thật quán tri**: "Đây là Khô"... như thật quán tri: "Đây là con Đường đưa đến Khô diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

49 MÃN NGUYỆT ĐẠI KINH - 109 Trung III, 135

ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT (Maha Punnama sutta)

– Bài kinh số 109 – Trung III, 135

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Pubbarama (Đông Viên), Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ trong ngày Bối-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi một Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay vái Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề đặc biệt, nếu Thế Tôn cho con được phép nói lên câu hỏi.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy ngồi trên chỗ của Ông và hỏi như ý Ông muốn.

Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi ngồi xuống trên chỗ

ngôi của mình, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn?

– Nay Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này, lấy gì làm căn bản?

– Nay Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này **lấy dục làm căn bản.**

– Bạch Thế Tôn, có phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, hay là ngoài năm thủ uẩn, có một chấp thủ (khác)?

– Nay Tỷ-kheo, không phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, cũng không phải ngoài năm thủ uẩn có sự chấp thủ. Nay Tỷ-kheo, **khi nào có lòng dục, lòng**

tham đối với năm thủ uẩn, ở đây chính là chấp thủ.

– Bạch Thế Tôn, phải chăng có thể có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn?

Thế Tôn trả lời:

– Nay Tỷ-kheo, có thể có. Ở đây, này Tỷ-kheo có người nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như thế này trong tương lai! Mong rằng có thọ như thế này trong tương lai! Mong rằng có tưởng như thế này trong tương lai! Mong rằng có hành như thế này trong tương lai! Mong rằng có thức như thế này trong tương lai!" Như vậy, này Tỷ-kheo, **có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm uẩn.**

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn?

– Nay Tỷ-kheo, phàm sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là sắc uẩn. Phàm cảm thọ gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là thọ uẩn. Phàm tưởng gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là tưởng uẩn. Phàm những hành gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên).. xa hay gần,

như vậy là hành uẩn. Phàm thức gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là thức uẩn. Cho đến như vậy, này Tỷ-kheo **là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn.**

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì được chấp nhận gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi hành uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thức uẩn?

– Bốn đại là nhân, này Tỷ-kheo, bốn đại là duyên được chấp nhận gọi là sắc uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là thọ uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là tưởng uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là hành uẩn.

– Danh sắc là nhân, này Tỷ-kheo, danh sắc là duyên được chấp nhận gọi là thức uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu

không hiểu rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không hiểu rõ các bậc Chơn nhân, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, xem sắc như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc; xem thọ như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thọ; xem tưởng như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có tưởng, hay xem tưởng như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong tưởng; xem hành như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong hành; xem thức như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem có thức như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thức.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là không thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chơn nhân, thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, tu tập pháp các bậc Chơn nhân, không xem sắc như là tự ngã, hay không xem tự ngã như là có sắc, hay

không xem sắc như là trong tự ngã, hay không xem tự ngã như là trong sắc; không xem thọ như là tự ngã.... không xem tự ngã như là trong thọ, không xem tưởng như là tự ngã.. , hay không xem tự ngã như là trong tưởng; không xem hành như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong hành; không xem thức như là tự ngã.. không xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không thân kiến.

- Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt của sắc, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?
- Cái gì là vị ngọt của thọ, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?
- Cái gì là vị ngọt của tưởng, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?
- Cái gì là vị ngọt của hành, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?
- Cái gì là vị ngọt của thức, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên sắc khởi lên, như vậy là vị ngọt của sắc. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong sắc như vậy là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của sắc. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thọ khởi lên, như vậy là vị ngọt của

thọ... như vậy là sự xuất ly của thọ. Nay Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên tướng khởi lên như vậy là vị ngọt của tướng.... là sự xuất ly của tướng. Nay Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên hành khởi lên như vậy là vị ngọt của hành... là sự xuất ly của hành. Nay Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thức khởi lên, như vậy là vị ngọt của thức. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong thức, như vậy là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham đối với thức, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của thức.

– Bạch Thế Tôn, do biết gì, do thấy gì, mà không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với cả tướng ở ngoài?

– Nay Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì... tướng gì... hành gì... phàm có thức gì, quá khứ vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả thức, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi". Nay Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như

vậy, nên không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với tất cả tướng ở ngoài.

Rồi một Tỷ-kheo khác khởi lên sự suy tư như sau: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?"

Thế Tôn biết được tâm tư của Tỷ-kheo ấy với tâm tư của mình liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, sự kiện này xảy ra, khi ở đây có kẻ ngu si, vô tri, vô minh, với tâm bị tham dục chi phối, lại nghĩ cần phải vượt qua lời dạy của bậc Đạo sư với (câu hỏi): "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?" Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được Ta huấn luyện tìm kiếm nhân duyên, chỗ này chỗ kia, đối với những pháp này, pháp khác. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chẳng khi xem: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ.. (như trên).. tưởng.. hành... thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chẳng khi xem: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại... tất cả loại sắc, cần phải như thật quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự

ngã của tôi". Phàm có thọ gì, phàm có tưởng gì, phàm có hành gì, phàm có thức gì quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại.. tất cả loại thức, cần phải như thật quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, vị ấy biết được vị ấy đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm. Từ nay không còn trở lại đời sống thế này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự giảng giải này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

50 MÃN NGUYỆT TIÊU KINH - 110 Trung III, 145

TIÊU KINH MÃN NGUYỆT (Culapunnama sutta)

– Bài kinh số 110 – Trung III, 145

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Pubbarama (Đông Viên) Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ trong ngày Bối-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăm rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỷ-kheo:

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người bất chánh (asappurisa) có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này", hay không?**

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! **Này các Tỷ-kheo không thể có sự tình, không thể có sự kiện, một**

người bất chánh có thể biết một người bất chánh:
"Người bất chánh là vị này."

Này các Tỷ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

– Bạch Thế Tôn, không biết được

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, **không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh:** "Người chơn chánh là vị này".

➡ Người bất chánh, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **đầy đủ pháp bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh **bất tín, vô tâm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **giao du với những người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **suy tư như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **tư lường như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh tư lường như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **nói năng như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **hành động như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh hành động như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **có tà kiến như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bổ thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại".. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh **bổ thí như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bổ thí một cách vô lễ, bổ thí không phải tự tay, bổ thí không có suy tư kỹ lưỡng, bổ thí những vật không cần dùng, bổ thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bổ thí như người bất chánh.

➔ Nay các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, **sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh.**

➔ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?**

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này".

Nhưng nay các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này".

➡ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **suy tư như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.
- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **tư lường như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **nói năng như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **hành động như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn

chánh hành động như người chơn chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **có chánh kiến như bậc chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **bố thí như người chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.
- ➔ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có

chánh kiến như người như người chơn chánh
như vậy, bổ thí như người chơn chánh như vậy,
**sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào
cảnh giới của những người chơn chánh.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của
những người chơn chánh? Đại tánh của chư
Thiên hay đại tánh của loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

51 MÙ LÒA - Tăng I, 229

MÙ LÒA – Tăng I, 229

1. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Người mù,
- Người một mắt,
- Người có hai mắt.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người mù?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **không** có mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch;
- **Không** có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người mù.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có một mắt?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **có** mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản

chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch;

- Nhưng **không** có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có một mắt.

4. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có hai mắt?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người **có** mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch;
- Và **có** mắt để có thể với mắt như vậy, **biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt.

Ba hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mắt, xuất hiện ở đời.

*Kẻ mù mắt bị hư,
Cả hai đều bất hạnh,
Vừa công đức không làm.
Vừa không được tài sản,*

*Thứ đến là hạng người
Được gọi là một mắt,
Liên hệ pháp, phi pháp,
Tầm cầu các tài sản,
Vớ trộm và man trá,
Cùng với cả nói láo,
Vừa khéo góp tài sản,
Vừa giỏi hưởng dục lạc
Từ đây đến địa ngục,
Người một mắt bị hại.*

*Còn vị có hai mắt
Được gọi người tối thượng,
Thâu hoạch các tài sản
Một cách đúng Chánh pháp,
Các tài sản đã có,
Tăng trưởng đúng chánh pháp.
Bố thí, ý tốt đẹp,
Không phân vân ngập ngừng
Được sanh chỗ hiền thiện,
Đi chỗ ấy không sầu.*

*Vậy hãy tránh thật xa,
Người mù, người một mắt,
Thân cận bậc hai mắt,
Bậc tối thắng trượng phu!*

52 Màngadha - Tương I, 108

Màngadha – Tương I, 108

1) Đứng một bên, **Thiên tử Màngadha** nói lên với Thế Tôn bài kệ:

*Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.*

*Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm đây không có,
Ngày, **mặt trời** sáng chói,
Đêm, **mặt trăng** tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi,
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này sáng vô thượng.*

53 Māgha - Tương I, 107

Māgha – Tương I, 107

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi Thiên tử Māgha, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Māgha nói với Thế Tôn bài kệ:

3) *Sát vật gì được lạc?*

Sát vật gì không sầu?

Có một pháp loại gì,

Ngài tán đồng sát hại,

Tôn giả Gotama?

(Thế Tôn)

4) *Sát phần nộ được lạc,*

Sát phần nộ không sầu,

Phần nộ với độc căn,

Với vị ngọt tối thượng.

Pháp ấy bậc Thánh Hiền,

Tán đồng sự sát hại.

Sát pháp ấy không sầu,

Này Hiền giả Thiên nhân.

54 Mānadinna - Tương V, 277

Mānadinna – Tương V, 277

1) Nhân duyên giống như trên.

2) Lúc bấy giờ, *gia chủ Mānadinna bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.*

3-6) Rồi gia chủ Mānadinna gọi một người và bảo...

7) -- *Dầu cho con phải cảm giác khổ thọ như vậy, con vẫn trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán thọ trên các cảm thọ... trú, quán tâm trên tâm... trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.*

8) *Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng này, con không thấy có một pháp nào chưa được đoạn tận nơi con.*

9) -- Thật lợi đặc thay, này Gia chủ! Thật khéo lợi đặc thay, này Gia chủ! Này Gia chủ, *Gia chủ đã tuyên bố về quả Bất lai.*

55 Mānathhada - Tương I, 390

Mānathhada – Tương I, 390

- 1) Nhân duyên tại Sāvatthi.
- 2) Lúc bảy giờ, Bà-la-môn tên Mānathhada trú ở Sāvatthi. *Vị này không cung kính mẹ, không cung kính cha, không cung kính Đạo sư, không cung kính anh trưởng.*
- 3) Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp, có đại chúng đoanh vây.
- 4) Rồi Bà-la-môn Mānathhada suy nghĩ như sau: "Sa-môn Gotama nay đang thuyết pháp có đại chúng đoanh vây. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama nói chuyện với ta, ta cũng sẽ nói chuyện với Sa-môn Gotama. Nếu Sa-môn Gotama không nói chuyện với ta, ta cũng sẽ không nói chuyện với Sa-môn Gotama".
- 5) Rồi Bà-la-môn Mānathhada đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền đứng một bên và im lặng.
- 6) Và Thế Tôn không nói chuyện với Bà-la-môn ấy.

7) Bà-la-môn Mānatthada suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này không biết gì hết", bèn muốn trở về.

8) Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của Bà-la-môn Mānatthada, liền nói lên bài kệ với Bà-la-môn Mānatthada:

*Hỡi này Bà-la-môn,
Kiêu mạn không có tốt,
Ở đây không có ai,
Bà-la-môn nên biết.
Ông đến, mục đích gì,
Hãy nói lên cho biết?*

9) Bà-la-môn Mānatthada suy nghĩ: "Sa-môn Gotama biết tâm tư của ta", cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, lấy miệng hôn chân Thế Tôn, lấy tay thoa vuốt và nói lên tên của mình:

- Tôn giả Gotama, con là Mānatthada. Tôn giả Gotama, con là Mānatthada.

10) Rồi đại chúng ấy tâm khởi lên kinh dị vi diệu: "Thật là vi diệu, thưa Ngài! Thật là hy hữu, thưa Ngài! Bà-la-môn Mānatthada không bao giờ cung kính mẹ, không bao giờ cung kính cha, không bao giờ cung kính Đạo sư, không bao giờ cung kính anh trưởng,

nay lại hạ mình tốt cùng như vậy trước Sa-môn Gotama. "

11) Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Mânatthada:

- Thôi vừa rồi Bà-la-môn. Hãy đứng dậy và ngồi lại trên ghế của Ông. Lòng tín thành của Ông đối với Ta từ đâu đến?

12) Rồi Bà-la-môn Mânatthada sau khi ngồi trên ghế của mình, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Đối ai không nên kiêu?
Đối ai nên kính trọng?
Đối ai nên tôn kính?
Cúng dường ai, tốt lành?*

(Thế Tôn):

*13) Với mẹ và với cha,
Với anh nhiều tuổi hơn,
Với thầy là thứ tư,
Không nên sanh kiêu mạn,
Nên kính trọng vị ấy,
Nên tôn kính vị ấy,
Cúng dường họ, tốt lành.*

*Các bậc A-la-hán,
Thanh lương, lậu hoặc đoạn,*

*Việc nên làm đã làm,
Hãy nhiếp phục kiêu mạn,
Bậc Vô thượng tôn ấy,
Ông thật nên đánh lễ.*

14) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mānatthada bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

56 Màra - Tương III, 329

Màra – Tương III, 329

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Tôn giả Ràdha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "*Màra, Màra", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là Màra?*

4) -- Nếu có **sắc**, này Ràdha, thời có chết (Màra) hay có sát giả (Màretà), hay có sự chết (Miyati). Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy **sắc** là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. **Những ai thấy **sắc** như vậy là thấy chơn chánh.**

5-7) ... Thọ... tưởng... các hành...

8) Nếu có **thức**, này Ràdha, thời có chết, hay có sát giả, hay có bị chết. Do vậy, này Ràdha, Ông hãy thấy

thức là sự chết, hãy thấy là sát giả, hãy thấy là bị chết, hãy thấy là bệnh hoạn, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh. Những ai thấy **thức** như vậy là thấy chơn chánh.

9) -- *Bạch Thế Tôn, chánh quán với mục đích gì?*

-- Chánh quán, này Ràdha, với mục đích **nhàm chán**.

10) -- *Bạch Thế Tôn, nhàm chán với mục đích gì?*

-- Nhàm chán, này Ràdha, với mục đích **ly tham**.

11) -- *Bạch Thế Tôn, ly tham với mục đích gì?*

-- Ly tham, này Ràdha, với mục đích **được giải thoát**.

12) -- *Bạch Thế Tôn, giải thoát với mục đích gì?*

-- Giải thoát, này Ràdha, với mục đích **Niết-bàn**.

13) -- *Bạch Thế Tôn, Niết-bàn với mục đích gì?*

-- Này Ràdha, Ông đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm được giới hạn của câu hỏi. Nhập vào Niết-

bàn, này Ràdha, là sự thực hành Phạm hạnh; Niết-
bàn là mục tiêu cuối cùng; Niết-bàn là cứu cánh.

57 Màra - Tương III, 339

Màra – Tương III, 339

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràdha bạch Thế Tôn:

-- "*Màra, Màra", bạch Thế Tôn, như vậy được gọi đến. Thế nào là Màra, bạch Thế Tôn?*

4) -- **Sắc**, này Ràdha, **là Màra**. **Thọ** là Màra. **Tướng** là Màra. **Hành** là Màra. **Thức** là Màra.

5) Do thấy vậy, này Ràdha, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tướng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

Tánh Chất Của Màra. – Tương III, 340

(*Như kinh trước, chỉ thay Màra bằng **tánh chất của Màra** (Màradhamma).*)

58 Màra - Tương V, 158

Màra – Tương V, 158

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường đưa đến chinh phục Ma quân. Hãy lắng nghe.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến chinh phục Ma quân?* Tức là **bảy giác chi.**

Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đưa đến chinh phục Ma quân.

59 Mára Ma Lưới Bẫy - Tương IV, 161

Mára Ma Lưới Bẫy – *Tương IV*, 161

1) ...

2-7) -- **Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu một Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma đoanh vây vị ấy. Bị Ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.**

...có những **tiếng**... có những **hương**... có những **vị**...
có những **xúc**...

... Này các Tỷ-kheo, có những **pháp do ý nhận thức** khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma đoanh vây vị ấy. Bị Ma trói buộc, vị ấy bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

8-13) **Này các Tỷ-kheo, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không**

tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

...có những tiếng... có những hương... có những vị...
có những xúc...

... Nay các Tỷ-kheo, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không đi đến trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục. Lưới bẫy của Ma không đoanh vây vị ấy. Được giải thoát khỏi Ma trói buộc, vị ấy không bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

Màra Ma Lưới Bẫy – 162tu4

1) ...

2-7) -- Nay các Tỷ-kheo, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục,

hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo *bị trói buộc* trong các sắc do mắt nhận thức, đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

...có những **tiếng**... có những **hương**... có những **vị**...
có những **xúc**...

... Đây các Tỷ-kheo, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo *bị trói buộc* trong các pháp do ý nhận thức, đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

8-13) Đây các Tỷ-kheo, có những **sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo *được giải thoát khỏi các sắc do mắt nhận thức, không* đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.**

...có những tiếng... có những hương... có những vị...
có những xúc...

... Nay các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyến an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo *được giải thoát* khỏi các pháp do ý nhận thức, không đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

60 Màra Ma Lưới Bẫy - Tương IV, 162

Màra Ma Lưới Bẫy – *Tương IV*, 162

1) ...

2-7) -- Đây các Tỷ-kheo, có những **sắc** do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các sắc do mắt nhận thức, đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

...có những **tiếng**... có những **hương**... có những **vị**...
có những **xúc**...

... Đây các Tỷ-kheo, có những **pháp** do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo bị trói buộc trong các pháp do ý nhận thức, đã đi đến trú xứ của Ma, đã bị Ma chinh phục, bị Ác ma muốn làm gì vị ấy thì làm.

8-13) Đây các Tỷ-kheo, có những **sắc** do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không

tán dương, không tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các sắc do mất nhân thức, không đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

...có những tiếng... có những hương... có những vị...
có những xúc...

... Đây các Tỷ-kheo, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không tham luyện an trú; thời này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo *được giải thoát* khỏi các pháp do ý nhận thức, không đi vào trú xứ của Ma, không bị Ma chinh phục, không bị Ác ma muốn làm gì thì làm.

61 Mátaposaka - Tương I, 398

Mátaposaka – *Tương I, 398* (Nuôi dưỡng mẹ)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Bà-la-môn Mátaposaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Mátaposaka nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, tôi nuôi dưỡng mẹ cha. *Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy; tôi có làm đúng trách nhiệm không?*

4) Này Bà-la-môn, Ông làm như vậy là làm đúng trách nhiệm. Này Bà-la-môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp; sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, lại nuôi dưỡng mẹ cha *thì người ấy được nhiều công đức.*

*Người nào theo thường pháp,
Nuôi dưỡng mẹ và cha,*

*Chính do công hạnh này,
Đối với cha, với mẹ,
Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh,
Trong đời này tán thán,
Sau khi chết, được sanh,
Hưởng an lạc, chư Thiên.*

5) Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Mátaposaka bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

62 Mây Mưa 1 - Tương V, 78

Mây Mưa 1 – Tương V, 78

1) ...

2)-- *Ví như, này các Tỷ-kheo, vào cuối tháng mùa hạ, bụi mù bay lên, rồi có đám mây lớn trái mùa thành lành làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Thánh đạo Tám ngành**, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh thành lành làm chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.** Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh (uppannuppanne) lập tức làm cho chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

Mây Mưa 2 – Tương V, 79

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngọn gió lớn thỉnh thoảng làm cho đám mây mưa lớn khởi lên bị tiêu tan, tịnh chỉ.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Thánh đạo Tám ngành**, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, **đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi, khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ**. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

63 Mây Mưa 2 - Tương V, 79

Mây Mưa 2 – Tương V, 79

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ngọn gió lớn thỉnh thoảng làm cho đám mây mưa lớn khởi lên bị tiêu tan, tịnh chỉ.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Thánh đạo Tám ngành**, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, **đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi, khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ**. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành, đối với các ác, bất thiện pháp tiếp tục sanh khởi khiến chúng tiêu tan và tịnh chỉ.

64 Mê Loạn - Tương I, 15

Mê Loạn – Tương I, 15

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Những ai đối các pháp,
Quá đắm say mê loạn,
Bị hướng dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo,
Họ mê ngủ triền miên,
Họ không có tỉnh giác,
Nay thật đã đến thời,
Họ cần phải thức tỉnh.*

(Thế Tôn):

*Những ai đối các pháp,
Không đắm say mê loạn,
Không bị dẫn lầm lạc,
Vòng quanh các dị giáo,
Họ chứng Chánh đẳng giác.
Họ liễu tri viên mãn,
Trên đường không thăng bằng,
Họ bước thật thăng bằng.*

65 Món Ăn Cho Các Giác Chi - Tương V, 166

Món Ăn Cho Các Giác Chi – *Tương V*, 166

1) ...

2) -- *Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của Năm triền cái và Bảy giác chi.* Hãy lắng nghe...

8) -- *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **các pháp trừ xứ cho niệm giác chi**. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn.

9) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Có **những pháp thiện và bất thiện, này các Tỷ-kheo, có những pháp có tội và không có tội, có những pháp liệt và thắng, có những pháp dư phần đen và trắng.**

Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

10) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Có **phát cần giới, này các Tỷ-kheo, tinh cần giới, đồng mãnh giới.** Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

11) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có **những pháp trừ xứ cho hỷ giác chi.** Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hỷ

giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

12) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **thân khinh an, tâm khinh an**. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

13) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng**. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

14) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **các pháp trừ xử cho xả giác chi.**
Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời
chính cái này là món ăn khiến cho xả giác chi chưa
sinh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được
tu tập, được làm cho viên mãn.

66 Món Ăn Của Các Triền Cái - Tương V, 164

Món Ăn Của Các Triền Cái – *Tương V*, 164

1) ...

2) -- *Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của Năm triền cái và Bảy giác chi.* Hãy lắng nghe.

3) -- *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho dục tham (kàmacchanda) chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?*

Có **tình tướng**, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

4) *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?*

Có **chương ngại tướng** (patighanimittam), này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho

sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

5) *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?*

Không hôn hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm uể oải. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

6) *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?*

Có **tâm chưa được chỉ tịnh**, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

7) *Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?*

Có các pháp trú xứ của nghi hoặc. Ở đây, nếu phi
như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái
này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được
sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng,
quảng đại.

67 Mù Lòa - Tương IV, 40

Mù Lòa – Tương IV, 40

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- **Tất cả, này các Tỷ-kheo, là mù lòa.** Và này các Tỷ-kheo, cái gì mù lòa?

3-5) **Mắt**, này các Tỷ-kheo, **là mù lòa**. **Các sắc** là mù lòa. **Nhãn thức** là mù lòa. **Nhãn xúc** là mù lòa. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; **cảm thọ** ấy là mù lòa. **Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.**

... Tai... Mũi...

6) **Lưỡi** là mù lòa. **Các vị** là mù lòa. **Thiệt thức** là mù lòa. **Thiệt xúc** là mù lòa. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy mù lòa. **Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.**

7) Thân là mù lòa...

8) Ý là mù lòa. Các pháp là mù lòa. Ý thức là mù lòa. Ý xúc là mù lòa. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với **mắt**, nhàm chán đối với các **sắc**, nhàm chán đối với nhãn **thức**, nhàm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn **xúc** khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhàm chán cảm **thọ** ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ rằng: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

68 Múa - Tương V, 680

Múa – Tương V, 680

1-2-3) ...

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Và nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.

5) Này các Tỷ-kheo, vì không thấy **bốn Thánh đế**.

Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

69 Múa hát - Kinh KHỐC THAN - Tăng I, 472

KHỐC THAN – Tăng I, 472

- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **khốc than** trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh.
- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **điên loạn** trong giới luật bậc Thánh, tức là múa nhảy.
- Này các Tỷ-kheo, đây được xem là **trẻ con** trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng.

Do vậy, này các Tỷ-kheo:

- *Hãy phá cây cầu đi đến hát.*
- *Hãy phá cây cầu đi đến múa.*
- *Thật là vừa đủ, nếu các Thầy được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các Thầy được hoan hỷ.*

70 MƯA - Tăng II, 699

MƯA – Tăng II, 699

❖ Có năm chương ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được, ở đây, mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận. Thế nào là năm?

- Trên hư không, này các Tỷ-kheo, **hỏa giới phần nộ, do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn**. Này các Tỷ-kheo, đây là chương ngại thứ nhất cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trên hư không, **phong giới phần nộ, do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn**. Này các Tỷ-kheo, đây là chương ngại thứ hai cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Ràhu, **vua các loài A-tu-la dùng tay râu lấy nước rồi đổ xuống biển lớn**. Này các Tỷ-kheo, đây là chương ngại thứ ba cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **chư Thiên của các loại mây đem mưa trở thành biếng nhác**. Đây là chướng ngại thứ tư cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **khi loài Người trở thành phi pháp**, này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ năm cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.

Này các Tỷ-kheo, có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhận.

71 MUỖI PHÁP - Tăng IV, 634

MUỖI PHÁP – Tăng IV, 634

1. Thành tựu **mười** pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào **địa ngục**.

2. Thế nào là mười?

1. Sát sanh.
2. Lấy của không cho.
3. Tà hạnh trong các dục.
4. Nói láo.
5. Nói hai lưỡi.
6. Nói lời thô ác.
7. Nói lời phù phiếm.
8. Tham ái.
9. Sân tâm.
10. Tà kiến.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu **mười** pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên **Thiên giới**.

4. Thế nào là mười?

1. Từ bỏ sát sanh.
2. Từ bỏ lấy của không cho.
3. Từ bỏ tà hạnh trong các dục.
4. Từ bỏ nói láo.
5. Từ bỏ nói hai lưỡi.
6. Từ bỏ nói lời thô ác.
7. Từ bỏ nói lời phù phiếm.
8. Không tham.
9. Không sân.
10. Tâm chánh kiến.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

HAI MƯƠI PHÁP – *Tăng IV, 635*

1. Thành tựu **hai mươi** pháp, như vậy tương xứng bị rơi vào **địa ngục**.

2. Thế nào là hai mươi?

- **Tự mình** sát sanh, **khuyến khích** người khác sát sanh;
- Tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho;

- Tự mình tà hạnh trong các dục; khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục;
- Tự mình nói láo và khuyến khích người khác nói láo;
- Tự mình nói hai lưỡi và khuyến khích người khác nói hai lưỡi;
- Tự mình nói lời thô ác và khuyến khích người khác nói lời thô ác;
- Tự mình nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác nói lời phù phiếm;
- Tự mình tham và khuyến khích người khác tham;
- Tự mình có sân tâm và khuyến khích người khác có sân tâm;
- Tự mình có tà kiến và khuyến khích người khác có tà kiến.

Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu **hai mươi** pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên **Thiên giới**.

4. Thế nào là hai mươi?

- Tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh;

- Tự mình từ bỏ lấy của không cho, khuyên khích người khác từ bỏ lấy của không cho;
- Tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục; khuyên khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục;
- Tự mình từ bỏ nói láo và khuyên khích người khác từ bỏ nói láo;
- Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyên khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi;
- Tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyên khích người khác từ bỏ nói lời thô ác;
- Tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyên khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm;
- Tự mình không tham và khuyên khích người khác không tham;
- Tự mình không có sân tâm và khuyên khích người khác không có sân tâm;
- Tự mình có chánh kiến và khuyên khích người khác có chánh kiến.

Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

BA MƯƠI PHÁP – *Tăng IV, 636*

1. Thành tựu **ba mươi pháp**, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là ba mươi?

1. **Tự mình** sát sanh.
2. **Khuyến khích** người khác sát sanh.
3. Và **tùy thuận** sát sanh.
4. Tự mình lấy của không cho.
5. Khuyến khích người khác lấy của không cho.
6. Và tùy thuận lấy của không cho.
7. Tự mình tà hạnh trong các dục.
8. Khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục.
9. Và tùy thuận tà hạnh trong các dục.
10. Tự mình nói láo.
11. Khuyến khích người khác nói láo.
12. Và tùy thuận nói láo.
13. Tự mình nói hai lưỡi.
14. Khuyến khích người khác nói hai lưỡi.
15. Và tùy thuận nói hai lưỡi.
16. Tự mình nói lời thô ác.
17. Khuyến khích người khác nói lời thô ác.
18. Và tùy thuận nói lời thô ác.
19. Tự mình nói lời phù phiếm.
20. Khuyến khích người khác nói lời phù phiếm.
21. Và tùy thuận nói lời phù phiếm.

22. Tự mình có tham.
23. Khuyến khích người khác có tham.
24. Và tùy thuận có tham.
25. Tự mình có sân tâm.
26. Khuyến khích người khác có sân tâm.
27. Và tùy thuận sân tâm.
28. Tự mình có tà kiến.
29. Khuyến khích người khác có tà kiến.
30. Và tùy thuận tà kiến.

Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu với **ba mươi** pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

4. Thế nào là ba mươi?

1. Tự mình từ bỏ sát sanh.
2. Khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh.
3. Và không tùy thuận sát sanh.
4. Tự mình từ bỏ lấy của không cho.
5. Khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho.
6. Và không tùy thuận lấy của không cho.
7. Tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục.
8. Khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục.

9. Và không tùy thuận tà hạnh trong các dục.
10. Tự mình từ bỏ nói láo.
11. Khuyến khích người khác từ bỏ nói láo.
12. Và không tùy thuận nói láo.
13. Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi.
14. Khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi.
15. Và không tùy thuận nói hai lưỡi.
16. Tự mình từ bỏ nói lời thô ác.
17. Khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác.
18. Và không tùy thuận nói lời thô ác.
19. Tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm.
20. Khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm.
21. Và không tùy thuận nói lời phù phiếm.
22. Tự mình từ bỏ tham.
23. Khuyến khích người khác từ bỏ tham.
24. Và không tùy thuận tham.
25. Tự mình từ bỏ sân tâm.
26. Khuyến khích người khác từ bỏ sân tâm.
27. Và không tùy thuận sân tâm.
28. Tự mình có chánh kiến.
29. Khuyến khích người khác có chánh kiến.
30. Và tùy thuận chánh kiến.

Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

BỐN MƯƠI PHÁP – *Tăng IV, 639*

1. Thành tựu với **bốn mươi** pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là bốn mươi?

1. **Tự mình** sát sanh.
2. **Khuyến khích** người khác sát sanh.
3. **Tùy thuận** sát sanh.
4. Và **tán thán** sát sanh.
5. Tự mình lấy của không cho.
6. Khuyến khích người khác lấy của không cho.
7. Tùy thuận lấy của không cho.
8. Và tán thán lấy của không cho.
9. Tự mình tà hạnh trong các dục.
10. Khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục.
11. Tùy thuận tà hạnh trong các dục.
12. Và tán thán tà hạnh trong các dục.
13. Tự mình nói láo.
14. Khuyến khích người khác nói láo.
15. Tùy thuận nói láo.
16. Và tán thán nói láo.
17. Tự mình nói hai lưỡi.
18. Khuyến khích người khác nói hai lưỡi.

19. Tùy thuận nói hai lưỡi.
20. Và tán thán nói hai lưỡi.
21. Tự mình nói lời thô ác.
22. Khuyến khích người khác nói lời thô ác.
23. Tùy thuận nói lời thô ác.
24. Và tán thán nói lời thô ác.
25. Tự mình nói lời phù phiếm.
26. Khuyến khích người khác nói lời phù phiếm.
27. Tùy thuận nói lời phù phiếm.
28. Và tán thán nói lời phù phiếm.
29. Tự mình có tham.
30. Khuyến khích người khác có tham.
31. Tùy thuận có tham.
32. Và tán thán có tham.
33. Tự mình có sân tâm.
34. Khuyến khích người khác có sân tâm.
35. Tùy thuận sân tâm.
36. Và tán thán sân tâm.
37. Tự mình có tà kiến.
38. Khuyến khích người khác có tà kiến.
39. Tùy thuận có tà kiến.
40. Và tán thán có tà kiến.

Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu với **bốn mươi pháp**, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

4. Thế nào là bốn mươi?

1. Tự mình từ bỏ sát sanh.
2. Không khuyến khích người khác sát sanh.
3. Không tùy thuận sát sanh.
4. Và không tán thán sát sanh.
5. Tự mình từ bỏ lấy của không cho.
6. Không khuyến khích người khác lấy của không cho.
7. Không tùy thuận lấy của không cho.
8. Và không tán thán lấy của không cho.
9. Tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục.
10. Không khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục.
11. Không tùy thuận tà hạnh trong các dục.
12. Và không tán thán tà hạnh trong các dục.
13. Tự mình từ bỏ nói láo.
14. Không khuyến khích người khác nói láo.
15. Không tùy thuận nói láo.
16. Và không tán thán nói láo.
17. Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi.
18. Không khuyến khích người khác nói hai lưỡi.
19. Không tùy thuận nói hai lưỡi.
20. Và không tán thán nói hai lưỡi.

21. Tự mình từ bỏ nói lời thô ác.
22. Không khuyến khích người khác nói lời thô ác.
23. Không tùy thuận nói lời thô ác.
24. Và không tán thán nói lời thô ác.
25. Tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm.
26. Không khuyến khích người khác nói lời phù phiếm.
27. Không tùy thuận nói lời phù phiếm.
28. Và không tán thán nói lời phù phiếm.
29. Tự mình từ bỏ tham.
30. Không khuyến khích người khác tham.
31. Không tùy thuận tham.
32. Và không tán thán tham.
33. Tự mình từ bỏ sân tâm.
34. Không khuyến khích người khác sân tâm.
35. Không tùy thuận sân tâm.
36. Và không tán thán sân tâm.
37. Tự mình có chánh kiến.
38. Khuyến khích người khác có chánh kiến.
39. Tùy thuận có chánh kiến.
40. Và tán thán có chánh kiến.

Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

TÔN HẠİ – *Tăng IV, 641*

- Thành tựu với **mười** pháp, này các Tỷ-kheo, đem theo mình một **tự ngã bị tổn hại**, bị hủy hoại... đem theo mình một tự ngã không bị tổn hại... không bị hủy hoại...

Thành tựu với **hai** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Thành tựu với **ba** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Thành tựu với **bốn** mươi pháp, này các Tỷ-kheo, đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại... không đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại.

SAU KHI CHẾT 1 – *Tăng IV, 642*

- Thành tựu với **mười** pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ở đây có người sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này...

Với **hai** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Với **ba** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Với **bốn** mươi pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây có người sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ở đây có người, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này...

SAU KHI CHẾT 2 – Tăng IV, 642

- Thành tựu với **mười** pháp, này các Tỷ-kheo, *người ngu* cần phải được biết... người *hiền trí* cần phải được biết...

Với **hai** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Với **ba** mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Với **bốn** mươi pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu cần phải được biết... người hiền trí cần phải được biết.

Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí cần phải được biết...

72 Mưa - Tương I, 97

Mưa – Tương I, 97

(Vị Thiên):

*Vật gì được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng?
Vật gì được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng?
Vật gì thường bộ hành?
Vật gì thuyết tối thượng?*

(Một Thiên nhân):

*Hột giống được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Con mưa được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.
Con bò thường bộ hành,
Con trai thuyết tối thượng.*

(Thế Tôn):

*Huệ minh được mọc lên,
Là mọc lên tối thượng.
Vô minh được rơi xuống,
Là rơi xuống tối thượng.
Tăng-già thường bộ hành,*

Đức Phật thuyết tối thượng.

73 Mưa - Tương V, 576

Mưa – Tương V, 576

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, khi trên đầu núi có cơn mưa to lớn, nước mưa ấy chảy theo hướng xuôi của nó, tràn đầy các hang núi, khe núi; sau khi tràn đầy các hang núi, khe núi, nó tràn đầy hồ nhỏ; sau khi tràn đầy hồ nhỏ, nó tràn đầy hồ lớn; sau khi tràn đầy hồ lớn, nó tràn đầy sông nhỏ; sau khi tràn đầy sông nhỏ, nó tràn đầy sông lớn; sau khi tràn đầy sông lớn, nó tràn đầy biển, đại dương.

3) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị Thánh đệ tử, lòng tịnh tín bất động đối với đức **Phật**, lòng tịnh tín bất động đối với **Pháp**, lòng tịnh tín bất động đối với chúng **Tăng**, và các **giới** được các bậc Thánh ái kính; những pháp này trôi chảy đến bờ bên kia, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.

74 Mười Chi - Tương II, 293

Mười Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) **Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.**

3) Kẻ **tà kiến** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ **tà tư duy**... Kẻ **tà ngữ**... Kẻ **tà nghiệp**... Kẻ **tà mạng**... Kẻ **tà tinh tấn**... Kẻ **tà niệm**... Kẻ **tà định**... Kẻ **tà trí**... Kẻ **tà giải thoát** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

4) Kẻ **chánh kiến** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ **chánh trí**... Kẻ **chánh giải thoát** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

75 Mười Lục - Tương II, 55

Mười Lục – Tương II, 55

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ **mười lục**, đầy đủ **bốn vô sở úy**, tự nhận vị trí Ngu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, **chuyển Pháp luân và nói rằng**: "Đây là **sắc**, đây là **sắc tập khởi**, đây là **sắc đoạn diệt**. Đây là **thọ**, đây là **thọ tập khởi**, đây là **thọ đoạn diệt**. Đây là **tưởng**, đây là **tưởng tập khởi**, đây là **tưởng đoạn diệt**. Đây là **hành**, đây là **hành tập khởi**, đây là **hành đoạn diệt**. Đây là **thức**, đây là **thức tập khởi**, đây là **thức đoạn diệt**".

Như vậy do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.

3) Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

4) Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

76 Mười Lục - Tương II, 56

Mười Lục – Tương II, 56

1). .. Trú Tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đây **đủ mười lục, bốn vô sở úy...** (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

3-4). ..

5) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, *Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn.*

6) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho Thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thể bắt đầu tinh tấn (hành trì và nguyện).

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, hiển lộ các buộc ràng được cắt đoạn. *Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân, dầu thịt, máu trở thành khô cạn, mong rằng tinh tấn lực sẽ được kiên trì* để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu lực, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần dũng.

7) - Khô thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm!

- An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp, và mục đích lớn được viên mãn!

8) - Này các Tỷ-kheo, **không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng.**

- Này các Tỷ-kheo, **phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng.**

- Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo Sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn lên để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

9) **Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trống không, có kết quả, có thành tích** (Sa udraya). Và những vật dụng chúng ta thọ dụng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh, dầu cho những thứ này là khiêm tốn (vokàrà), đối với chúng ta sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, *thấy được tự lợi* là vừa đủ để tinh tấn không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *khi thấy lợi tha* là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *thấy lợi cả hai*, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

77 Mười Nghiệp Đạo - Tương II, 292

Mười Nghiệp Đạo – *Tương* II, 292

1) Trú ở Sàvatthi.

2) **Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.**

3) Kẻ **sát sanh** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ **lấy vật không cho**... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ **tà hạnh trong các dục**... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ **nói láo**... với kẻ nói láo. Kẻ **nói hai lưỡi**... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ **ác ngữ**... với kẻ ác ngữ. Kẻ **nói lời phù phiếm**... cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ **có tham tâm**... với kẻ có tham tâm. Kẻ **có sân tâm**... với kẻ có sân tâm. Kẻ **có tà kiến** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

4) Kẻ **từ bỏ sát sanh** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ **từ bỏ lấy vật không cho**... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ **từ bỏ tà hạnh trong các dục**... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ **từ bỏ nói láo**... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ **từ bỏ nói lời hai lưỡi**... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ **từ bỏ ác ngữ**... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ **từ bỏ nói lời phù phiếm**... với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ **từ bỏ tham tâm**... với

kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm... với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

78 Mạng - Tương V, 319

Mạng – *Tương V*, 319

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có ba căn này. Thế nào là ba?
Nữ căn, nam căn, mạng căn.

3) Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn.

79 MẮT GỐC 1 - Tăng I, 538

MẮT GỐC 1 – *Tăng I*, 538

❖ Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quả trách, làm nhiều điều vô phước. Thế nào là ba?

- Với thân không làm thiện,
- Với lời nói không thiện,
- Với ý nghĩ không thiện,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quả trách, làm nhiều điều vô phước.

❖ Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền sĩ thông minh, là bậc Chân nhân, không tự mình xử sự như kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quả trách, làm nhiều điều phước lành. Thế nào là ba?

- Với thân làm thiện,
- Với lời nói thiện,
- Với ý nghĩ thiện,

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền sĩ thông minh, là bậc Chân nhân, không tự mình xử sự như kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành.

MẤT GỐC 2 – 540tc1

(Như kinh trên, chỉ khác là có phạm tội, không phạm tội) ...

MẤT GỐC 3 – 540tc1

(Như kinh trên, chỉ khác là có thăng bằng, không thăng bằng) ...

MẤT GỐC 4 – 540tc1

(Như kinh trên, chỉ khác là bất tịnh, và tịnh) ...

80 MẮT GỐC 1 - Tăng I, 552

MẮT GỐC 1 – Tăng I, 552

1. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn?

- **Không có suy xét**, không có cứu xét, **tán thán** người không đáng tán thán;
- Không có suy xét, không có cứu xét, không tán thán người đáng được tán thán;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **tín nhiệm** tại những chỗ không đáng tín nhiệm;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

2. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là bốn?

- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tán thán những người không đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tán thán những người đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều điều phước đức.

*Ai khen người đáng chê
Ai chê người đáng khen
Kẻ ấy với miệng lưỡi
Chứa chấp điều bất hạnh
Do vì bất hạnh ấy*

Không tìm được an lạc
Nhỏ nhen không đáng kể
Là loại bất hạnh này
Bất hạnh do cò bạc
Phá hoại các tài sản
Lớn hơn, lớn hơn nhiều
Là loại bất hạnh này
Cho tất cả mọi người
Và cả với riêng mình
Những ai với ác ý
Đối với bậc Thiện thế
Trải qua một trăm ngàn
Thời Nirabbudà
Và cộng ba mươi sáu
Với năm Abbudà
Bị sanh vào địa ngục
Trong suốt thời gian ấy
Nếu mắng nhiếc bậc Thánh
Với lời, ý, nguyện ác.

81 MẤT GỐC 2 - Tăng I, 555

MẤT GỐC 2 – Tăng I, 555

1.- Do tà hạnh trong bốn sự, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là tà hạnh trong bốn sự?

- Tà hạnh đối với mẹ, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh ... tạo nên nhiều điều vô phước.
- Tà hạnh đối với cha, ...
- Tà hạnh đối với Như Lai,
- Tà hạnh đối với đệ tử của Như Lai, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân ... tạo nên nhiều điều vô phước.

Tà hạnh trong bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, ... tạo nên nhiều điều vô phước.

2. Chánh hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách,

tạo nhiều phước đức. Thế nào là chánh hạnh trong bốn sự?

- Chánh hạnh đối với **mẹ**, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh ... tạo nhiều phước đức.
- Chánh hạnh đối với **cha**, ...
- Chánh hạnh đối với Như Lai...
- Chánh hạnh đối với đệ tử Như Lai, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc ... tạo nhiều phước đức.

Chánh hạnh trong bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, ... tạo nhiều phước đức.

*Đối với mẹ và cha
Ai hành xử tà vạy
Với Như Lai Chánh Giác
Hay với đệ tử Ngài
Người xử sự như vậy
Tạo nhiều điều vô phước
Những ai có ác hạnh
Đối với mẹ và cha
Đời này, bậc trí trách
Đời sau sanh đọa xứ
Đối với mẹ và cha
Ai hành xử chơn chánh*

*Với Như Lai Chánh Giác
Hay với đệ tử Ngài
Người xử sự như vậy
Tạo nhiều điều phước đức
Những ai có chánh hạnh
Đối với mẹ và cha
Đời này, bậc trí khen
Đời sau hưởng Thiên giới*

82 MẬT HOÀN - 18 Trung I, 247

KINH MẬT HOÀN (*Madhupindika sutta*)

– Bài kinh số 18 – *Trung I*, 247

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Thế Tôn sống giữa các vị dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Nigrodharama. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khát thực. Sau khi khát thực ở Kapilavatthu, khi ăn xong, trên đường khát thực trở về, Thế Tôn đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gây cầm tay Sakka (Thích-ca), kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gây, đứng một bên. Gây cầm tay Sakka nói với Thế Tôn:

- "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?"

- *"Này Hiền giả, theo lời dạy của Ta, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời; các tướng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy".* Khi nghe nói vậy, Gây cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến vườn Nigrodha, khi đến xong, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Ta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khát thực. Sau khi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường khát thực trở về, Ta đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ta ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gây cầm tay Sakka kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Ta ở, khi đến xong, nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy. Đứng một

bên, Gậy cầm tay Sakka nói với Ta như sau: "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?" Chư Tỷ-kheo, được nói vậy, Ta trả lời Gậy cầm tay Sakka: "Này Hiền giả, theo lời Ta dạy trong thế giới với chư Thiên, Mara, và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời. Các tướng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hồi quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy". Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nhưng bạch Thế Tôn, lời dạy ấy là gì mà Thế Tôn, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời? Các tướng sẽ không ám ảnh Thế Tôn, vị đã sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hồi quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu?

– Này Tỷ-kheo, *do bất cứ nhân duyên gì, một số*

hý luận vọng tưởng ám ảnh một người. Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trọng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy bước vào tịnh xá. Sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này cho chúng ta, không giải thích rộng rãi ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa". Rồi những Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca- chiên-diên) là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn

tất, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này".

Rồi những Tỷ-kheo ấy đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao với Tôn giả Mahakaccana rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– "Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này và không giải thích rõ ràng ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn".

Này Hiền giả Mahakaccana, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, chúng tôi suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy vắn tắt này cho chúng ta... đã đi vào tịnh xá:" Do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy mà Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt... không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Này Hiền giả Mahakaccana, rồi chúng tôi suy nghĩ: "Nay Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và

không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng ta hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. Tôn giả Mahakaccana sẽ giải thích cho".

– Chư Hiền, cũng như một người ưa thích lỗi cây, tìm tòi lỗi cây, đi khắp mọi nơi tìm lỗi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lỗi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng phải tìm lỗi cây ở nơi cành lá. Cũng vậy là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Quý vị phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho quý vị, quý vị hãy như vậy thọ trì.

– Hiền giả Mahakaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích

cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích không có sự gì bất kính.

– Vậy chư Hiền hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana giảng như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt lời dạy này... và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo bất cứ vì nhân duyên gì... không còn dư tàn". Chư Hiền, với lời dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Tôi hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ như sau:

– *Chư Hiền, do hơn con mắt và các sắc pháp, nhãn thức khởi lên.*

– *Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*

– *Do duyên xúc nên có cảm thọ.*

- Những gì có cảm thọ thời có tưởng,
- Những gì có tưởng thời có suy tầm,
- Những gì có suy tầm thì có hý luận.
- Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các sắc pháp do con mắt nhận thức, quá khứ, tương lai và hiện tại.

Chư Hiền, do nhơn lỗ tai và các tiếng, nhĩ thức khởi lên... do nhơn lỗ mũi và các hương, tỷ thức khởi lên... do nhơn lưỡi và các vị, thiệt thức khởi lên... do nhơn thân và xúc, thân thức khởi lên;

- Do nhơn ý và các pháp, ý thức khởi lên.
- Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.
- Do duyên xúc nên có các cảm thọ.
- Những gì có cảm thọ thời có tưởng.
- Những gì có tưởng thời có suy tầm.
- Những gì có suy tầm thời có hý luận.
- Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các pháp do ý thức nhận thức, quá khứ, tương lai, hiện tại.
- Chư Hiền, sự kiện này xảy ra: khi nào có mắt, khi nào có sắc pháp, khi nào có nhãn thức, thời

sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của xúc thời sự thi thiết của thọ được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có thi thiết của thọ thời sự thi thiết của tướng được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của tướng, thời sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.
- Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của suy tầm thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Sự kiện này xảy ra: khi nào có tai, khi nào có các tiếng, khi nào có nhĩ thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có lỗ mũi, khi nào có các hương, khi nào có tỷ thức...

Sự kiện này xảy ra, khi nào có lưỡi, khi nào có các vị, khi nào có thiệt thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có thân, khi nào có các xúc, khi nào có thân thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có ý, khi nào có các pháp, khi nào có ý thức thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

- Chư Hiền, sự kiện này **không xảy ra**: khi nào không có mắt, khi nào không có các sắc, khi nào không có nhãn thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ.
- Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của xúc, sự thi thiết của thọ được hiển lộ.
- Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của thọ, sự thi thiết của tưởng được hiển lộ.
- Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của tưởng, sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.
- Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của suy tầm, thời sự thi thiết của sự ấm ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Chư Hiền, sự kiện này không xảy ra: khi nào không có tai, khi nào không có các tiếng... khi nào không có mũi, khi nào không có các hương... khi nào không có lưỡi, khi nào không có các vị... khi nào không có thân, khi nào không có các xúc ... Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có ý, khi nào không có các pháp, khi nào không có ý thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ...

Chư Hiền, Thế Tôn, sau khi nói lên lời dạy một cách vắn tắt... đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không dư tàn". Chư Hiền, đối với lời dạy Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, và nghĩa lý không được giải thích một cách rộng rãi, tôi đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. *Nếu quý vị muốn, hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, hãy hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải đáp như thế nào, hãy như vậy thọ trì.*

Rồi những Tỷ-kheo ấy, hoan hỷ, tùy hỷ lời Tôn giả Mahakaccana nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nói lên lời dạy này một cách vắn tắt cho chúng con... đã vào tịnh xá. "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói cho chúng ta lời dạy tóm tắt này, không giải thích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy

miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Bạch Thế Tôn, và chúng con suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mahakaccana đã giải thích ý nghĩa ấy cho chúng con với những phương pháp này, với những văn cú này, với những văn tự này.*

– Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Hiền trí. Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Đại tuệ. Chư Tỷ-kheo, nếu các Người hỏi Ta ý nghĩa

này, Ta cũng trả lời như Mahakaccana đã trả lời. Như vậy là chính nghĩa lời dạy ấy, hãy như vậy thọ trì.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– *Bạch Thế Tôn, như một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, Tỷ-kheo có tri thức biệt tài, cứ mỗi phần suy tư đến ý nghĩa pháp môn này với trí tuệ, cứ mỗi phần vị ấy được thưởng thức sự hoan hỷ, được thưởng thức sự thỏa mái tâm trí.* Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Do vậy, này Ananda, pháp môn này được gọi là pháp môn bánh mật (Mật hoàn). Hãy như vậy thọ trì!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn

83 MĂNG NHIẾC - Tăng II, 715

MĂNG NHIẾC – *Tăng II, 715*

1. - Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, **măng nhiếc, mạ ly, các vị tu Phạm hạnh**, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại.

2. Thế nào là năm?

- Phạm tội bị tấn xuất, chặt đứt con đường hướng thượng;
- Hay phạm một tội nhiễm;
- Hay cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng;
- Khi mạng chung tâm bị mê loạn;
- Sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, **măng nhiếc, mạ ly, các vị tu Phạm hạnh**, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

84 Mắt - Tương II, 427

Mắt – Tương II, 427

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Ràhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ràhula bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn **hãy thuyết pháp** cho con để sau khi nghe, con có thể sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần!

4) *Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? **Mắt** là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5) **Tai** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

6) **Mũi** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

7) **Lưỡi** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

8) **Thân** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

9) **Ý** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

10) Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán mắt, nhàm chán tai, nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý.

11) Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

85 Mắt - Tương II, 437

Mắt – Tương II, 437

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

2) Rồi Tôn giả Ràhula, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

3) - **Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường?**

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

4) - **Cái gì vô thường, là khổ hay lạc?**

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

5) - **Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi nhìn cái ấy như sau: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?**

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

6-17) **Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...**

18) **Ý** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

19) Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

20) Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi nhìn cái ấy như sau: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) - Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử có trí nhàm chán mắt, nhàm chán tai, nhàm chán mũi, nhàm chán lưỡi, nhàm chán thân, nhàm chán ý.

22) Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những điều gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

II. Sắc – 439tu2

1) Tại Sàvatthi.

2) Nayà Ràhula, Ông nghĩ thế nào?

(2) Sắc:

- Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

(6-20) Thanh... Hương... Vị... Xúc... Pháp...

III. Thức – 439tu2

(3-20) Nhãn thức... Nhĩ thức... Tỷ thức... Thiệt thức... Thân thức... Ý thức...

IV. Xúc – 439tu2

(3-20) Nhãn xúc... Nhĩ xúc... Tỷ xúc... Thiệt xúc... Thân xúc... Ý xúc...

V. Thọ - 439tu2

(3-20) Thọ do nhãn xúc sanh... Thọ do nhĩ xúc sanh... Thọ do tỷ xúc sanh... Thọ do thiệt xúc sanh... Thọ do thân xúc sanh... Thọ do ý xúc sanh...

VI. Tưởng – 440tu2

(3-20) Sắc tưởng... Thanh tưởng... Hương tưởng... Vị tưởng... Xúc tưởng... Pháp tưởng...

VII. Tư – 440tu2

(3-20) Sắc tư... Thanh tư... Hương tư... Vị tư... Xúc tư... Pháp tư...

VIII. Ái – 440tu2

(3-20) Sắc ái... Thanh ái... Hương ái... Vị ái... Xúc ái... Pháp ái...

IX. Giới – 440tu2

(3-20) Địa giới... Thủy giới... Hỏa giới... Phong giới... Không giới... Thức giới...

X. Uẩn – 440tu2

(3-17) Sắc... Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn...

(21-22) Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán đối với...

Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

86 Mắt - Tương III, 373

Mắt – *Tương* III, 373

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, sự **sanh**, sự **trú**, sự **thành**, sự **xuất hiện** của **mắt** là sự sanh của khô, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

4-8) Sự sanh, sự trú, sự thành, sự xuất hiện của **tai**... của **mũi**... của **lưỡi**... của **thân**... của **ý** là sự sanh của khô, sự trú của bệnh hoạn, sự xuất hiện của già chết.

9) Sự **diệt**, sự **lắng dịu**, sự **chấm dứt** của **mắt** là sự diệt của khô, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

10-14) Sự diệt, sự lắng dịu, sự chấm dứt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân... của ý là sự diệt của khô, sự lắng dịu của bệnh hoạn, sự chấm dứt của già chết.

II. Sắc – 373tu3

(Như kinh trên, chỉ thế vào **sắc**, **thanh**, **hương**, **vị**, **xúc**, **pháp**).

III. Thức – 374tu3

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*).

IV. Xúc

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc*).

V. Thọ

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh*).

VI. Tưởng

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng*).

VII. Tư – 374tu3

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư*).

VIII. Ái – 375tu3

(Nnhư kinh trên, chỉ thế vào *sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái*).

IX. Giới – 375tu3

(Như kinh trên, chỉ thế vào *địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới*).

X. Uẩn (S.iii,231) – 375tu3

(Như kinh trên, chỉ thế vào *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*).

87 MẶT TRỜI - Tăng III, 418

MẶT TRỜI – Tăng III, 418

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Vesàlì, tại rừng Ambapàli. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.

- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn.*
- ➔ *Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.*

❖ Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài 84 ngàn do tuần, rộng 84 ngàn do tuần, chìm xuống biển lớn 84 ngàn do tuần, nổi lên trên biển lớn 84 ngàn do tuần. Này các Tỷ-kheo, *rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa.* Khi không có mưa, các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm được thảo đều khô héo cần cỗi không có tồn tại.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

3. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời **tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

4. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunà, Aciravatì, Sarabhù, Mahì, **các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đáy các sông lớn chảy ra, ví như Anotattà, Sihapapàtā, Rathakārā, Kannamunda, Kunālā, Chaddantā, Mandākini, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

6. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm có mặt, thời nước các biển lớn rút lui một trăm do tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do tuần, các nước biển lớn rút lui ba trăm do tuần... Nước các biển lớn rút lui bảy trăm do tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây sàla, sáu cây sàla, năm cây sàla, bốn cây sàla, ba cây sàla, hai cây sàla, chỉ một cây sàla. Nước biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người.

Ví như nay các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái, có những vũng nước nhỏ đọng lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại, chỗ này chỗ kia.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, **nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

7. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru, sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

8. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa. Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru, cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống.

Sau khi quả đất lớn và núi Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

➔ Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là **vô thường**. Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không có kiên cố**. Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không an ổn**. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa

Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại, sẽ không còn tồn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiến.

9. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có *Đạo Sư Sunetta thuộc ngoại đạo, được ly tham trong các dục*. Này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo Sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới.

Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta, về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mạng chung, họ được sanh lên thiện thú Phạm thiên giới.

Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mạng chung, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha hóa Tự tại, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Đâu-suất Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Dạ-ma Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Thiên giới Ba mươi ba, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn Thiên vương, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-ly, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ.

10. Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta suy nghĩ như sau: *"Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giống như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi"*.

Rồi này các Tỷ-kheo, *bậc Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm.*

- Sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này.
- Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Àbhassara (Quang Âm thiên).
- Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trống không. Tại đây này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chiến thắng, bậc vô năng, bậc biến tri, bậc tự tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển luân Thánh vương theo Chánh pháp, là vị pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả

đất này không dùng trượng, không dùng dao, đúng với Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy, sống lâu dài như vậy, nhưng không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì có sao? Vì rằng vị ấy chưa giác ngộ, chưa thể nhập bốn pháp.

11. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giới**; vì không có giác ngộ, không thể nhập **Thánh định**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh trí tuệ**; vì không giác ngộ, không thể nhập **Thánh giải thoát**.

Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập, **cắt đứt là hữu ái; sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh**.

Thế Tôn nói như vậy. Bạc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Vô thượng giới và định,
Trí tuệ và giải thoát,
Gotama danh tiếng,
Giác ngộ những pháp này.
Đức Phật với thắng trí,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Bậc Đạo sư đoạn khổ,
Bậc Pháp nhãn tịch tịnh.*

88 Mặt Trăng - Tương V, 68

Mặt Trăng – *Tương V*, 68

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phạm ánh sáng của bất cứ loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của **mặt trăng**. Ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định

liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

89 Mặt Trời - Tương V, 161

Mặt Trời – Tương V, 161

1) ...

2) -- Cái này là điềm đi trước, này các Tỷ-kheo, cái này là tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, cái này là tướng báo trước **bảy giác chi** sanh khởi, tức là làm bạn với thiện (kalyāṇamittatā).

3) Tỷ-kheo làm bạn với thiện, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, được tu tập bảy giác chi, được làm cho sung mãn bảy giác chi?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo làm bạn với thiện, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

90 Mặt Trời - Tương V, 68

Mặt Trời – Tương V, 68

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng không có mây mù, **mặt trời** vươn thẳng lên hư không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, bừng sáng.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả đều lấy **không phóng dật** làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành sẽ được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định

liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

91 MỆ - Tăng III, 256

MỆ – Tăng III, 256

1. - Nay các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

2. Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán.
- Người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm Như Lai phải chảy máu.
- Người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác.

Nay các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

92 MẸ CỦA NANDA - Tăng III, 361

MẸ CỦA NANDA – Tăng III, 361

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahàmoggallàna đang du hành ở Dakkhinàgiri, cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ Velukantakì, mẹ của Nanda thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài "Pàràyana" (Con đường đưa đến bờ bên kia).

Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavana nghe *nữ cư sĩ Velukantakì*, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài Pàràyana, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavana biết được nữ cư sĩ, mẹ của Nanda đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!

- *Ngài là ai, hỏi vị có bộ mặt hiền?*

- Nay Chì, ta là anh của Chì, Đại vương Vessavana!

- Lành thay, hỡi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài.

- Lành thay, này Chì! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chì mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

2. Rồi cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng, với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu đi đến Velukantaka nhưng chưa ăn sáng. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda bảo một người đi, nói rằng:

- Nay Bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: "Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn".

- Thưa vâng, thưa nữ cư sĩ.

Người ấy vâng đáp nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo:

- Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.

Rồi chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta mà Mahàmoggallàna là vị cầm đầu, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đến, ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, mời chúng Tỷ-kheo với Sàriputta và Moggallàna là vị cầm đầu, với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và làm chúng Tỷ-kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda thấy Tôn giả Sàriputta ăn đã xong, tay đã rút lui khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với cư sĩ, mẹ của Nanda đang ngồi một bên:

- Nay Mẹ của Nanda, ai bảo cho Bà biết chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà?

- Ở đây, thưa Tôn giả, con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ Pàràyana rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả, Đại vương Vessavana sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- "Lành thay, này Chị! Lành thay, này Chị!"

- "Ngài là ai, hỏi vị có bộ mặt hiền?"

- "Này Chị, ta là anh của Chị, Đại vương Vessavana!"

- "Lành thay, hỡi vị có bộ mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm qua, làm quà tặng đón khách cho Ngài."

- "Lành thay, này Chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo, với Sàriputta và Moggallàna là các vị cầm đầu, sẽ đến Velukantaka, nhưng chưa ăn sáng. Sau khi Chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường."

Thưa Tôn giả, mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho đại vương Vessavana!

3. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể nói chuyện, mặt tận mặt với một Thiên tử có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *Nanda, đứa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và*

đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đứa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đổi khác.

4. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *người chồng của con, khi mạng chung, sanh vào sanh loại Dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con, với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết, không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đổi khác.*

5. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Người có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, *khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết con không có một tâm vi phạm đối với chồng con, hướng nữa là về thân!*

6. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda! Bà có thể cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Thưa Tôn giả, *khi con từ chấp nhận là một nữ cư sĩ, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào.*

7. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, *nếu con muốn, con có thể ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ.*

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ, con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hy hữu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

- Thừa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thừa Tôn giả, *năm hạ phân kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận.*

9. - Thật vi diệu thay, Mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, Mẹ của Nanda!

Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi với một pháp thoại, nói lên cho nữ cư sĩ mẹ của Nanda, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

93 MẸ VÀ CON - Tăng II, 414

MẸ VÀ CON – Tăng II, 414

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

Lúc bấy giờ, tại Sàvatthi, cả hai mẹ và con đều an cư vào mùa mưa, nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muốn thấy mặt nhau. Mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con, và con cũng thường xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ luôn luôn thấy nhau, nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ, nên có sự thân mật. Do có sự thân mật, nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, làm lộ liễu sự yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau.

2. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, tại Sàvatthi, cả hai mẹ con cùng an cư vào mùa mưa, nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muốn thấy mặt nhau, mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con và con cũng thường xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ thường xuyên thấy nhau, nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ,

nên có sự thân mật. Do có thân mật, nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, làm lộ liễu sự yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau.

3.- Sao, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si này lại nghĩ rằng: "Mẹ không tham đắm con, hay con không tham đắm mẹ"?

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một sắc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là, này các Tỷ-kheo, sắc đẹp của nữ nhân.

Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê, sắc đẹp của nữ nhân, chúng sẽ sầu ưu lâu dài, vì bị rơi vào uy lực nữ sắc.

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một tiếng nào khác... một hương nào khác... một vị nào khác... một xúc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là, này các Tỷ-kheo, cảm xúc của nữ nhân.

Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê cảm xúc nữ nhân, chúng sẽ bị sầu ưu lâu dài, vì bị rơi vào uy lực của nữ xúc. Nữ nhân, khi đang đi, sẽ đứng lại để chinh phục tâm người đàn ông; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi cười, khi nói, khi hát, khi khóc, khi bất tỉnh, khi chết, sẽ đứng lại để chinh phục tâm người đàn ông.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói rằng: "Là bấy mỗi toàn diện của Màra", thời người ấy đã nói một cách chơn chánh về nữ nhân, thật là "một bấy mỗi hoàn toàn của Màra".

*Hãy nói chuyện với người,
Có kiếm ở trong tay,
Nói chuyện với ác quỷ,
Hay ngồi thật gần kề.
Con rắn có nọc độc,
Bị cắn liền mệnh chung,
Nhưng chớ có một mình,
Nói chuyện với nữ nhân.
Thất niệm, họ trối lại,
Vớ nhìn, vớ nụ cười,
Vớ xiêm áo hở hang,
Vớ lời nói ngọt lịm,
Người ấy vẫn không thỏa,*

Bất tỉnh bị mệnh chung.
Năm dục công đức ấy,
Được thấy trong nữ sắc
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Hấp dẫn và đẹp ý.
Bị thác nước dục vọng,
Tràn ngập và cuốn trôi,
Kẻ ngu si vô trí,
Không liễu tri các dục.
Loài người khi mạng chung,
Sanh thú hữu, phi hữu,
Họ phải bị dẫn đầu,
Trong nhiều kiếp luân hồi.
Ai liễu tri các dục,
Sở hành không sợ hãi,
Họ đến bờ bên kia,
Đạt được lậu hoặc tận.

94 Mẹ - Tương II, 327

Mẹ – Tương II, 327

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm mẹ...

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

95 Mẹ - Tương II, 423

Mẹ – Tương II, 423

1) Sàvatthi.

2) - **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đắc, cung kính, danh vọng*, thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau: "Dầu cho **vì bà mẹ đáng kính** cũng không cố ý nói láo". Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy **bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, tâm bị xâm chiếm, đã cố ý nói láo.**

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta **hãy từ bỏ chúng**. Đối với các lợi đắc,

cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm".

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

38-43 VIII. Cha, IX. Anh, X. Chị, XI. Con Trai, XII. Con Gái, XIII. Vợ, - 424tu2

1) Sàvatthi.

2) **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đặc, cung kính, danh vọng*; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta biết được tâm của một người như sau:

38) "Dầu cho **vì người cha** đáng kính..".

39) "Dầu cho **vì người anh**..".

40) "Dầu cho **vì người chị**..".

41) "Dầu cho **vì con trai**..".

42) "Dầu cho **vì con gái**..".

43) "Dầu cho vì người vợ, cũng không cố ý nói láo".
Nhưng trong một thời gian khác, Ta thấy người ấy **bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, tâm bị xâm chiếm đã cố ý nói láo.**

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chương ngại pháp do sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng đã đến, chúng ta **hãy từ bỏ chúng**. Đối với các lợi đắc, cung kính, danh vọng chưa đến, chúng ta **không để chúng xâm chiếm tâm**".

6) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

96 MÈN BẰNG TÓC - Tăng I, 524

MÈN BẰNG TÓC – Tăng I, 524

1. - Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả loại vải được dệt, mền được dệt bằng tóc được xem là hạ liệt nhất. Mền được dệt bằng tóc, này các Tỷ-kheo, khi trời lạnh thì lạnh, khi trời nóng thì nóng, xấu xí, có mùi hôi, xúc chạm khó chịu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hạ liệt nhất.

Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau, có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có kết quả của nghiệp, không có tinh tấn".

2. *Này các Tỷ-kheo, những ai là các vị A-la-hán trong thời quá khứ, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn".*

3. *Này các Tỷ-kheo, những ai là các vị A-la-hán trong thời vị lai, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều*

chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không nghiệp quả, không có tinh tấn".

4. *Còn Ta, này các Tỷ-kheo, nay là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác cũng chủ trương có nghiệp, chủ trương có nghiệp quả, chủ trương có tinh tấn.* Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại Ta: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn".

5. *Ví như, này các Tỷ-kheo, tại cửa sông, có người đặt một cái sập bẫy cá đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn hại cho các loại cá.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.

97 MỘNG - Tăng II, 695

MỘNG – Tăng II, 695

1. - Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, này các Tỷ-kheo, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, có **năm mộng lớn** hiện ra. Thế nào là năm?

2. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy đất lớn này là giường lớn, Tuyết sơn, vua các loài núi là các gối, tay trái đặt nằm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân nằm trên biển phía Nam. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ tiriya mọc ra, mọc cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy các con sâu trắng, đầu đen, bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đầy chúng. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ ba này được hiện ra.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến, rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân, nhưng không bị nhóp vì phân. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ năm này được hiện ra.

7. Nay các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy quả đất lớn này làm giường nằm lớn, núi Tuyết sơn, vua các loài núi làm các gối, tay trái đặt nằm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân đặt nằm trên biển phía Nam. Nay các Tỷ-kheo, đối với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Ngài **chứng được Vô thượng Chánh giác ngộ, Chánh Đẳng Giác**. Trong khi Ngài Chánh Đẳng giác ngộ, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra.

8. Nay các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ tiriya mọc ra, mọc cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Nay các Tỷ-kheo, đối với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **Thánh đạo tám ngành** được hoàn toàn giác ngộ và khéo tuyên bố cho chư Thiên và loài Người. Trong khi Ngài chánh giác ngộ, mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

9. Nay các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát mộng thấy các con sâu trắng, đầu đen, bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đậy chúng. Nay các Tỷ-kheo, **hiều gia chủ bận**

áo trắng quy y Như Lai cho đến trọn đời. Trong khi Ngài chánh giác ngộ, mộng lớn thứ ba này được hiện ra.

10. Nay các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát **mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến, rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Bốn giai cấp** này, nay các Tỷ-kheo, Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, các vị ấy chứng ngộ vô thượng giải thoát. Trong khi Ngài chánh giác ngộ, mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

11. Nay các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, **mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân, nhưng không bị nhóp vì phân.** Nay các Tỷ-kheo, **Thế Tôn** được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Và ở đây, Như Lai thọ hưởng không bị trói buộc không bị tham đắm, không bị mê say, thấy sự nguy hại có trí tuệ và xuất ly. Trong khi Ngài chánh giác ngộ, mộng lớn thứ năm này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, trước khi thành Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát năm mộng lớn này được hiện ra.

98 MỘT PHÁP - Tăng I, 71

MỘT PHÁP – Tăng I, 71

1. - Có một người, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại **bất hạnh** cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? **Người có tà kiến, người có điên đảo kiến**. Người ấy làm cho đông người xa lìa diệu pháp, an trú phi pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

2. Có một người, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa đến hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? **Người có chánh kiến, người không có điên đảo kiến**. Người ấy làm cho đông người xa lìa phi pháp, an trú diệu pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa đến hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Ta không thấy một pháp nào khác, lại phạm tội lớn, như tà kiến. Tội thắng tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phạm tội lớn.

4. Ta không thấy một pháp nào khác, được tuân theo đưa đến **bất hạnh cho đa số**, bất lạc cho đa số, thất lợi cho đa số, đem đến bất hạnh, bất lạc cho chư Thiên và loài Người, này các Tỷ-kheo, như kẻ ngu si.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tại cửa sông có đặt một cái nơm bẫy cá, đem lại bất hạnh đau khổ, tổn thương, tổn hại cho nhiều cá. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si Makkhali xuất hiện ở đời, Ta nghĩ rằng như là một cái nơm bẫy cá cho loài Người, đưa đến bất hạnh, bất lạc, bất lợi, đau khổ, tổn thương, tổn hại cho nhiều loại hữu tình.

5. Ai khuyến khích chấp nhận một **pháp luật được vụng thuyết**, thời người khuyến khích và người được khuyến khích như vậy tuân hành, tất cả đều đem lại nhiều **vô phước**. Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

6. Ai khuyến khích chấp nhận một **pháp luật được khéo thuyết**, thời người khuyến khích và người được khuyến khích như vậy tuân hành, tất cả đều đem lại

hiều phước đức. Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

7. Trong một pháp luật được vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, ước lượng của sự **bồ thí**, do người cho biết, chớ không phải do người nhận. Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

8. Trong một pháp luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ước lượng của sự **bồ thí**, do người nhận biết, không phải do người cho. Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

9. Trong một pháp luật được vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, **người tinh cần tinh tấn sống đau khổ.** Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

10. Trong một pháp luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, **người biếng nhác sống đau khổ.** Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

11. Trong một pháp luật được vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống biếng nhác, người ấy sống an lạc. Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

12. Trong một pháp luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống tinh cần tinh tấn, người ấy sống an lạc. Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

13. *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít phân có mùi hôi thúi.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về **hiện hữu** dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng móng tay.

14-17. *Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít nước tiểu có mùi hôi thúi...một ít nước miếng có mùi hôi thúi.....một ít mủ có mùi hôi thúi.....một ít máu có mùi hôi thúi.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về **hiện hữu**, dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng móng tay.

99 MỘT PHÁP - Tăng I, 75

MỘT PHÁP – Tăng I, 75

1. - *Ví như trong cõi Jambudipa (Diêm-phù-đề) này, số ít là các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái, còn nhiều hơn là các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc, gai góc, các núi non lởm chởm.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là *các loài hữu tình sanh trên đất liền.* Và số nhiều là các loài hữu tình sanh ở trong nước.

2....Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các loài hữu tình được tái sanh giữa loài Người. Và **nhiều** hơn là các loài hữu tình được tái sanh ra ngoài loài Người. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các loài hữu tình ấy được tái sanh ở các quốc độ trung ương. Và nhiều hơn các loài hữu tình phải tái sanh ở quốc độ biên địa, giữa các loài man rợ không biết nhận thức.

3.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh có trí tuệ, nhanh trí, không điếc, không câm, có khả năng suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyết hay vụng thuyết. Và nhiều hơn là các chúng sanh có ác trí tuệ, chậm trí, điếc và câm, không có khả năng

suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyết hay vụng thuyết.

4.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh đầy đủ cặp mắt trí tuệ của bậc Thánh. Và nhiều hơn là các chúng sanh bị chìm đắm trong vô minh si ám.

5.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được thấy Như Lai. Và nhiều hơn là các chúng sanh không được thấy Như Lai.

6.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được nghe Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng. Và nhiều hơn là các chúng sanh không được nghe Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng.

7.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh, sau khi nghe, thọ trì pháp. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi nghe không thọ trì pháp.

8.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh quán sát ý nghĩa các pháp chúng học thuộc lòng. Và nhiều hơn là các chúng sanh không quán sát ý nghĩa các pháp chúng học thuộc lòng.

9.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi hiểu được ý nghĩa, sau khi hiểu được**

pháp, thực hành đúng theo pháp và tùy pháp. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi hiểu được ý nghĩa, sau khi hiểu được pháp, không thực hành đúng theo pháp và tùy pháp.

10.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được khích động bởi những vấn đề đáng được khích động. Và nhiều hơn là các chúng sanh không được khích động bởi những vấn đề đáng được khích động.

11.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi được khích động, như lý tinh tấn**. Và nhiều hơn các chúng sanh, sau khi được khích động, không như lý tinh tấn.

12.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm**. Và nhiều hơn các chúng sanh, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, không được định, không được nhất tâm.

13.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các **chúng sanh được đồ ăn tối thắng, được vị ăn tối thắng**. Và nhiều hơn, là các chúng sanh không được đồ ăn tối thắng, không được vị ăn tối thắng, chỉ nuôi sống với các áo và đồ ăn lượm lặt.

14.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh đã được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát**. Và nhiều hơn là các chúng sanh không được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập như sau: *"Chúng ta sẽ là những người được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát"*. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

15-17.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề này, số ít là *các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái*. Và nhiều hơn là *các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những cây gai góc, các núi non lởm chởm*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh sau khi chết từ loài Người được tái sanh trong loài Người**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ loài Người, bị tái sanh ở địa ngục... ở các loại bàng sang... ở cõi ngạ quỷ.

18-20.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ loài Người được tái sanh giữa chư Thiên**. Còn nhiều hơn là các chúng sanh,

sau khi chết từ loài Người bị tái sanh ở địa ngục... bị tái sanh ở loài bàng sanh... bị tái sanh ở cõi ngạ quỷ.

21-23.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ chư Thiên được tái sanh giữa chư Thiên**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ chư Thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

24-26.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ chư Thiên được tái sanh giữa loài Người**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ chư Thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

27-29.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ địa ngục được tái sanh giữa loài Người**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

30-32.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ cõi địa ngục, được sanh lên chư Thiên**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

33-35.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ loài bàng sanh được tái sanh giữa loài Người**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

36-38.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh giữa chư Thiên**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

39-41.... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết ở cõi ngạ quỷ được tái sanh giữa các loài Người**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

42-44. Ví như cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là **các chúng sanh, sau khi chết ở cõi ngạ quỷ được tái sanh giữa chư Thiên**. Và nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi chết, ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

100MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH - Tăng III, 209

MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH – *Tăng III,* 209

1. - **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.**

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập (quyết trạch), pháp môn pháp?*

- Này các Tỷ-kheo, cần phải biết **các dục**, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt.
- Này các Tỷ-kheo, cần phải biết **cảm thọ**, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thực, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt.

- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **các tướng**, cần phải biết các tướng duyên khởi, cần phải biết các tướng sai biệt, cần phải biết các tướng dị thực, cần phải biết các tướng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các **lậu hoặc**, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thực, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **nghiệp**, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thực, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.
- Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết **khổ**, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

3. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các dục**, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì được nói như vậy?

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **dục**?

- Nay các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do nhận thức... các hương do nhận thức... các vị do nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

- *Các tư duy tham ái,
 Là dục của con người,
 Các hoa mỹ ở đời,
 Chúng không phải là dục,
 - Các tư duy tham ái
 Là dục của con người,
 Các hoa mỹ an trú
 Như vậy ở trên đời,
 Ở đây những bậc Trí,
 Nhiếp phục được lòng dục.*

4. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi?

- **Xúc**, này các Tỷ-kheo, là các dục duyên khởi.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các dục sai biệt?

- Nay các Tỷ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Nay các Tỷ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục dī ṭṭhacā?

- Này các Tỷ-kheo, khi muốn một cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các dục dī ṭṭhacā.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục đọa diệt?

- Này các Tỷ-kheo, Xúc đọa diệt là dục đọa diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đọa diệt. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy, rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dī ṭṭhacā như vậy, rõ biết các dục đọa diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đọa diệt như vậy, khi ấy, vì ấy được rõ biết Phạm hạnh thế nhập này như là các dục đọa diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đọa diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

5. Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dī ṭṭhacā,

cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ?

- Đây các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này: lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho sanh khởi?

- Đây các Tỷ-kheo, **Xúc** là các cảm thọ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho sai biệt?

- Đây các Tỷ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho di thực?

- Đây các Tỷ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ di thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm tho đoạn diệt?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc đoạn diệt**, là các cảm thọ **đoạn diệt**. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Và khi nào, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thực như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khí ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

7. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các tướng**... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **tướng**?

Nay các Tỷ-kheo, có sáu tướng này: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.

8. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **tướng sanh khởi**?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc là các tướng sanh khởi.**

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **tướng sai biệt**?

- Đây các Tỷ-kheo, các tướng trong các sắc là khác, các tướng trong các tiếng là khác, các tướng trong các hương là khác, các tướng trong các vị là khác, các tướng trong các xúc là khác, các tướng trong các pháp là khác. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các tướng sai biệt.

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng dị thực?

- Đây các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng các Tướng là kết quả của thói quen**, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là các tướng dị thực.

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là các tướng đoạn diệt?

- Xúc đoạn diệt, đây các Tỷ-kheo, là tướng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tướng đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào đây các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tướng như vậy, rõ biết các tướng sanh khởi như vậy, rõ biết các tướng sai biệt như vậy, rõ biết các tướng dị thực như vậy, rõ biết các tướng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tướng đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các tướng... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

9. Này các Tỷ-kheo, **cần phải biết các lậu hoặc**... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc**?

- Này các Tỷ-kheo, **có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.**

10. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc sanh khởi**?

- Này các Tỷ-kheo, **Vô minh** là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc sai biệt**?

- Này các Tỷ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến **địa ngục**, có các lậu hoặc đưa đến **bàng sanh**, có các lậu hoặc đưa đến **ngạ quỷ**, có các lậu hoặc đưa đến thế giới **loài người**, có các lậu hoặc đưa đến thế giới **chư Thiên**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các **lậu hoặc di thục**?

- Này các Tỷ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt?

- Này các Tỷ-kheo, Vô minh đoạn diệt là các lậu đoạn diệt.
- Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc....*cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt*, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết các nghiệp...** cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp**?

- Nay các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.**

12. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp sanh khởi**?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc** là các nghiệp sanh khởi.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp sai biệt**?

Nay các Tỷ-kheo,

- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ ở địa ngục,**
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ loài bàng sanh,**
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ cõi naga quý,**
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ thế giới loài Người,**
- Có nghiệp đưa đến **cảm thọ thế giới chư Thiên.**

Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là các **nghiệp di thực**?

- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp di thực: Ở ngay **đời hiện tại,** hay ở **đời sau,**

hay ở một đời sau nữa. Nay các Tỷ-kheo, đây là các nghiệp dị thực.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ng nghiệp đoạn diệt?

- Nay các Tỷ-kheo, **Xúc đoạn diệt là nghiệp đoạn diệt.**
- Đây là **Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt.** Đó là chánh tri kiến... chánh định.

Khi nào, nay các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thực như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thế nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Nay các Tỷ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

13. Nay các Tỷ-kheo, **cần phải biết Khổ**, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được

nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

14. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi?

- **Ái**, này các Tỷ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sai biệt?

- Này các Tỷ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ di thực?

- Này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh. Do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.
- Này các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ di thực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

- Ái đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thực như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vì ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là thể nhập pháp môn, pháp pháp môn.

101 MỘT SỐ NỮ CƯ SĨ - Tăng IV, 59

MỘT SỐ NỮ CƯ SĨ – *Tăng IV, 59*

Bojjhà, Sirimà, Padumà, Sudhanà, Manujà, Uttarà, Muttà, Khemà, Somà Rùpì, Cundì Bimbì, Sumanà, Mallikà, Tissà, mẹ của Tissà, Sonà, mẹ Cunda Sonà, Kànà, mẹ của Kànà, Uttarà, mẹ của Nandà, Visàkhà, mẹ của Migàra, nữ cư sĩ Khujjuttarà và Sàravatì, Suppavàsà, người thiếu nữ Koliya, nữ cư sĩ Suppiyà, nữ gia chủ mẹ của Nakula.

102MỘT UNG NHỌT - Tăng IV, 116

MỘT UNG NHỌT – Tăng IV, 116

1. - Ví như, này chư Hiền, một ung nhọt đã trải nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

5. Ung nhọt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với **thân** này do bốn đại tác thành, do cha mẹ sinh ra, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, hoại diệt, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy nhàm chán thân này.

103 Một - Tương IV, 394

Một – *Tương* IV, 394

1) ...

2) --Do đầy đủ một sức mạnh, này các Tỷ-kheo, người đàn ông tiếp tục chinh phục người đàn bà. Thế nào là một sức mạnh?

- Sức mạnh của người làm chủ (isariyabalena).

3) Người đàn bà đã bị chinh phục bởi sức mạnh của người làm chủ, này các Tỷ-kheo, thời sức mạnh nhan sắc không che chở được, sức mạnh tài sản không che chở được, sức mạnh bà con không che chở được, sức mạnh con trai không che chở được, sức mạnh giới hạnh không che chở được.

104 Một Căn Rễ - Tương I, 74

Một Căn Rễ – *Tương I, 74*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị Thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Một rễ, hai phương diện,
Ba uế, năm môi trường,
Biển lớn, mười hai họa,
Vực xoáy bậc Thánh siêu.*

105 Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim - Tương II, 448

Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim – *Tương II*, 448

1) Ở đây, này Hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakùta bước xuống, tôi thấy một miếng thịt đang đi giữa hư không. Các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ nó, cắn xé nó, và nó kêu lên tiếng kêu đau đớn.

2) Chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, là một kẻ săn chim ở Ràjagaha. Do nghiệp của người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thục còn lại người đó cảm thọ một tư ngã như vậy.

106 Một Ngàn - Tương V, 454

Một Ngàn – Tương V, 454

1) Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, trong khu vườn ông Anàthapindika.

2-3) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm... nói với Tôn giả Anuruddha:

-- *Do tu tập, do làm cho sung mãn những pháp gì, Tôn giả Anuruddha đạt được đại thắng trí?*

-- Thừa chư Hiền, do tu tập, làm cho sung mãn **bốn niệm xứ**, nên tôi **chứng được đại thắng trí**. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này chư Hiền, tôi trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Do tu tập, do làm cho sung mãn bốn niệm xứ này, thừa chư Hiền, nên tôi nhớ được ngàn kiếp.

Như Ý Lực 1 – 455tu5

5) -- Thừa chur Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi **thực hiện nhiều loại thần thông**: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến Phạm thiên giới.

Như Ý Lực 2 – 456tu5

5) -- Thừa chur Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi **chứng được thiên nhĩ thông**, thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai thứ tiếng, chur Thiên và loài Người, hoặc xa hoặc gần.

Với Tâm Của Mình – 456tu5

5) -- Thừa chur Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ**, tôi với tâm của mình **biết được tâm của nhiều loại hữu tình khác**, nhiều loại người khác. Với tâm có tham, tôi rõ biết là tâm có tham... với tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát.

Xứ 1 – 456tu5

5) -- Thừa chur Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thực **rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ**.

Xứ 2 – 456tu5

-- Thừa chư Hiền, do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật **rõ biết quả dị thực các nghiệp báo** (kammassamadanam) quá khứ, vị lai, hiện tại tùy thuộc sở do (thànati) và tùy thuộc về thân (hetaso).

Đạo Lộ – 457tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật rõ biết **con đường đưa đến tất cả cảnh giới.**

Thế Giới – 457tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật **rõ biết thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại sai biệt.**

Thắng Giải Sai Biệt – 457tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật **rõ biết chỉ hướng sai biệt của các loại hữu tình.**

Căn – 457tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật **rõ biết các căn thượng hạ**

(indriyaparopariyattim) của các loại hữu tình và các loại người.

Thiền – 458tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi như thật **rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền chứng, về Thiền, về Giải thoát, về Định.**

Minh 1 – 458tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi **nhớ được nhiều đời quá khứ,** như một đời, hai đời... nhiều đời sống quá khứ cùng các nét đại cương và các chi tiết.

Minh 2 – 458tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, tôi **chứng được thiên nhãn** thanh tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh.

Minh 3 – 458tu5

5) -- Do tu tập, do làm cho sung mãn **bốn niệm xứ** này, do **đoạn tận các lậu hoặc,** ngay trong hiện tại, với thắng trí, tôi chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

107 Một Ngàn - Tương V, 529

Một Ngàn – Tương V, 529

- 1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại khu vườn Rājaka.
- 2) Rồi một chúng gồm một ngàn Tỷ-kheo-ni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.
- 3) Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni đang đứng một bên:

-- **Này các Tỷ-kheo-ni, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn pháp là bậc Dự lưu, không còn bị thối đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?**

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo-ni,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: *"Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: *"Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu"*.

- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".
- Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.

8) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo-ni, **bậc Thánh đệ tử là bậc Dự lưu**, không còn bị thoái hạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

108 Một Ngàn và Nhiều Hơn - Tương I, 422

Một Ngàn và Nhiều Hơn – *Tương I*, 422u

1) Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) cùng đại chúng Tỷ-kheo 1.250 vị.

2) Lúc bảy giờ Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp.

3) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn với bài pháp thoại liên hệ đến Niết-bàn, đang thuyết giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và những Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung tất cả tâm tư, lắng tai nghe pháp. Vậy trước mặt Thế Tôn, ta hãy nói lên những bài kệ tán thán thích ứng."

4) Rồi Tôn giả Vangisa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

5) Thế Tôn đáp:

- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề ấy!

6) Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán thích ứng:

*Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết pháp vô cầu,
Niết-bàn, không sợ hãi.*

*Họ nghe pháp vô cầu,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng.
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Chánh Giác chói sáng.*

*Bậc Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long Tượng,
Bậc Ân Sĩ thứ bảy,
Trong các vị Ân Sĩ.*

*Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban độ tử.
Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư.*

*Ôi bậc Đại Anh hùng!
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,*

Đánh lễ dưới chân Ngài.

7) - *Này Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?*

8) - Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con không phải suy nghĩ từ trước, chính được khởi lên tại chỗ.

9) - *Vậy này Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.*

10) - Thừa vâng bạch Thế Tôn.

Tôn giả Vangsia vâng đáp Thế Tôn và nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn; những bài kệ chưa được suy nghĩ từ trước:

*Thắng ác ma, tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn.
Hãy thấy bậc Giải Thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Phân tích thành từng phần,
Hắc, bạch pháp phân minh.*

*Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Mục đích giúp mọi người,
Vượt qua dòng bực lưu,
Chính trên pháp bất tử,*

Được Ngài (thường) tuyên thuyết.

*Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú không thối chuyển,
Bậc tạo dựng quang minh,
Ngài thâm nhập (các pháp),
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ.*

*Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ,
Pháp như vậy khéo giảng.
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy?
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ.
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đánh lễ, tu học.*

109 Một Nửa - Tương V, 10

Một Nửa – *Tương V, 10* (Upaddham)

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Sakkara.

2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- **Một nửa** Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu (kalyàsamittatà), thiện bạn đồng (kalyànasahàyatà), thiện thân tình (kalyàsam-pavankatà).

3) -- Chớ có nói vậy, này Ananda! Chớ có nói vậy, này Ananda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ananda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình. Với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, này Ananda, thời được chờ đợi **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn.

4) *Và này Ananda, thế nào là Tỷ-kheo **thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành?***

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.** Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Ananda, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

5) Này Ananda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình. **Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ananda, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh;** các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ananda, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình.

110 Một Pháp - Tương V, 140

Một Pháp – Tương V, 140

1) ...

2) -- Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử. Đó chính là **bảy giác chi**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

3) *Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các

Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử.

4) Và này các Tỷ-kheo, *thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử?*

- **Mắt**, này các Tỷ-kheo, là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước (ajjhosaṇā), sai sử, trói buộc (samyojanavinibandhā)
- Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...
- Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước, sai sử, trói buộc.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp có khả năng sanh kiết sử.

111 Một Pháp - Tương V, 463

Một Pháp – Tương V, 463

1) Tại Sàvatthi...

2) Ở đây... nói như sau:

3) -- Có **một** pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

Thế nào là một pháp? **Niệm hơi thở vô, hơi thở ra.**

Và này các Tỷ-kheo, niệm hơi thở vô, hơi thở ra, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào thời có quả lớn, có lợi ích lớn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống, **ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm thở vô, chánh niệm thở ra.**

5-10)

1. **Thở vô dài, vị ấy rõ biết:** "Tôi thở vô dài".
- Thở ra dài, **vị ấy rõ biết:** "Tôi thở ra dài".
2. **Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết:** "Tôi thở vô ngắn".

- Thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".
- 3. "**Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 4. "**An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 5. "**Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 6. "**Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 7. "**Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 8. "**An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 9. "**Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 10. "**Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 11. "**Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 12. "**Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 13. "**Quán vô thường, tôi sẽ thở vô**", vị ấy **tập**.
 - "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.

14. **"Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.**
- **"Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.**
15. **"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.**
- **"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.**
16. **"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.**
- **"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.**

11) -- Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn như vậy, niệm hơi thở vô, hơi thở ra thời có quả lớn, có lợi ích lớn.

112 Một Phần - Tương V, 273

Một Phần – Tương V, 273

1) Một thời Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Mahà Moggalàna và Tôn giả Anuruddha trú ở Sàketa, tại rừng Kantakì.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggalàna, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuruddha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sàriputta thưa với Tôn giả Anuruddha:

3) -- "*Hữu học, hữu học*", thưa Hiền giả Anuruddha, *được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Anuruddha, là hữu học?*

-- *Do tu tập một phần Bốn niệm xứ, thưa Hiền giả, là bậc hữu học. Thế nào là bốn?*

4) Ở đây, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... trú, quán **thọ** trên các thọ... trú, quán **tâm** trên tâm... trú, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở

đời. Do tu tập một phần bốn niệm xứ này, thừa Hiền giả, là bậc hữu học.

Hoàn Toàn – 274tu5 (Samattam)

1-2)... (như kinh trên, số 1 và 2)...

3) -- *"Vô học, vô học", thừa Hiền giả Anuruddha, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Hiền giả Anuruddha, là bậc vô học?*

-- Do tu tập hoàn toàn Bốn niệm xứ, thừa Hiền giả, là bậc vô học.

Thế nào là bốn?

4). .. (như kinh trên, số 4; chỉ đoạn sau có khác: Do tu tập một cách hoàn toàn bốn niệm xứ này, thừa Hiền giả, là bậc vô học)

113 Một Phần - Tương V, 394

Một Phần – Tương V, 394

1) ...

2) -- Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **trong quá khứ**, này các Tỷ-kheo, **đã thực hiện một phần như ý túc**; tất cả những vị ấy đã làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong **thời tương lai**, này các Tỷ-kheo, **sẽ** thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy sẽ làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **trong hiện tại**, này các Tỷ-kheo, **có** thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đang làm như thế nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo tu tập như ý túc, **câu hữu** với **dục** định tinh cần hành;

- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tinh tấn** định tinh cần hành;
- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tâm** định tinh cần hành;
- Tu tập như ý túc, câu hữu với **tư duy** định tinh cần hành.

4) Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã thực hiện một phần như ý túc... sẽ thực hiện... đang thực hiện một phần như ý túc; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập, nhờ làm cho sung mãn bốn như ý túc.

114 Một Trăm Cây Thương - Tương V, 640

Một Trăm Cây Thương – *Tương V*, 640 (Sattisata)

1) ...

2) -- Ví như, này các Tỷ-kheo, một người tuổi thọ đến một trăm năm, mạng sống đến một trăm năm. Có người đến nói với người ấy: "Này Ông, vào buổi sáng, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi trưa, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi chiều, Ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Này Ông, như vậy mỗi ngày Ông bị đâm ba trăm cây thương, với tuổi thọ đến một trăm năm, với mạng sống đến một trăm năm. Sau một trăm năm, Ông sẽ được giác ngộ **bốn Thánh đế** trước kia chưa được giác ngộ".

Này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử hiểu biết nghĩa lý (atthavasikena) có thể chấp nhận chăng? Vì sao?

3) *Vô thí, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với (những đau khổ) do bị thương đâm, do bị kiếm chém, do bị búa chặt. Dẫu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà bốn Thánh đế được chứng ngộ. Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên*

bồ rằng nhờ lạc và hỷ mà bốn Thánh đế được chứng ngộ.

4) Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

115 Một Trăm Lễ Tám - Tương IV, 372

Một Trăm Lễ Tám – *Tương IV, 372*

1) ...

2) -- *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn về pháp theo **108 pháp môn**. Hãy lắng nghe.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về pháp theo 108 pháp môn?*

- Có hai thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có ba thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có năm thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có sáu thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có 18 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có 36 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.
- Có 108 thọ, theo pháp môn thuyết giảng của Ta.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **hai** thọ?*

- Thọ về **thân** và
- Thọ về **tâm**.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hai thọ.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **ba** thọ?*

- Lạc thọ,
- Khổ thọ,
- Bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **năm** thọ?

- Lạc căn, Khổ căn,
- Hỷ căn, Ưu căn,
- Xả căn.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là năm thọ.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sáu** thọ?

- Thọ do *nhãn* xúc sanh,
- Thọ do *nhĩ* xúc sanh,
- Thọ do *tỷ* xúc sanh,
- Thọ do *thiệt* xúc sanh,
- Thọ do *thân* xúc sanh,
- Thọ do *ý* xúc sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu thọ.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **18** thọ?

- Có sáu tư duy thân cận (upavicàrà) với **hỷ**;

- Có sáu tư duy thân cận với **ưu**;
- Có sáu tư duy thân cận với **xả**.

Này các Tỷ-kheo, đây là 18 thọ.

9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **36** thọ?*

- Sáu **hỷ** liên hệ đến gia đình, sáu **hỷ** liên hệ đến ly dục;
- Sáu **ưu** liên hệ đến gia đình, sáu **ưu** liên hệ đến ly dục;
- Sáu **xả** liên hệ đến gia đình, sáu **xả** liên hệ đến ly dục.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là 36 thọ.

10) *Thế nào là **108** thọ?*

- 36 thọ về quá khứ,
- 36 thọ về tương lai,
- 36 thọ về hiện tại.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là 108 thọ.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp môn về pháp theo 108 pháp môn.

116 Một Tỷ Kheo Khác 1 - Tương V, 18

Một Tỷ Kheo Khác 1 – Tương V, 18

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn...
- 3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Phạm hạnh, Phạm hạnh*", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là **Phạm hạnh**? Thế nào là **cứu cánh Phạm hạnh**?

-- Nay Tỷ-kheo, con đường **Thánh đạo Tám ngành** này là Phạm hạnh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Tỷ-kheo, **đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si**, đây là cứu cánh Phạm hạnh.

Một Tỷ Kheo Khác 2 – Tương V, 18

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. *Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?*

-- ***Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.***

4) Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Bất tử, bất tử*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. *Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?*

- *Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si*, này Tỷ-kheo, được gọi là ***bất tử***.
- Con đường *Thánh đạo Tám ngành* này là ***con đường đưa đến bất tử***, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

117 Một Tỷ Kheo Khác 2 - Tương V, 18

Một Tỷ Kheo Khác 2 – Tương V, 18

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...
- 3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?

-- **Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.**

- 4) Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Bất tử, bất tử*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. *Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?*

- Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỷ-kheo, được gọi là **bất tử.**

- Con đường Thánh đạo Tám ngành này là **con đường đưa đến bất tử**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

118 Một Vị - Tương II, 138

Một Vị – Tương II, 138

1)... Trú Tại Sàvatthi.

2) Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu bèn ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- *Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động là người cảm thọ?*

- *Này Bà-la-môn, người hành động là người cảm thọ, ấy là một cực đoan.*

4) *Thưa Tôn giả Gotama, có phải người hành động khác, người cảm thọ khác?*

- *Người hành động khác, và người cảm thọ khác, ấy là cực đoan thứ hai.*

Này Bà-la-môn, từ bỏ hai cực đoan ấy, Thế Tôn thuyết pháp theo trung đạo.

5) **Do duyên vô minh nên có hành.** Do duyên hành nên có **thức**. Do duyên thức nên có **danh sắc**, do duyên danh sắc nên có **sáu xứ**, do duyên sáu xứ nên có **xúc**, do duyên xúc nên có **thọ**, do duyên thọ nên có **ái**, do duyên ái nên có **thủ**, do duyên thủ nên có **hữu**, do duyên hữu nên có **sanh**, do duyên sanh nên có **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** khởi lên. **Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.**

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên **hành** diệt. Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** đều diệt. **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

6) Khi được nói vậy, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

119 Một Đồng Thiện - Tương V, 226

Một Đồng Thiện – *Tương V*, 226

1-2) Tại Sàvatthi. Ở đây, Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Đồng bất thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đồng bất thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái.* Thế nào là năm?

4) Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi hoặc triền cái. Đồng bất thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là năm triền cái, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đồng bất thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái.

5) *Đồng thiện, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đồng thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ.* Thế nào là bốn?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... quán **thọ** trên các thọ... quán **tâm** trên tâm... quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Đồng thiện này, này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói là bốn niệm xứ, người ấy nói một cách chơn chánh. Toàn bộ đồng thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là bốn niệm xứ.

120MỤC ĐÍCH 1 - Tăng II, 557

MỤC ĐÍCH 1 – Tăng II, 557

1. - Thành tựu năm chi phân, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh có hy vọng về quốc độ.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;
- Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen,
- Được cha mẹ thương yêu ưa thích,
- Được dân chúng quốc độ thị trấn thương yêu ưa thích;
- Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, như nghề voi, ngựa, xe, cung và chuôi gươm, vị ấy hoàn toàn được huấn luyện.

Vì ấy suy nghĩ như sau:

- "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta được cha mẹ thương yêu ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Ta được dân chúng quốc độ thị trấn thương yêu ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?
- Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh như nghề voi, ngựa xe, cung và chuôi gươm ta hoàn toàn được huấn luyện, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?"

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào quốc độ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.

3. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo **có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai**: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn".
- Tỷ-kheo ấy **ít bệnh, ít nã**, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.
- Tỷ-kheo ấy **không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư**, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.
- Tỷ-kheo ấy **sống tinh cần tinh tấn**, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các thiện pháp.
- Tỷ-kheo ấy **có trí tuệ**, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt các pháp, thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Vị ấy suy nghĩ như sau:

- **"Ta có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán,...Phật, Thế Tôn". Tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?**

- Ta ít bệnh, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?
- Ta có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt của các pháp, thành tựu sự thể nhập thuộc bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?"

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đặt hy vọng và sự đoạn diệt các lậu hoặc.

121 MỤC ĐÍCH 2 - Tăng II, 560

MỤC ĐÍCH 2 – *Tăng II*, 560

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng về phó vương.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;
- Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen;
- Được cha mẹ thương yêu, ưa thích;
- Được quân đội thương yêu, ưa thích;
- Có trí tuệ, thiện xảo, thông minh, có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại.

Vị ấy suy nghĩ như sau:

- "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không một vết nhơ nào, một dèm pha nào về

vấn đề huyết thống thọ sanh; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị phó vương?

- Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị phó vương?
- Ta được cha mẹ thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị phó vương?
- Ta được quân đội thương yêu, ưa thích; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị phó vương?
- Ta là bậc có trí tuệ, thiện xảo, thông minh, có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị phó vương?"

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào địa vị phó vương.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm pháp **đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.**

3. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *có giới*, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhiệm, chấp nhận, và học tập trong các học pháp;

- Là *bậc nghe nhiều*, giữ gìn điều được nghe, tích tập điều được nghe, đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, đối với các pháp như vậy, được nghe nhiều, được thọ trì, đã được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến;
- Đối với *Bốn niệm xứ, tâm khéo an trú*;
- Vị ấy *sống tinh cần tinh tấn* đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp;
- *Có trí tuệ*, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập thuộc bậc Thánh vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau.

Vị ấy suy nghĩ như sau:

- "Ta có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhiệm, ta chấp nhận và học tập các thiện pháp; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc?
- Ta là người nghe nhiều, gìn giữ điều được nghe, tích tập điều được nghe. Đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có

văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, đối với các pháp như vậy, ta được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc?

- Ta khéo an trú tâm ta vào Bốn niệm xứ; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc?
- Ta sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc?
- Ta là bậc có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập thuộc bậc Thánh vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau; tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc?".

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự hoại diệt các lậu hoặc.

122 Mỹ Nhân - Tương II, 408

Mỹ Nhân – Tương II, 408

1) Sàvatthi.

2) - **Khổ lụy**, này các Tỷ-kheo, là *lợi đắc, cung kính, danh vọng*, thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

3) Với ai, này các Tỷ-kheo, **tâm bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chinh phục và ngự trị, thời không một mỹ nhân nào, với tâm của mình chinh phục và ngự trị tâm của người ấy.**

4) Như vậy khổ lụy, này các Tỷ-kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng, thật là đăng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chứng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

5) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

